



ISSN: 2615-9597

Số 5
2020

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

**NHỊT LIỆT CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG LẦN THỨ III, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**



**VIỆT NAM CÙNG CỘNG ĐỒNG ASEAN
KẾT NỐI HÀNH ĐỘNG VÌ SỰ BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG
VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**

Môi trường

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Website: www.tapchimoitruong.vn**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

TS. Nguyễn Văn Tài

(Chủ tịch)

GS. TS. Nguyễn Việt Anh

GS. TS. Đặng Kim Chi

PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh

GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng

TS. Nguyễn Thế Đồng

PGS. TS. Lê Thu Hoa

GS. TSKH. Đặng Huy Huỳnh

PGS. TS. Phạm Văn Lợi

PGS. TS. Phạm Trung Lương

GS. TS. Nguyễn Văn Phuoc

TS. Nguyễn Ngọc Sinh

PGS. TS. Lê Ké Son

PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn

PGS. TS. Trương Mạnh Tiến

TS. Hoàng Dương Tùng

PGS. TS. Trịnh Văn Tuyên

PHỤ TRÁCH TẠP CHÍ

Nguyễn Văn Thùy

Tel: (024) 61281438

● TRỤ SỞ TẠI HÀ NỘI:

Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ,

P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Trí số: (024) 66569135

Biên tập: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn**● THƯỜNG TRÚ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH:**

Phòng A 907, Tầng 9 - Khu liên cơ quan

Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng,

P. 9, Q. 3, TP. HCM

Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875

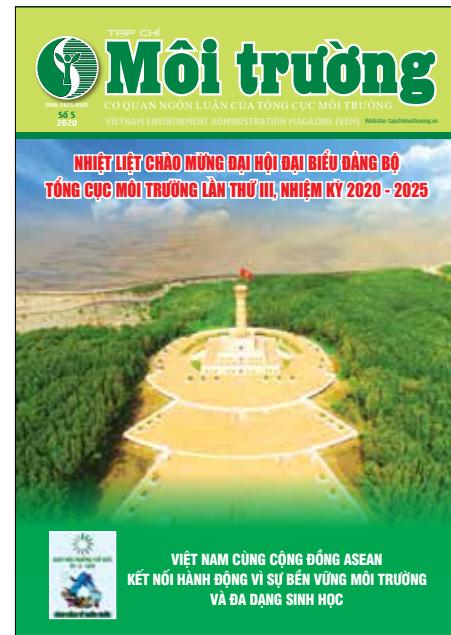
Email: tcmtphianam@vea.gov.vn**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN**

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Họa sỹ: Nguyễn Việt Hưng

Chế bản & in:

Cty CP In Văn hóa Truyền thông Hà Nội

Số 5/2020**Giá: 20.000đ**

▲ Cột cờ Hà Nội trên đất mũi Cà Mau
(Ảnh: TTXVN)

**SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG**

- [4] Quốc hội sẽ cho ý kiến về Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 9
- [6] Lễ phát động Tháng hành động vì môi trường và hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (5/6/2020): Cùng chung tay hành động vì thiên nhiên và môi trường tươi đẹp
- [8] Xây dựng Đảng bộ Tổng cục Môi trường trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức là nhân tố quyết định thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ môi trường
- [13] Tổng cục Môi trường tích cực hưởng ứng Giải Búa liềm vàng lần thứ V năm 2020
- [13] Tìm hiểu 90 năm Ngày Truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng

**LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH****GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (SỬA ĐỔI)**

- [14] ĐẶNG HUY HUỲNH - NGUYỄN HẰNG: Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi): Thể hiện một cách toàn diện về quyền của con người được sống trong môi trường khỏe mạnh
- [16] LÊ HOÀNG LAN: Các quy định mới về đánh giá tác động môi trường trong Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi): Mục tiêu đề xuất và một số vấn đề cần thảo luận tiếp
- [20] NGUYỄN QUỐC HIỆU - GIÁNG HƯƠNG: Tăng cường kiểm soát, quản lý hoạt động săn bắt, buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã

TRONG SỐ NÀY



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN



- [24] ĐẶNG HUY HUỲNH: Việt Nam cùng cộng đồng ASEAN kết nối hành động vì sự bền vững môi trường và đa dạng sinh học
- [27] NGUYỄN VĂN VŨ - PHẠM TUYÊN: Cần quy hoạch lại vùng khai thác thủy sản để “mở đường” cho rùa biển
- [29] ĐỖ NGỌC DƯƠNG: Bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên: Thực trạng và giải pháp
- [31] NGUYỄN THANH GIANG: Sử dụng công nghệ trong công tác bảo tồn động vật hoang dã như thế nào?
- [33] NGUYỄN THÚY HẰNG, ĐỖ MINH PHƯỢNG: Cần nỗ lực bảo tồn loài voi Tây Nguyên trước đà suy giảm của quần thể
- [36] PHẠM THỊ NHÂM: Bảo tồn và phát huy các giá trị đa dạng sinh học tại Khu Dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH



- [39] ĐỖ NAM THẮNG: Cần giải pháp quyết liệt xử lý ô nhiễm không khí tại một số đô thị ở Việt Nam
- [40] NGUYỄN MINH PHƯƠNG: Nhu cầu đổi mới công nghệ xử lý nước thải trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy
- [44] LÊ MAI: Long An thực hiện những mô hình độc đáo chống rác thải nhựa



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [46] HOÀNG ĐÀN: Đại hội Đảng bộ Công ty Nhiệt điện Thái Bình: Gắn liền tăng trưởng kinh tế với công tác bảo vệ, cải tạo môi trường



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [48] VŨ THẾ HÙNG - NGUYỄN XUÂN HÀI: Kinh nghiệm áp dụng quy định về đánh giá tác động sức khỏe và tác động môi trường của một số quốc gia trên thế giới
- [51] NGUYỄN VŨ TRUNG: Một số vấn đề về môi trường và sử dụng đất đai trong định hướng phát triển giao thông đô thị Hà Nội
- [54] DƯƠNG VĂN MÃO: Tăng cường sản xuất điện năng từ chất thải, góp phần phát triển năng lượng và bảo vệ môi trường



XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- [56] THU HƯỜNG - PHƯƠNG TÂM: Hà Tĩnh - điểm sáng về thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới
- [58] PHẠM VĂN NGỌC: Quế Xuân 1: Giữ vững tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

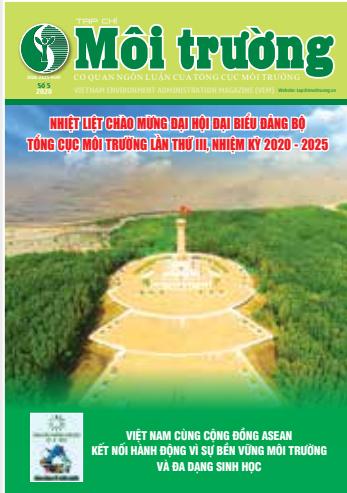


NHÌN RA THẾ GIỚI



- [59] NGUYỄN THỊ HIỀN: Di sản văn hóa phi vật thể đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững
- [61] NGỌC MAI: Sự hủy hoại thế giới hoang dã bởi “các mô hình kinh doanh sáng tạo”
- [63] NGUYỄN THỊ THU HOÀI: Ngân hàng chất thải - mô hình thành công trong quản lý chất thải rắn đô thị tại Indônêxia





EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)
Prof. Dr. Nguyễn Việt Anh
Prof. Dr. Đặng Kim Chi
Assoc. Prof. Dr. Nguyễn Thế Chinh
Prof. Dr. Phạm Ngọc Đăng
Dr. Nguyễn Thế Đồng
Assoc. Prof. Dr. Lê Thu Hoa
Prof. Dr. Đặng Huy Huỳnh
Assoc. Prof. Dr. Phạm Văn Lợi
Assoc. Prof. Dr. Phạm Trung Lương
Prof. Dr. Nguyễn Văn Phước
Dr. Nguyễn Ngọc Sinh
Assoc. Prof. Dr. Lê Kế Sơn
Assoc. Prof. Dr. Nguyễn Danh Sơn
Assoc. Prof. Dr. Trương Mạnh Tiến
Dr. Hoàng Dương Tùng
Assoc. Prof. Dr. Trịnh Văn Tuyên

PERSON IN CHARGE OF ENVIRONMENT MAGAZINE

Nguyễn Văn Thùy
Tel: (024) 61281438

OFFICE

● **Hanoi:**
Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing: (024) 66569135
Editorial: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongcmt@vea.gov.vn
<http://www.tapchimoitruongvn>
● **Ho Chi Minh City:**
A 907, 9th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@vea.gov.vn

PUBLICATION PERMIT

Nº1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:
Hà Nội flagpole built on Cà Mau
Cape
Photo by: VNA

Processed & printed by:
Hanoi Culture and Media Printing
Joint Stock Company

Nº 5/2020

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE

EVENTS - ACTIVITIES

- [4] ● The National Assembly comments on the Environmental Protection Revision Bill in the 9th meeting session
- [6] ● Launching ceremony action month for environment and response to the world environment day 5 june 2020 joint action for beautiful nature and environment
- [8] ● Building a politically, ideologically and morally clean and strong party committee of The Vietnam Environment administration is a decisive factor for successful implementation of the environmental protection tasks
- [13] ● Viet Nam Environment Administration responds to the 5th Golden Hammer and Sickle Prize 2020
- [13] ● About the 90th anniversary of the Party's Education and Communication Day

LAW - POLICY

COMMENTS ON REVISED LAW ON ENVIRONMENTAL PROTECTION

- [14] ĐẶNG HUY HUỲNH - NGUYỄN HẰNG: Law on Environmental Protection Revision Bill reveals rights to live in the healthy environment
- [16] LÊ HOÀNG LAN: Provisions on Environmental Impact Assessment in the Law on Environmental Protection Revision Bill: proposals and pending issues
- [20] NGUYỄN QUỐC HIỆU - GIÁNG HƯƠNG: Strengthening control of wildlife hunting, trade and transport

VIEW EXCHANGE - FORUM

- [24] ĐẶNG HUY HUỲNH: Viet Nam and ASEAN's cooperation in biodiversity and environmental sustainability
- [27] NGUYỄN VĂN VŨ - PHẠM TUYÊN: Need for reconsidering fishery capture planning for marine turtles
- [29] ĐỖ NGỌC DƯƠNG: Biodiversity conservation in Xuan Lien Nature Reserve
- [31] NGUYỄN THANH GIANG: How to use technology in wildlife conservation
- [33] NGUYỄN THÚY HẰNG, ĐỖ MINH PHƯƠNG: Need for Central Highland elephant conservation to prevent specie reduction
- [36] PHẠM THỊ NHÂM: Conserve and develop biodiversity in Kien Giang Biosphere Reserve

GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [39] ĐỖ NAM THẮNG: Bold action needed to address urban air pollution in Vietnam
- [40] NGUYỄN MINH PHƯƠNG: Need for change in wastewater technology in Nhue-Day River Basin
- [44] LÊ MAI: Long An applies special plastic waste prevention models

ENVIRONMENT & BUSINESS

- [46] HOÀNG ĐÀN: Thai Bình Thermal Power Plant attaches environmental protection to economic growth

ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT

- [48] VŨ THẾ HƯNG - NGUYỄN XUÂN HẢI: ASEAN experience in environmental and health impact assessment
- [51] NGUYỄN VŨ TRUNG: Some environmental and land issues in urban transport planning in Ha Noi
- [54] ĐƯƠNG VĂN MÃO: Increasing waste-to-electricity for energy supply and environmental protection

NEW RURAL DEVELOPMENT

- [56] THU HƯƠNG - PHƯƠNG TÂM: Ha Tinh- exemplar of applying environmental criteria in new rural development
- [58] PHẠM VĂN NGỌC: Que Xuan 1 maintains environmental criteria in new rural development

AROUND THE WORLD

- [59] NGUYỄN THỊ HIỀN: Intangible cultural heritages contribute to sustainable development
- [61] NGỌC MAI: Business induced wildlife destruction
- [63] NGUYỄN THU HOÀI: Waste banks- successful municipal waste management in Indonesia

Quốc hội sẽ cho ý kiến về Dự án Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 9



▲ Lễ khai mạc Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV

Ngày 20/5/2020, tại Hội trường Diên Hồng, Quốc hội khóa XIV đã khai mạc trọng thể Kỳ họp thứ 9, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân. Đây là kỳ họp đặc biệt và là lần đầu tiên Quốc hội họp trực tuyến, thể hiện sự đổi mới, tinh thần đoàn kết, quyết tâm, tạo động lực để đất nước và nhân dân ta vượt qua khó khăn, tiếp tục tiến bước.

Tại Kỳ họp này, Quốc hội sẽ xem xét, thông qua 10 dự án Luật, 5 dự thảo Nghị quyết và cho ý kiến về 6 dự án Luật, trong đó có Dự án Luật BVMT (sửa đổi). Theo đó, Dự án Luật BVMT (sửa đổi) trình Quốc hội gồm 16 Chương, 192 Điều và 1 Phụ lục kèm theo, tăng 22 Điều so với Luật BVMT hiện hành. Đây là Dự án Luật có tác động lớn đến kinh tế - xã hội, các ngành, lĩnh vực liên quan nên đã nhận được nhiều ý kiến góp ý của đại biểu tại Phiên họp thứ 44 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tiếp tục Chương trình Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, sáng ngày 26/5/2020, Bộ trưởng

Bộ TN&MT Trần Hồng Hà, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ đã trình bày Tờ trình và Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Phan Xuân Dũng trình bày Báo cáo thẩm tra về Dự án Luật BVMT (sửa đổi). Theo đó, một số nội dung chính của Dự thảo Luật tiếp tục được xin ý kiến các đại biểu Quốc hội, gồm: Việc xem xét để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và các cam kết quốc tế về môi trường; đánh giá những tác động của 13 nhóm chính sách liên quan đến kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách trên cơ sở tình hình thực tiễn của Việt Nam; giải thích các

khái niệm mới liên quan đến công tác quản lý, BVMT; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường; mức chi tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp môi trường; các vấn đề đã được đưa ra trong Dự án Luật có liên quan đến thu chi ngân sách, phương thức tính toán, quy định về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường...

ĐÁM BẢO TÍNH ĐỒNG BỘ TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Trước đó, trong hai ngày 7 - 8/5/2020, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cùng các Thứ trưởng: Võ Tuấn Nhân, Trần Quý Kiên, Lê Công Thành



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu tại cuộc họp với một số Bộ về Dự án Luật BVMT (sửa đổi)

và lãnh đạo đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ TN&MT đã có các buổi làm việc với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng nhằm đưa ra những giải pháp thống nhất về Dự án Luật BVMT (sửa đổi).

Tại các buổi họp, Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng đều đánh giá cao vai trò của Bộ TN&MT trong công tác quản lý nhà nước và sự quyết tâm trong việc thực hiện Dự án Luật BVMT (sửa đổi) với nhiều quan điểm cải cách, tự duy đổi mới, phù hợp với tiến trình phát triển hiện nay. Về nội dung liên quan tới các công cụ kinh tế được quy định trong Dự thảo Luật như thuế và phí BVMT, Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng cho rằng, hiện nay nước ta đang trong quá trình hội nhập nên trên thực tế còn nhiều vấn đề bất cập, do đó để đi tới quan điểm chung cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa hai Bộ trong thực hiện nhiệm vụ. Trên góc độ kế hoạch và đầu tư, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng đề nghị cơ quan soạn thảo Luật BVMT (sửa đổi) đưa ra các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể về môi trường để thu hút các nhà đầu tư với mục tiêu phát triển kinh tế xanh, phát triển bền vững. Đối với vấn đề BVMT trong lĩnh vực xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh, cần đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật nhằm tăng hiệu quả quản lý nhà nước; khuyến

khích phát triển các khu đô thị sinh thái thân thiện môi trường; bổ sung quy định về trách nhiệm để thống nhất trong xây dựng tiêu chí, chứng nhận nhãn sinh thái cho các cơ sở, sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, trong đó có các khu đô thị, khu dân cư tập trung...

CẦN CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Nhằm hoàn thiện Dự án Luật BVMT (sửa đổi), tại Hà Nội, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (Vusta), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến cho Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) trong ngày 15/5 và ngày 19/5.

Tại hai Hội thảo, các đại biểu đã nhất trí với sự cần thiết sửa đổi Luật BVMT hiện hành và tập trung thảo luận về những nội dung liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), đánh giá

tác động môi trường (ĐTM), Giấy phép môi trường, công tác xử lý chất thải rắn (CTR), chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)... Theo đó, các đại biểu cho rằng, cần thu hẹp đối tượng phải thực hiện ĐMC; quy định kết quả ĐMC phải được xem xét và tích hợp với nội dung của chiến lược, quy hoạch; có cơ chế đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan; tăng cường quan trắc chất lượng môi trường, cung cấp đầy đủ thông tin về chất lượng môi trường hiện tại và dự báo đối với các kịch bản trong tương lai; đẩy mạnh sự tham gia của công chúng, công khai ĐMC đã được phê duyệt.

Trên cơ sở thống nhất ý kiến của các đại biểu, Bộ TN&MT sẽ rà soát, bổ sung và hoàn thiện Dự án Luật BVMT (sửa đổi), nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành và sự phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam hiện nay.

HỒNG NHUNG

LỄ PHÁT ĐỘNG THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG VÀ HƯỚNG ỨNG
NGÀY MÔI TRƯỜNG THẾ GIỚI (5/6/2020):

Cần chung tay hành động vì thiên nhiên và môi trường tươi đẹp



▲ Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân phát biểu tại Lễ phát động

Ngày 5/6/2020, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì môi trường và hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới (5/6/2020). Tham dự buổi Lễ có Thủ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài, các Phó Tổng cục trưởng: Hoàng Văn Thúc, Nguyễn Hưng Thịnh, cùng với đại diện các đơn vị thuộc Bộ và các cán bộ, đoàn viên thanh niên thuộc Tổng cục Môi trường.

Chủ đề Ngày Môi trường thế giới năm nay được Chương trình Môi trường Liên hợp quốc lựa chọn là “Hành động vì thiên nhiên”, với mục tiêu thúc đẩy các quốc gia trong việc cam kết bảo tồn và khôi phục đa dạng sinh học (ĐDSH) thông qua các biện pháp, hoạt động nhằm phục hồi các hệ sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường an ninh lương thực, bảo vệ tài nguyên nước. Hành động vì thiên nhiên cũng là tiếng gọi mỗi người cùng chung tay có những hành động cụ thể, thiết thực vì thiên nhiên và Trái đất của chúng ta.

Nhằm tổ chức các hoạt động ý nghĩa, thiết thực, hiệu quả Tháng hành động vì môi trường, hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2020, Thủ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân kêu gọi

các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể; hiệp hội, doanh nghiệp các đơn vị liên quan quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp tổ chức các hoạt động hưởng ứng.

Đồng thời hoan nghênh và đánh giá cao Tổng cục Môi trường chủ trì tổ chức các sự kiện mang tính cổ vũ, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về các biện pháp BVMT. Đây cũng là dịp tạo không khí phấn khởi, thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp; đồng thời tiếp tục truyền đi thông điệp mạnh mẽ về việc BVMT, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; cùng chung tay hướng tới phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tại buổi Lễ, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân cùng đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ TN&MT, Tổng cục Môi trường ký Biểu trưng cam kết về bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH. Ngay sau đó, các đại biểu đã tham gia đạp xe tuần hành với ý nghĩa tăng cường các phương tiện giao thông không phát thải khí thải, thân thiện với môi trường.

Trong khuôn khổ Lễ phát động, Tổng cục Môi trường



▲ Thủ trưởng Võ Tuấn Nhân, Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài ký biểu trưng cam kết về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học



▲ Lãnh đạo Bộ TN&MT, Tổng cục Môi trường cùng các thành viên đạp xe tuần hành với ý nghĩa tăng cường các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường

đã phát động Cuộc thi ảnh về Đ DDSH Việt Nam năm 2020, với mục tiêu nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn và sử dụng bền vững Đ DDSH, khơi dậy niềm đam mê, khả năng sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật có nội dung và ý nghĩa sâu sắc về chủ đề bảo tồn thiên nhiên và Đ DDSH. Các tác phẩm dự thi thể hiện sự phong phú và đa dạng của tài nguyên sinh học Việt Nam (cảnh quan thiên nhiên, cảnh đẹp về các hệ sinh thái, các loài sinh vật...); Phản ánh các hoạt động bảo tồn Đ DDSH, bảo vệ thiên nhiên và môi trường của các tổ chức, cá nhân; quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên, cộng đồng tham gia phối hợp quản lý vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; Các hoạt động sinh hoạt, giữ gìn tri thức truyền thống về bảo tồn và khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Sự tương tác, hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Thời gian gửi ảnh dự thi từ ngày 22/5 -20/8/2020.

Tiếp đến là buổi Tọa đàm Thanh niên với công tác bảo tồn thiên nhiên và Đ DDSH, với sự tham dự của các nhà quản lý, nhà khoa học và toàn thể đoàn viên, thanh niên Bộ TN&MT, Tổng cục Môi trường. Tại buổi Tọa đàm, các đại biểu đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của thanh niên đối với việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vận động các tầng lớp thanh niên hiểu rõ tầm quan trọng của Đ DDSH đối với sự tồn vong của loài người và sự phát triển bền vững đất nước, để từ đó

hướng tới việc khai thác, sử dụng bền vững Đ DDSH, góp phần vào nỗ lực bảo tồn Đ DDSH của Việt Nam.

Việt Nam được ghi nhận là một trong 16 quốc gia có tính đa dạng sinh học cao trên thế giới. Hiện cả nước có 173 khu bảo tồn với tổng diện tích 2,5 triệu ha, gồm 33 vườn quốc gia, 66 khu dự trữ thiên nhiên, 18 khu bảo tồn loài và sinh cảnh, 56 khu bảo vệ cảnh quan. Đ DDSH mang lại những lợi

ích trực tiếp cho đời sống con người, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, trong những năm gần đây cùng với quá trình toàn cầu hóa, sự gia tăng dân số và yêu cầu của sự phát triển kinh tế, các nguồn gen động vật, thực vật, vi sinh vật và cả những kiến thức truyền thống về nguồn gen đang bị mai một, suy thoái và mất dần.

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác bảo tồn Đ DDSH, trong thời gian qua, với vai trò là cơ quan đầu mối của Chính phủ về Đ DDSH, Bộ TN&MT đã tổ chức, triển khai nhiều hoạt động liên quan về vấn đề này như tham mưu để Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Đ DDSH đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Các vấn đề mới và phức tạp như tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, quy định tại Nghị định thư Nagoya đã được quy định tại Nghị định số 59/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

NGUYỄN HẰNG



▲ Tọa đàm Thanh niên với công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Xây dựng Đảng bộ Tổng cục Môi trường trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức là nhân tố quyết định thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ môi trường

TS. NGUYỄN VĂN TÀI

Bí thư Đảng ủy, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường

Cửu tinh Hồ Chí Minh đã dạy: "Đại hội Đảng rất quan hệ đến tương lai cách mạng của Đảng ta và của nhân dân ta. Đại hội sẽ làm cho Đảng ta đã đoàn kết càng đoàn kết hơn nữa, tư tưởng và hành động đã nhất trí, càng nhất trí hơn nữa. Cho nên, toàn thể đồng chí ta phải thảo luận kỹ càng các đề án và đóng góp ý kiến dồi dào, để đảm bảo Đại hội thành công thật tốt đẹp..."⁽¹⁾. Thẩm nhuần lời dạy của Bác, toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động của Tổng cục Môi trường hăng hái thi đua, tích cực triển khai các hoạt động thiết thực chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng cục Môi trường lần thứ ba, nhiệm kỳ 2020 - 2025, tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường lần thứ ba, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đây là sự kiện nổi bật, đồng thời là nhiệm vụ trọng tâm của Tổng cục trong năm 2020, một năm với nhiều sự kiện chính trị - xã hội quan trọng như kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ

Chí Minh, 75 năm Ngày thành lập Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 45 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Nhìn lại chặng đường từ năm 2015 đến năm 2020, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức trong công tác bảo vệ môi trường (BVMT), nhưng Đảng ủy Tổng cục Môi trường đã lãnh đạo Tổng cục hoàn thành nhiệm vụ công tác với những thành tựu đáng khích lệ, đặc biệt trong việc xây dựng cơ chế, chính sách về quản lý BVMT phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn cuộc sống; công tác cải cách hành chính, kiểm tra, thanh tra môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), quan trắc, thẩm định, đánh giá tác động môi trường và tư vấn công nghệ môi trường... được

quan tâm chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển bền vững của ngành.

Chú trọng trong công tác lãnh đạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao

Đảng bộ Tổng cục Môi trường được thành lập theo Quyết định số 39-QĐ/TV ngày 7/5/2008 của Đảng bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường với 12 Chi bộ trực thuộc. Hiện nay, Đảng bộ Tổng cục Môi trường có 18 Chi bộ tương ứng với 18 đơn vị trực thuộc Tổng cục, 289 đảng viên (tăng 7,8% so với đầu nhiệm kỳ). Trong công tác quản lý nhà nước về BVMT, Đảng ủy đã chỉ đạo Tổng cục thực hiện một số nội dung về tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật về BVMT; tổ chức thực hiện giải quyết các thủ tục hành



▲ Đại hội Chi bộ Vụ Tổ chức cán bộ (Đảng bộ Tổng cục Môi trường) nhiệm kỳ 2020 - 2022

chính, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giám sát, kiểm soát các nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải rắn, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường, quan trắc, thông tin và báo cáo về môi trường, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và xây dựng ý thức BVMT; đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, huy động nguồn lực BVMT, thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực môi trường của Tổng cục Môi trường theo quy định của pháp luật; công tác chính trị, tư tưởng, công tác kiểm tra, xây dựng đảng trong Đảng bộ Tổng cục... Cụ thể, Tổng cục Môi trường tham mưu, xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành: 07 Nghị định; 10 Đề án; 34 Thông tư; 02 văn bản liên tịch; xây dựng Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) trình Quốc hội, dự thảo 03 Nghị định trình Chính phủ, xây dựng trình phê duyệt và triển khai nhiệm vụ lập quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia, quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia, chuẩn bị 02 Đề án trình Thủ tướng Chính phủ. Các chính sách, văn bản pháp luật được xây dựng, trình ban hành đã thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về BVMT, khắc phục những bất cập của hệ thống chính sách, quy định pháp luật, bổ sung, hoàn thiện cơ sở, hành lang pháp lý cho công tác BVMT, nhất là những diễn biến nhanh của tình hình môi trường và các vấn đề môi trường của nước ta, cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của các công cụ quản lý, bổ sung nguồn lực để BVMT, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước.

Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (QCVN) trong những năm qua đã được quan tâm rà soát, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế. Tính đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 48 QCVN về môi trường. Trong đó, 12 QCVN về chất lượng môi trường xung quanh và 36 QCVN về chất thải và xử lý chất thải. Nhằm tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống QCVN về môi trường trong giai đoạn mới, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 2211/QĐ-TNMT ngày 30/8/2019 về kế hoạch xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường giai đoạn 2019-2020 theo định hướng hội nhập quốc tế, dựa trên kinh nghiệm của Hàn Quốc và các nước trên thế giới, làm công cụ quản lý môi

trường đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được bổ sung, hoàn thiện theo hướng đáp ứng yêu cầu quản lý, thực tiễn giải quyết các vấn đề môi trường, hội nhập quốc tế, nhất là đảm bảo mọi người dân được quyền hưởng môi trường trong lành theo quy định của Hiến pháp ở mức tốt nhất tương đương với các nước phát triển trên thế giới. Đặc biệt, hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) đã có những tiến bộ vượt bậc trong 5 năm qua. Các quy định về BVMT tại KCN, CCN cũng từng bước được hoàn thiện. Việc xử lý chất thải rắn và khí thải tại các KCN cũng dần được cải thiện. Đến nay, tỷ lệ các KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đã đạt 89,28% (250/280 KCN). Trong số này, đã có 219 KCN đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đạt tỷ lệ 87,6%. Các nước hiện có 683 CCN đang hoạt động, khoảng 40% số CCN đi vào hoạt động đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án BVMT; 115 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung, chiếm tỷ lệ 16,8%, các CCN còn lại khi chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì các cơ sở/doanh nghiệp tự xử lý nước thải trước khi xả trực tiếp ra môi trường, 25 CCN có hệ thống quan trắc tự động nước thải, chiếm tỷ lệ 3,6%. Ngoài ra, trong 5 năm qua, Tổng cục đã triển khai thanh tra, kiểm tra tại 3.039 cơ sở và KCN, xử phạt 1.410 cơ sở với số tiền hơn 242 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, Tổng cục đã đẩy mạnh việc tổ chức các đoàn giám sát môi trường đối với các dự án sản

xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trong quá trình xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại để bảo đảm hoạt động an toàn, đóng góp hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế bền vững.

Xây dựng Đảng bộ về chính trị, tư tưởng được quan tâm hàng đầu

Nhận thức rõ vị trí, vai trò quan trọng của công tác giáo dục tư tưởng chính trị, Đảng ủy Tổng cục chủ động, tích cực triển khai và thực hiện đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương và Đảng ủy Bộ Tài nguyên và Môi trường tới từng Chi bộ trực thuộc. Trong những năm qua, Đảng ủy Tổng cục đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Chi bộ đảng trực thuộc và chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Quá trình thực hiện nhiệm vụ BVMT trong thời kỳ đổi mới, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức do diễn biến phức tạp, khó lường của mặt trái quá trình phát triển, công nghiệp hóa, đô thị hóa, song dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Tổng cục, công tác xây dựng Đảng bộ về chính trị, tư tưởng luôn được đặt lên hàng đầu và kịp thời, Đảng bộ Tổng cục đã nhạy bén, xác định chính xác những nội dung trọng tâm, trọng điểm cần tập trung trong từng giai đoạn, từng thời điểm, nhất là những thời điểm có tính bước ngoặt thay đổi về tổ chức bộ máy và nhân sự. Công tác tuyên truyền được Đảng ủy chỉ đạo thường



▲ Hội nghị Tổng kết công tác năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của Tổng cục Môi trường

xuyên, nhanh nhạy, kịp thời với nhiều hình thức phong phú. Các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ. Công tác giáo dục lý luận được quan tâm thường xuyên. Các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và công tác đảng cho cấp ủy, nhất là cấp ủy mới sau mỗi kỳ Đại hội Đảng các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ; các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho đảng viên dự bị, quần chúng ưu tú, cán bộ đảng viên đã giúp các cán bộ, đảng viên tư tưởng vững vàng, đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới. Đi đôi với tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ Tổng cục Môi trường còn chú trọng công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng để phòng âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng bộ. Đồng thời để phòng giáo điều, bảo thủ, chủ quan duy ý chí hoặc đổi mới vô nguyên tắc, chêch đinh hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ủy Tổng cục đã chỉ đạo Tạp chí Môi trường, các đơn vị trực thuộc có chức năng thông tin tuyên truyền thường xuyên tăng cường thông tin nhiều chiều và định hướng thông tin; thực hiện rộng rãi việc trao đổi ý kiến, kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục với đấu tranh tư tưởng và định hướng tư tưởng, dư luận xã hội trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục và Tạp chí Môi trường. Do bám sát thực tiễn, tiến hành một cách khoa học, sáng tạo, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng đã giúp các cấp ủy các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ, các cán bộ, đảng viên Đảng bộ Tổng cục Môi trường nâng cao nhận thức về bản lĩnh chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, không ngả nghiêng, dao động, mơ hồ; nâng cao cảnh giác cách mạng; tuyệt đối tin tưởng vào

đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước và Đảng ủy Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Cùng với việc đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, Đảng ủy Tổng cục đã tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; hướng dẫn cấp ủy các Chi bộ trực thuộc, Ban Chấp hành Công đoàn Tổng cục và Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Tổng cục triển khai thực hiện việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW tới toàn thể đảng viên, đoàn viên. Kết quả có 296/300 (98,7%) đảng viên và 315/315 (100%) quần chúng đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW. Thực hiện Kế hoạch số 150-KH/ĐUMT ngày 20/12/2016 của Đảng ủy Tổng cục về tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII trong toàn Đảng bộ Tổng cục. Bí thư các Chi bộ trực thuộc đã tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 tới toàn thể đảng viên.

Thường xuyên xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tổ chức, cán bộ

Công tác xây dựng đảng về tổ chức, cán bộ ở Đảng bộ Tổng cục giai đoạn 2015-2020 được thường xuyên chăm lo với nhiều giải pháp đồng bộ, sát thực tiễn, hiệu quả. Trong 5 năm qua, Đảng ủy đã căn cứ vào nhiệm vụ của từng giai đoạn, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao theo từng thời kỳ mà sắp xếp tổ chức bộ máy; chỉ đạo thực hiện việc chuyển giao, tiếp nhận tổ chức, chi bộ đảng phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Đến nay, tổ chức của Đảng bộ Tổng cục luôn được sắp xếp, củng cố, kiện toàn, ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Trong quá trình xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ, Đảng bộ Tổng cục Môi trường luôn xác định rõ yêu cầu đầu tiên đối với công tác tổ chức, cán bộ của Đảng bộ là chăm lo xây dựng, gìn giữ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ. Đây cũng là truyền thống đặc biệt quý báu của Đảng bộ Tổng cục Môi trường. Quá trình phát triển trong nhiệm kỳ, Tổng cục Môi trường với 02 lần điều chỉnh chức năng nhiệm

vụ theo Quyết định số 25/2014/QĐ-TTg ngày 25/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 15/2018/QĐ-TTg ngày 12/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngay sau khi Quyết định số 15/2018/QĐ-TTg được ban hành, công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW đã được Tổng cục triển khai thực hiện nghiêm túc; tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của Tổng cục gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kiên quyết giảm và không thành lập mới các tổ chức trung gian; sắp xếp và sáp nhập các tổ chức. Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Tổng cục không được tăng thêm đầu mối và biên chế theo đúng tinh thần của Nghị quyết. Theo đó, đã chuyển đổi mô hình 03 Cục thành mô hình 03 Vụ, đổi tên và kiện toàn lại 03 Cục; đã giảm 20 đầu mối cấp phòng trung gian của các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Tổng cục; đã tiến hành sáp nhập, tổ chức lại và giải thể các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục, giảm 07 phòng trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục; Tổng cục đã sáp nhập Trung tâm Thông tin và Tư liệu môi trường, Tạp chí Môi trường, tổ chức lại thành Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường. Đã giải thể Trung tâm Quan trắc môi trường. Thành lập 03 Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên và miền Nam; cơ cấu lại 03 Trạm Quan trắc môi trường vùng miền Trung và Tây Nguyên, miền Đông Nam bộ và Trạm Quan trắc môi trường vùng miền Tây Nam bộ. Những sự thay đổi cả về tổ chức và nhân sự này, nhất là năm 2018, vấn đề đoàn kết trong Đảng bộ Tổng cục hơn bao giờ hết lại càng quan trọng. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức đã được tiến hành chủ động, chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu, toàn diện, khoa học, với phương châm "Đoàn kết, trách nhiệm để nhanh chóng ổn định và phát triển". Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, công tác cán bộ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường, cán bộ, đảng viên trong Tổng cục đánh giá cao và đồng thuận. Tổng cục Môi trường là một trong số các đơn vị đi đầu trong thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về "Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức"; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Một số vấn đề về tiếp tục

đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả". Việc thực hiện nhất quán, đồng bộ từ bộ máy Đảng, chính quyền, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh bảo đảm khách quan, khoa học, dân chủ, công khai, minh bạch, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao, Đảng bộ không xảy ra khiếu kiện.

Công tác cán bộ được Đảng ủy Tổng cục xác định giữ vị trí then chốt của then chốt, là khâu đột phá, nên đã tập trung chỉ đạo xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước và cán bộ cấp phép. Chỉ tính trong 5 năm gần đây, Đảng bộ Tổng cục đã chỉ đạo Tổng cục triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với nhiều giải pháp phù hợp với thực tiễn công tác của Tổng cục. Tổng cục đã cử trên 600 lượt cán bộ đi hội thảo, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài; cử trên 300 cán bộ đi học chương trình bồi dưỡng kiến thức ngạch chuyên viên và tương đương; gần 200 cán bộ đi học chương trình bồi dưỡng kiến thức ngạch chuyên viên chính và tương đương; cử 25 cán bộ đi học chương trình bồi dưỡng kiến thức ngạch chuyên viên cao cấp; cử trên 100 cán bộ đi học chương trình Cao cấp, cử nhân lý luận chính trị; cử trên 180 cán bộ đi học chương trình bồi dưỡng kiến thức An ninh - quốc phòng đối tượng 3; cử 20 cán bộ đi học chương trình bồi dưỡng kiến thức An ninh - quốc phòng đối tượng 2 và đối tượng 1; cử trên 200 cán bộ, công chức, viên chức và

người lao động đi học lớp bồi dưỡng các kỹ năng do Bộ tổ chức; cử đào tạo bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo cấp Vụ, cấp phòng của các đơn vị trực thuộc Tổng cục, với tổng số là trên 100 lượt người.

Xây dựng Đảng về đạo đức được thường xuyên quan tâm

Đảng bộ Tổng cục luôn quan tâm giáo dục các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ và đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của đạo đức cách mạng theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Đạo đức cách mạng của các tổ chức đảng, cán bộ đảng viên trước hết là trung thành với mục tiêu lý tưởng của Đảng, vì hạnh phúc của nhân dân. Đảng ủy Tổng cục yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"; tự giác, chủ động gắn với trách nhiệm nêu gương trong rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện các chuẩn mực đạo đức xã hội. Cán bộ, đảng viên, lãnh đạo quản lý các cấp, nhất là các cấp ủy Đảng, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Tổng cục nêu cao tính tiền phong, gương mẫu và tinh thần trách nhiệm cao.

Với các Chi bộ trực thuộc, chú trọng giáo dục cán bộ, đảng viên phát huy truyền thống đoàn kết; giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của Đảng; kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng Đảng về đạo đức với xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Xây dựng Đảng về đạo đức gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh

học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức với phương châm: sát chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, ngắn gọn, dễ nhớ, dễ kiểm tra và đánh giá việc thực hiện. Định kỳ, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu có cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Các cấp ủy chi bộ tổ chức đảng kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và chương trình, kế hoạch của Đảng ủy, các cấp ủy về xây dựng chỉnh đốn Đảng, gương mẫu trong thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong nhiệm kỳ tới

Đại hội Đảng bộ Tổng cục Môi trường lần thứ ba, nhiệm kỳ 2020 - 2025 quyết tâm phát huy những thành tích đã đạt được và khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu đẩy mạnh và toàn diện các hoạt động, thực hiện phương hướng, nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất: “Phát huy sức mạnh đoàn kết, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và vai trò hạt nhân chính trị của các tổ chức Đảng, vai trò tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ Tổng cục. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT, kiểm soát tốt nguồn ô nhiễm nhằm kiềm chế mức độ già tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm ĐDSH nhằm đảm bảo chất lượng môi trường sống; Nâng cao ý thức BVMT, gắn nhiệm vụ BVMT với phát triển kinh tế - xã hội”. Giai đoạn tới, Đảng bộ Tổng cục tiếp tục nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ:

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về BVMT đảm bảo đúng tầm, sát thực tế, khả thi và hiệu lực, hiệu quả; trước mắt tập trung hoàn thiện Dự án Luật BVMT (sửa đổi), xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được Quốc hội thông qua; xây dựng, trình phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án BVMT cho giai đoạn

2021 - 2025, đến năm 2030 và tổ chức triển khai thực hiện; rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đáp ứng yêu cầu BVMT trong giai đoạn mới và yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế; tập trung xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật về BVMT, nhất là về đánh giá tác động môi trường, kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải rắn, quản lý và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, quan trắc, thông tin và báo cáo về môi trường.

Tiếp tục tham mưu hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVMT từ Trung ương đến địa phương theo hướng tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT gia tăng ngày càng nhanh, phức tạp và nhạy cảm; tham mưu cơ chế, chính sách đột phá về huy động nguồn lực tài chính, phát huy vai trò của khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, thông tin, tăng cường hợp tác quốc tế về BVMT.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số; tạo lập hành lang pháp lý, cơ sở dữ liệu để thực hiện cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực môi trường cho người dân, doanh nghiệp. Kết hợp, lồng ghép các công cụ quản lý theo hướng phát huy vai trò của từng công cụ, kết hợp trong cả hệ thống, giữa các chính sách vĩ mô với các công cụ hành chính - kỹ thuật, công

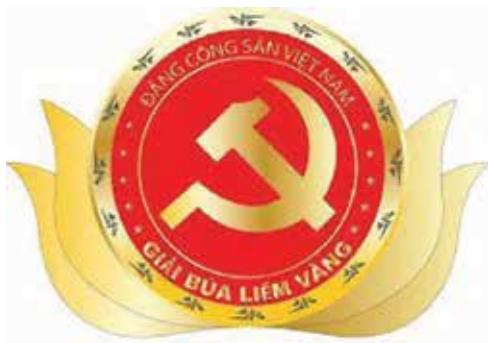
cụ kinh tế và việc sử dụng các nguồn lực để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao với hiệu quả tốt nhất.

Xây dựng tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chính trị, tinh thần hợp tác, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, chia sẻ khó khăn, nỗ lực, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Tổng cục; xây dựng mối quan hệ công tác, sự phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị trong Tổng cục, giữa Tổng cục với các đơn vị trong và ngoài Bộ, giữa Tổng cục với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường.

Phát huy thành tựu to lớn trong 5 năm xây dựng và phát triển của Đảng bộ Tổng cục Môi trường đã khẳng định sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu với niềm tin, trí tuệ và quyết tâm chính trị rất cao của toàn Đảng bộ Tổng cục Môi trường. Nhiệm vụ của thời kỳ mới rất nặng nề, nhiệm vụ BVMT đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức mới. Để thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường và Đảng bộ Tổng cục, toàn thể cán bộ, đảng viên Tổng cục Môi trường tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ trong những năm tới và tăng cường xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, toàn diện; nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục rèn luyện về mọi mặt, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ BVMT, xứng đáng hơn nữa với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân■

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H.2011, tập 12, tr.545.

TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG: TÍCH CỰC HƯỞNG ỨNG GIẢI BÚA LIỀM VÀNG LẦN THỨ V NĂM 2020



Ngày 29/4/2020, Tổng cục Môi trường đã ban hành Công văn số 1323/TCMT-VPTC về việc hưởng ứng Giải báo chí toàn quốc về xây dựng Đảng (Giải Búa liềm vàng) lần thứ V năm 2020 do Ban Tổ chức Trung ương cùng với Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam phối hợp tổ chức.

Theo đó, Tổng cục yêu cầu các đơn vị: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc đơn vị tích cực hưởng ứng tham gia Giải Búa liềm vàng lần thứ V; tạo điều kiện để phóng viên, các cơ quan báo chí đến liên hệ tìm hiểu, viết bài và tham

dự. Bên cạnh đó, giao Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường (Tạp chí Môi trường) hướng dẫn các đơn vị tích cực tham gia, hưởng ứng và phối hợp với các cơ quan báo chí trong, ngoài ngành, đơn vị có liên quan để tuyên truyền, xem xét lựa chọn tác phẩm báo chí xuất sắc về chủ đề xây dựng Đảng thuộc lĩnh vực môi trường để tham gia...

Mục đích của Giải Búa liềm vàng nhằm khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng; tạo động lực nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền về xây dựng Đảng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Qua đó, động viên, khuyến khích, tạo sự quan tâm của phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn, báo chí và mọi cán bộ, đảng viên, nhân dân trong việc viết, sáng tác

các tác phẩm báo chí xuất sắc về xây dựng Đảng. Đồng thời, góp phần tuyên truyền công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng; cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ra sức thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, cùng các chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng và nghị quyết các hội nghị Trung ương khóa XII để công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng đi vào thực chất, trở thành hành động cụ thể, thiết thực, thường xuyên, tự giác trong mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Lễ công bố và trao Giải Búa liềm vàng lần thứ V năm 2020 sẽ được tổ chức tại Hà Nội đúng vào dịp kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng 3/2 (năm 2021).

MAI HƯƠNG

TÌM HIỂU 90 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH TUYÊN GIÁO CỦA ĐẢNG

Hướng tới kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng (1/8/1930 - 1/8/2020), Ban Tuyên giáo Trung ương đã phát động Cuộc thi “Tìm hiểu 90 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng” trên mạng VCNET (<http://vcnet.vn>).

Mục đích của Cuộc thi là nhằm tuyên truyền về lịch sử 90 năm xây dựng và phát triển ngành Tuyên giáo của Đảng, từ đó nâng cao nhận thức, phát huy những kinh nghiệm để vận dụng linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả trong đổi mới nội dung, phương thức công tác Tuyên giáo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay. Cùng với đó, tuyên truyền, đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn xã hội, góp phần đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính

trị, đạo đức, lối sống; đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Theo Ban Tổ chức, thời gian thi trắc nghiệm được tổ chức hàng tuần, bắt đầu tuần thi thứ nhất từ ngày 23/3/2020, kết thúc ngày 13/7/2020. Đối tượng dự thi là mọi công dân Việt Nam trong và ngoài nước có tài khoản VCNET, từ 14 tuổi trở lên. Dự kiến Lễ tổng kết và trao giải cho thí sinh đoạt giải cao nhất các tuần thi sẽ diễn ra vào cuối tháng 7/2020, nhân

dịp kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống ngành Tuyên giáo của Đảng.

Nhằm tuyên truyền và phát động cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động tham gia Cuộc thi, Đảng ủy Tổng cục Môi trường đã giao Văn phòng Tổng cục và Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường mở chuyên trang, chuyên mục trên trang thông tin điện tử của Tổng cục và trang thông tin điện tử của Tạp chí Môi trường.

HƯƠNG ĐỖ

DỰ THẢO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (SỬA ĐỔI):

Thể hiện một cách toàn diện về quyền của con người được sống trong môi trường khỏe mạnh

Bộ TN&MT được Chính phủ giao chủ trì xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT nhằm sửa đổi toàn diện Luật BVMT năm 2014. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đang được Bộ TN&MT lấy ý kiến và hoàn thiện, trình kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với GS. TSKH Đặng Huy Huỳnh - Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam về vấn đề này, trong đó có nhấn mạnh đến nội dung cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học (ĐDSH).

**Thưa Giáo sư, Bộ TN&MT đang hoàn thiện Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) để trình kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV, vậy dưới góc độ là một nhà khoa học, xin Giáo sư cho biết ý kiến của mình về việc sửa đổi Luật lần này?*

GS. TSKH Đặng Huy Huỳnh: Luật BVMT (sửa đổi) được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ TN&MT chịu trách nhiệm chính, trong đó có phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức xây dựng. Đây là vấn đề rất quan trọng và cần thiết, mang đầy đủ nội hàm khoa học tự nhiên và xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) và hội nhập quốc tế. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) lần này thể hiện sự tiếp cận tổng hợp, liên ngành và mang tính toàn diện, lấy con người làm trung tâm.

Qua gần 5 năm triển khai thực hiện, Luật BVMT năm 2014 đã đạt nhiều thành tựu đáng khích lệ và được ghi nhận trong nước, quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi còn nhiều bất cập, thách thức cần phải chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã khắc phục những bất cập, tồn tại trong thời gian qua. Nội dung của Dự thảo Luật đã bám sát, phản ánh đầy đủ đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tinh thần cầu thị, lắng nghe của Bộ TN&MT đối với đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương và cộng đồng. Tôi kỳ vọng, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) sẽ sớm được Quốc hội thông qua, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân về công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp 4.0. Một khác,



▲ GS. TSKH Đặng Huy Huỳnh -
Phó Chủ tịch Hội Bảo vệ Thiên nhiên
và Môi trường Việt Nam

Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã nhấn mạnh đến vai trò của cộng đồng trong việc đóng góp, tham gia BVMT, đồng thời có trách nhiệm trong việc thực thi, cũng như giám sát công tác BVMT.

Qua nghiên cứu các nội dung trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), tôi thấy Dự thảo Luật lần này đã thể hiện một cách toàn diện về quyền của con người được sống trong môi trường khỏe mạnh, theo như Hiến pháp của nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 đã quy định: "Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành".

**Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) lần này có một chương đề cập đến vấn đề bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và ĐDSH. So với Luật BVMT năm 2014, xin Giáo sư cho biết những điểm mới được nêu trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) về vấn đề này?*

GS. TSKH Đặng Huy Huỳnh: Luật BVMT năm 2014,

tại Chương 3 có đề cập đến nội dung BVMT trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trong đó có 4 điều gồm: BVMT trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên và ĐDSH (Điều 35); Bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng (Điều 36); BVMT trong điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên (Điều 37); BVMT trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (Điều 38). Có thể thấy, cách tiếp cận này nhằm kiểm soát tác động đến các thành phần của tài nguyên thiên nhiên, mà chưa nêu được tính tổng hợp đầy đủ về BVMT và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Với mục đích chung là giải quyết, ngăn chặn nguy cơ mất cân bằng, vượt ngưỡng chịu đựng của các hệ sinh thái (HST), suy giảm giá trị của cảnh quan thiên nhiên, và mục đích cụ thể là lấp

khoảng trống trong quy định của pháp luật hiện hành về quản lý các tác động tiêu cực của quá trình phát triển KT-XH đến các cảnh quan thiên nhiên và ĐDSH, Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) đã bổ sung các quy định mới về bảo vệ cảnh quan thiên nhiên quan trọng, bồi hoàn ĐDSH, chi trả dịch vụ HST để bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên và ĐDSH. Cụ thể: Bổ sung quy định về cảnh quan thiên nhiên quan trọng, theo đó Dự thảo Luật quy định cảnh quan thiên nhiên quan trọng là các cảnh quan thiên nhiên có mức độ nhạy cảm, yêu cầu về bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, được chia thành 3 nhóm để quản lý theo các mức độ phù hợp. Các cảnh quan thiên nhiên quan trọng này phải được đánh giá, xếp hạng và xác định ranh giới trên thực địa, có kế hoạch, phương án duy trì và bảo vệ; quy định về nội dung đánh giá tác động ĐDSH trong đánh giá tác động môi trường đối với các cảnh quan thiên nhiên quan trọng. Bổ sung quy định về điều tra, kiểm kê ĐDSH nhằm xác định, nắm rõ thông tin về các thành phần HST, loài, gen, giá trị của các dịch vụ HST và ĐDSH; các tác nhân và hoạt động gây suy giảm ĐDSH để có giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững các thành phần ĐDSH. Sửa đổi, bổ sung làm rõ quy định về quan trắc ĐDSH nhằm phục vụ việc bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.

Trên thực tế hiện nay, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm các HST (rừng, đất ngập nước, biển) và dịch bệnh, đặc biệt dịch Covid -19 đang diễn ra ngày càng phức tạp, gây nên những tác động nghiêm trọng tới sự phát triển của nền kinh tế và sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, việc BVMT và cảnh quan thiên nhiên đóng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững. Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) lần này đã đưa nội dung bảo vệ cảnh quan thiên nhiên là một quan điểm mới mang tính tổng hợp, phục vụ định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và BVMT. Theo tôi, cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ thì sẽ mang lại mối quan hệ hài hòa giữa thiên nhiên và con người, giữa con người với sinh giới. Do đó, việc quy hoạch các cảnh quan thiên nhiên một cách khoa học và hợp lý sẽ là sức mạnh tổng hợp trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn ĐDSH nói riêng và BVMT nói chung. Đó chính là tạo lập được một không gian chứa đựng các ố sinh thái tự nhiên và cung cấp các tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững cho sinh vật (có nghĩa là tạo lập được nơi sống cho các loài thực vật, động vật, nấm và vi sinh vật) và con người. Chính vì vậy mà khi quy hoạch các cảnh quan thiên cần đảm bảo các chức năng tự nhiên sẵn có của nó như chức năng điều hòa khí hậu; điều hòa môi trường nước, cung cấp nước; bảo vệ và hình thành đất; điều tiết các chất dinh dưỡng, xử lý các chất thải, thụ phấn...

***Thưa Giáo sư, trong Dự thảo Luật có nêu việc đánh giá tác động cảnh quan thiên nhiên là một nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Điều này có ý nghĩa như thế nào đối với công tác bảo tồn ĐDSH và sự phát triển KT - XH của đất nước?**

GS. TSKH Đặng Huy Huỳnh:

Đây là một nội dung hoàn toàn mới được đề cập trong Dự thảo Luật lần này. Tôi rất đồng tình và đánh giá cao nội dung này nhằm ngăn chặn nguy cơ mất cân bằng, vượt ngưỡng chịu đựng của các HST, suy giảm giá trị của cảnh quan thiên nhiên và lấp khoảng trống trong quy định của pháp luật hiện hành để quản lý các tác động tiêu cực của quá trình phát triển KT-XH đến các cảnh quan thiên nhiên và ĐDSH. Đồng thời cũng thể hiện được dự báo, xu thế diễn biến của các nguồn tài nguyên thiên nhiên như đất, nước, thực vật, động vật... để có các giải pháp ngăn ngừa, góp phần vào BVMT trên từng vùng lãnh thổ ở Việt Nam. Đây cũng là quy định bắt buộc được đề cập trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) lần này. Tôi hoàn toàn tin tưởng và kỳ vọng khi quy hoạch các dự án phát triển KT-XH có ảnh hưởng tới tài nguyên thiên nhiên, đến HST và sinh kế của cộng đồng thì cần phải nghiêm túc thực hiện những quy định đã nêu trong Luật BVMT (sửa đổi).

***Xin Giáo sư cho biết, một số giải pháp cần phải triển khai thực hiện sau khi Dự thảo Luật được thông qua và đi vào cuộc sống nhằm bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và ĐDSH?**

GS. TSKH Đặng Huy Huỳnh:

Tôi rất kỳ vọng và có niềm tin vào sự tham định, thông qua của Quốc hội kỳ này để Luật sớm đi vào cuộc sống, góp phần BVMT phục vụ cho việc phát triển KT-XH bền vững.

Sau khi Dự thảo Luật được thông qua thì phải tổ chức giới thiệu rộng rãi các điều khoản trong Dự thảo Luật nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về nghĩa vụ và quyền lợi trong bảo vệ cảnh quan thiên nhiên nói riêng và môi trường nói chung.

Các cơ quan quản lý nhà nước (Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học - Tổng cục Môi trường, Cục Kiểm Lâm - Tổng cục Lâm nghiệp) cùng các Ban ngành và địa phương cần phối hợp chặt chẽ trong công tác điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu, quan trắc ĐDSH, quản lý và giám sát việc thực thi pháp luật liên quan đến cảnh quan thiên nhiên và ĐDSH.

Cần thực thi nghiêm các điều khoản trong Luật BVMT, có biện pháp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và khuyến khích các mô hình tốt về BVMT trong cộng đồng để nhân rộng, tạo sự lan tỏa trong toàn xã hội.

Nhà nước cần quan tâm hơn nữa đến việc đầu tư và nâng cao năng lực đối với cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong công tác bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, ĐDSH nói riêng và BVMT nói chung.

Các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đại học quan tâm nghiên cứu phát hiện và đánh giá hiện trạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện hữu trong cảnh quan tự nhiên làm cơ sở cho việc đề ra các chính sách sử dụng, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Phát huy tiềm năng và sức mạnh tổng hợp của cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp vừa và nhỏ) trong phạm vi toàn quốc nâng cao trách nhiệm trong bảo vệ khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên bền vững.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

NGUYỄN HẰNG

CÁC QUY ĐỊNH MỚI VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRONG DỰ THẢO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (SỬA ĐỔI):

Mục tiêu đề xuất và một số vấn đề cần thảo luận tiếp

TS. LÊ HOÀNG LAN

Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

1. BỐI CẢNH SỬA ĐỔI CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trong những năm qua, nước ta có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, công nghiệp, giao thông, xây dựng... có những lúc phát triển nóng gây áp lực đối với môi trường. Lượng chất thải thải ra môi trường ngày càng gia tăng và chưa có phương thức quản lý, sử dụng một cách phù hợp dẫn đến lãng phí tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường. Ô nhiễm, suy thoái đất, nước, không khí còn diễn ra nhiều nơi đang gây tổn hại cho nền kinh tế cũng như toàn xã hội. Nhiều dự án, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát chặt chẽ, vẫn còn tình trạng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa có hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung, làng nghề gây ô nhiễm môi trường. Việt Nam cũng là một trong những quốc gia bị tác động nặng nề của biến đổi khí hậu (BĐKH). BĐKH và nước biển dâng đã diễn ra nhanh hơn dự báo, gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng đến sinh kế và đời sống của người dân.

Trước những thách thức về môi trường và BĐKH, yêu cầu bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường (BVMT), ứng phó với BĐKH càng trở nên cấp thiết. Trong bối cảnh hiện nay, Nhà nước cần có cơ chế khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý Nhà nước về BVMT và ứng phó với BĐKH nói chung, đánh giá tác động môi trường (ĐTM) nói riêng và đề xuất các giải pháp phù hợp có tính dự báo cho xu hướng phát triển của Việt Nam trong tương lai.

2. CÁC QUY ĐỊNH MỚI DỰ KIẾN BỔ SUNG, SỬA ĐỔI

Sàng lọc môi trường và Đánh giá sơ bộ tác động môi trường

Theo Luật Đầu tư công, các dự án đầu tư công khi xem xét quyết định chủ trương đầu tư đều phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Luật Đầu tư cũng quy định trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ khi xin chấp thuận chủ trương đầu tư phải có nội dung “Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp BVMT”. Tuy nhiên, Luật BVMT năm 2014 không quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường, trong khi quy định việc ĐTM phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị Dự án.

Việc bổ sung quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường vào Dự thảo Luật BVMT sửa đổi (Dự thảo) đảm bảo sự thống nhất trong các quy định pháp luật liên quan đến đánh giá sơ bộ tác động môi trường trong pháp luật về đầu tư, đầu tư công và BVMT. Tuy nhiên, Dự thảo quy định đánh giá sơ bộ tác động môi trường chỉ áp dụng với các loại hình Dự án:

- Dự án đầu tư công (bao gồm các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C) có cấu phần xây dựng thuộc loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, trừ các dự án đầu tư công khẩn cấp, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia và dự án thành phần thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

- Dự án đầu tư xây dựng theo phương thức đối tác công tư;

- Dự án đầu tư xây dựng không thuộc quy định tại điểm a khoản này được Quốc hội,

Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Đồng thời, việc sàng lọc Dự án được thực hiện dựa trên quy hoạch BVMT quốc gia, vùng, tỉnh, trong đó phải có định hướng, phương án khoanh định, xác lập các khu vực cần bảo tồn, bảo vệ, phục hồi môi trường, sinh thái.

Quy định về sàng lọc môi trường/đánh giá sơ bộ tác động môi kiềm soát được rủi ro tác động môi trường của các dự án đầu tư nhằm định hướng các hoạt động phát triển phù hợp với chức năng, mức độ nhạy cảm, khả năng chịu tải của môi trường. Trên cơ sở khoanh định, xác lập các khu vực cần bảo tồn, bảo vệ, phục hồi môi trường, sinh thái trên phạm vi cả nước, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được sắp xếp, bố trí phù hợp tại các vùng môi trường tương ứng, bảo đảm tận dụng tối đa các ưu thế về sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giúp tăng cường khả năng tuần hoàn, quay vòng xử lý chất thải tại các dự án có tính chất tương hỗ, liên kết với nhau. Hoạt động phát triển theo kết quả khoanh định, xác lập các khu vực cần bảo tồn, bảo vệ, phục hồi môi trường, sinh thái trên phạm vi cả nước sẽ tránh được những

xung đột về môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên và xử lý chất thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên vùng đã được phân định.

Việc thực hiện ĐTM sơ bộ là một nội dung trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư, không tạo thành một thủ tục hành chính riêng đối với doanh nghiệp. Các tiêu chí sàng lọc dự án dựa trên các yếu tố tác động đến môi trường về mức độ ảnh hưởng của Dự án, thay vì chỉ quan tâm tới quy mô vốn đầu tư, đảm bảo các quy định về quy hoạch BVMT được triển khai trên thực tế theo hướng khoa học và phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc sàng lọc Dự án dựa trên cơ sở khoanh định, xác lập các khu vực cần bảo tồn, bảo vệ, phục hồi môi trường, sinh thái giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, công sức để xác định vị trí Dự án.

Các dự án đầu tư phải phê duyệt chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư, đầu tư công được xác định theo quy mô nguồn vốn và tính chất quan trọng về các vấn đề môi trường, kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, chỉ những dự án đầu tư xây dựng hoặc có cấu phần xây dựng mới có khả năng gây ra những tác động đến môi trường. Do vậy, sẽ là lãng phí nguồn lực khi yêu cầu các dự án không có cấu phần xây dựng (như Dự án văn hóa, phát triển giáo dục, thể thao, phát triển công nghệ thông tin,...) phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

Đánh giá tác động môi trường

Chế định về ĐTM đã được thực hiện gần 30 năm nay (từ năm 1993), tuy nhiên, trong quá trình thanh, kiểm tra, các vi phạm về không thực hiện đúng theo ĐTM được phê duyệt là lỗi khá phổ biến (chiếm khoảng 10%) các loại lỗi vi phạm trong xử phạt vi phạm hành chính về BVMT. Một trong các nguyên nhân là do ĐTM chỉ là công cụ dự báo, nên khó có thể một báo cáo ĐTM chi tiết đến mức có thể dự báo định lượng và nêu rõ các giải pháp giảm thiểu tất cả các tác động, rủi ro, sự cố về môi trường và xã hội có thể xảy ra trong suốt vòng đời của Dự án. Trong khi đó, pháp luật về BVMT đang coi báo cáo phê duyệt ĐTM là căn cứ để thanh tra, kiểm tra và căn cứ để chủ dự án tổ chức thực hiện các biện pháp BVMT trong quá trình triển khai Dự án.

Yêu cầu về năng lực đảm bảo thực hiện ĐTM của tư vấn ĐTM vẫn còn bở ngô, dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thuê các tư vấn không có kinh nghiệm chuyên môn chuẩn bị nên dữ liệu thông tin thiếu và kém tạo nên báo

cáo ĐTM có chất lượng không tốt, không sát thực tế tiềm ẩn rủi ro bị xử phạt đối với doanh nghiệp khi đi vào hoạt động.

Quy trình lấy ý kiến cộng đồng trong quá trình thực hiện ĐTM không được thực hiện đầy đủ có thể dẫn đến ý kiến, tri thức bản địa của cộng đồng không được thu nhận. Việc này có thể ảnh hưởng đến đời sống của người dân vùng chịu tác động của Dự án, tiềm ẩn gây ra những tranh chấp, xung đột quyền lợi về môi trường khi Dự án triển khai, đi vào hoạt động.

Những quy định mới về ĐTM được bổ sung trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) nhằm giải quyết các bất cập nêu trên.

Đặc biệt, Dự thảo quy định rõ quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục đầu tư, xây dựng, cấp phép hoạt động của dự án, đồng thời công cụ ĐTM có vai trò trong giai đoạn thực hiện Dự án; việc quản lý Dự án, cơ sở khi đi vào vận hành được thay thế bằng công cụ Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường.

Các quy định mới này đã đảm bảo vị trí, vai trò, phát huy hiệu quả, hiệu lực của công cụ ĐTM trong quản lý môi trường; đảm bảo công cụ ĐTM là một phần hoạt động sàng lọc dự án đầu tư; góp phần nâng cao chất lượng của báo cáo ĐTM và nâng cao ý thức, trách nhiệm BVMT của các doanh nghiệp.

Giấy phép môi trường

Hiện nay, sau khi thực hiện ĐTM, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang phải thực hiện nhiều loại giấy phép, giấy xác nhận có tính chất như giấy phép để thực hiện nghĩa vụ về BVMT. Một cơ sở thuộc

đối tượng ĐTM thường phải thực hiện các loại giấy tờ mang tính giấy phép như sau:

- + Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại;

- + Giấy phép xả thải vào nguồn nước hoặc giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi;

- + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Các loại giấy phép này có thể do các cơ quan cấp phép khác nhau (Bộ TN&MT, UBND cấp tỉnh, Sở TN&MT hoặc Bộ NN&PTNT, Sở NN&PTNT) nêu trên. đôi khi có những yêu cầu về trách nhiệm, nghĩa vụ pháp lý không đồng nhất giữa các giấy phép làm khó khăn cho cơ sở khi tuân thủ, đồng thời khó cho việc thanh, kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước.

Nhằm hạn chế sự chồng chéo, trùng lặp trong các giấy phép về BVMT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ về BVMT, đồng thời giúp cơ quan Nhà nước có sự quản lý thống nhất về BVMT, Dự thảo đã bổ sung quy định về Giấy phép môi trường.

Giấy phép môi trường là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả thải vào môi trường, quản lý chất thải, nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất kèm theo các yêu cầu, điều kiện về BVMT theo quy định của pháp luật. Với những đối tượng có tác động môi trường đơn giản hơn (tương ứng với phân cấp thẩm định ĐTM) sẽ thực hiện đăng ký môi trường.

Giấy phép môi trường được cấp căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, phân vùng môi trường, quy hoạch BVMT, khả năng chịu tải của môi trường (nếu có), quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các quy định của pháp luật về BVMT có liên quan.

Dự án đầu tư phải có giấy phép môi trường trước khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công. Kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực, các văn bản: quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, thẩm định về môi trường của Dự án hết hiệu lực.

Việc hợp nhất các giấy phép về BVMT sẽ giúp các cơ quan BVMT quyết định một lần toàn bộ các vấn đề môi trường của cơ sở sản xuất kinh doanh (biện pháp tiên kiểm). Điều này giúp các quyết định được đưa ra một cách toàn diện, triệt để hơn và có chất lượng hơn. Các quyết định này sẽ gián tiếp giúp chất lượng môi trường được nâng cao. Bên cạnh đó, Nhà nước có những quyết định chuẩn xác, rõ ràng hơn trong hoạt động thanh, kiểm tra do việc thực hiện một giấy phép duy nhất sẽ không làm phát sinh tình huống các giấy phép được cấp có yêu cầu, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý không đồng nhất.

Đối với doanh nghiệp, việc chỉ phải thực hiện đúng theo một giấy phép giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc tuân thủ pháp luật, tránh được những rủi ro pháp lý bị xử phạt vi phạm hành chính do không tuân thủ đúng quy định giấy phép được cấp trong trường hợp các giấy phép được cấp có yêu cầu pháp lý không thống nhất với nhau.

3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN THẢO LUẬN TIẾP

Về đánh giá sơ bộ tác động môi trường

Theo quy định nêu trong Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi), đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi hoặc đề xuất chủ trương đầu tư của dự án; kết quả đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thể hiện là một phần trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Thực tế hiện nay tất cả các dự án đầu tư khi đề xuất chủ trương đầu tư đều có báo cáo đầu tư, trong đó có nội dung về tác động môi trường (là một mục hoặc một chương của báo cáo đầu tư, tùy thuộc quy mô và tính chất của dự án. Thông lệ quốc tế cũng quy định mọi dự án đều phải thực hiện đánh

giá môi trường sơ bộ (hoặc đánh giá môi trường ban đầu) để cung cấp cơ sở cho chủ đầu tư tự sàng lọc dự án, và cơ quan thẩm quyền phân loại quản lý dự án khi ra quyết định.

Hiện nay Dự thảo Luật BVMT cũng có quy định phân loại Dự án đầu tư để quản lý theo công cụ ĐTM và Giấy phép môi trường, cụ thể: 1) Dự án đầu tư chỉ phải thực hiện ĐTM trong giai đoạn chuẩn bị Dự án và không phải có Giấy phép môi trường; 2) Dự án đầu tư phải thực hiện ĐTM trong giai đoạn chuẩn bị Dự án và phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án (giai đoạn thực hiện Dự án); 3) Dự án đầu tư không phải thực hiện ĐTM nhưng phải có giấy phép môi trường trong giai đoạn chuẩn bị Dự án; và 4) Dự án không phải thực hiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 nêu trên. Tuy nhiên không có quy định rõ cơ quan nào thực hiện phân loại, thực hiện khi nào và dựa trên cơ sở nào để phân loại dự án đầu tư như vậy.

Vậy nên chăng cần nhắc quy định đối tượng phải đánh giá sơ bộ ĐTM là tất cả các Dự án đầu tư, để các cơ quan thẩm quyền khi xem xét hồ sơ có cơ sở ra quyết định đầu tư, bao gồm phân loại Dự án, để thực hiện tiếp các thủ tục môi trường trong giai đoạn sau?

Đánh giá tác động và bồi hoàn đa dạng sinh học trong ĐTM

Việt Nam được ghi nhận là một trong 16 quốc gia có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao trên thế giới, với nhiều kiểu hệ sinh thái, các loài sinh vật. Các cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp của Việt Nam đã và đang thu hút nhiều khách tham

quan du lịch từ khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam đang đối diện với nguy cơ suy thoái ĐDSH và sự mất cân bằng sinh thái diễn ra mạnh mẽ, đồng thời nhiều vụ việc xảy ra các hoạt động phá hủy/phá vỡ toàn bộ hay một phần của cảnh quan. Nguyên nhân của tình trạng này là do áp lực gia tăng dân số kéo theo việc khai thác quá mức tài nguyên sinh vật, không bảo đảm cho việc tái tạo lại. Các hoạt động này có thể đạt được ích lợi kinh tế và có thể là xã hội trước mắt, nhưng đã và đang để lại hoặc dẫn đến hậu quả xấu về lâu dài.

Hầu hết các quy hoạch, kế hoạch, kéo theo là các dự án đầu tư lại chỉ quan tâm đến các mục tiêu kinh tế - xã hội mà chưa dành mức quan tâm thích đáng đến bảo tồn thiên nhiên, ĐDSH. Các dự án sản xuất, kinh doanh đã và đang gây những tổn thất ĐDSH do việc lấn chiếm diện tích, làm mất sinh cảnh của các loài. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, khi thực hiện một dự án đầu tư phát triển gây tổn thất ĐDSH thì cần phải thực hiện các giải pháp để bù đắp, cải tạo, phục hồi ĐDSH tại khu vực đó hoặc ở một nơi khác để bảo đảm duy trì giá trị sinh khối bị mất. Trong đánh giá tác động ĐDSH (như là 1 nội dung của ĐTM), hệ thống phân cấp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến ĐDSH được coi là một cách tiếp cận thực tiễn tốt nhất để quản lý rủi ro ĐDSH.

Theo hệ thống phân cấp giảm thiểu, (i) trước tiên, cần nỗ lực để ngăn chặn hoặc tránh các tác động tiêu cực đến ĐDSH; (ii) sau đó, mới tiến hành các giải pháp, biện pháp

giảm thiểu; (iii) khôi phục tình trạng ban đầu của môi trường (trong đó có ĐDSH và thường khó đạt được 100%); (iv) Theo tính toán sau hoàn thành giảm thiểu, nếu còn các tác động - suy giảm đáng kể nào thì cần được giải quyết thông qua bồi hoàn (bù đắp) ĐDSH để đạt được “không mất mát ròng/mất mát thực” ĐDSH (No net Loss in Biodiversity) bằng cách tăng cường, tạo ra và/hoặc bảo vệ ĐDSH (môi trường sống) tại chỗ hoặc một vị trí khác có đặc điểm sinh thái tương tự. Mục đích cuối cùng của bồi hoàn ĐDSH là tạo ra sự cân bằng sinh thái trong quá trình phát triển của loài người, sao cho ĐDSH hiện có không bị mất đi, không suy giảm và trong một số trường hợp, có thể được làm giàu thêm (Thu lợi ròng - Net Gain) vì mục tiêu phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, trong một số trường hợp, do thiếu các đánh giá phù hợp về tác động của Dự án đối với sử dụng tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến việc cho phép thực hiện các dự án tiềm ẩn các tác động vượt qua ngưỡng chịu tải của các hệ sinh thái, ngưỡng khai thác của tài nguyên sinh vật khiến các hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật không thể phục hồi, tái tạo, mất đi các chức năng quan trọng. Hiện nay, nội dung ĐTM cũng đã có quy định phải dự báo và đánh giá tác động làm suy giảm ĐDSH, tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng về mức độ tác động đến ĐDSH, cũng như chưa có quy định cụ thể về thực hiện việc bồi hoàn ĐDSH như một biện pháp giảm thiểu cần đề xuất trong ĐTM.

Đánh giá rủi ro BĐKH trong ĐTM

Việt Nam là một trong các quốc gia đang và sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do tác động của BĐKH: xâm nhập mặn, ngập úng, mất đất, mất ĐDSH, suy giảm tài nguyên nước, đất và chất lượng môi trường, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội.

Cấp độ Dự án là đặc biệt quan trọng đối với việc xem xét tác động, rủi ro khí hậu để kết hợp các biện pháp thích ứng phù hợp. Nếu bỏ qua xem xét tác động rủi ro do BĐKH các dự án phát triển đô thị, công nghiệp, cơ sở hạ tầng có thể ảnh hưởng đến tính dễ bị tổn thương của hệ thống tự nhiên và con người, dẫn đến đến tác hại đến quá trình phát triển của quốc gia và của chính bản thân dự án.

Trong thực tế các tác động môi trường của một Dự án là hệ quả không chỉ do bản chất dự án (công suất, thiết kế, công nghệ, nguyên, nhiên liệu, quản lý...) mà còn vào các điều kiện môi trường chung quanh (thí dụ, địa hình, độ cao, lượng mưa, nhiệt độ, bão, lũ....). Vì vậy, không thể bỏ qua đánh giá rủi ro do BĐKH trong quá trình ĐTM cho dự án, trong đó phải có đủ thông tin về đặc điểm tự nhiên, sinh thái vùng dự án. Một đánh giá tác động do BĐKH đến dự án chỉ chính xác khi có thông tin chính xác về điều kiện môi trường nền.

Những người ra quyết định thẩm định Dự án cũng phải xem xét các tác động của BĐKH đối với chính dự án và đánh giá liệu những tác động này có tích hợp với các tác động khác, làm trầm trọng thêm hậu quả môi trường hay tạo ra rủi ro mới không.

Hiện nay cách tiếp cận ĐTM ở Việt Nam là việc nghiên cứu để nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra giải pháp, biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, tức là chỉ quan tâm đến tác động từ dự án đến môi trường, ít (gần như không) quan tâm đến tác động ngược lại - từ môi trường đến Dự án. Kể cả nội dung đánh giá rủi ro

sự cố môi trường cũng chỉ quy định nhận dạng, dự báo các tác động tiêu cực của Dự án có thể gây rủi ro, sự cố môi trường. Đánh giá rủi ro BĐKH là sự xác định các mối nguy hại và mức độ tác động của BĐKH và tới BĐKH, và xác định hậu quả tương ứng. Có nghĩa là khi đánh giá rủi ro BĐKH trong ĐTM cần quan tâm đến tác động 2 chiều: tác động từ Dự án đến BĐKH và tác động từ BĐKH đến Dự án.

Nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế đã công nhận rằng, vì thiếu các yêu cầu chi tiết về gắn kết xem xét BĐKH trong ĐTM nên ĐTM không thể phục vụ đầy đủ như một công cụ để xem xét, thẩm định mức độ bị tác động và khả năng thích ứng, ứng phó của Dự án đối với các tác động do BĐKH gây ra và với các tác động của chính Dự án đó đến BĐKH toàn cầu.

Đánh giá tác động xã hội trong ĐTM

Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) có đề cập đến nhận dạng các tác động trực tiếp của Dự án đến các hoạt động kinh tế - xã hội, các vấn đề xã hội và sức khỏe con người trong phạm vi không gian có khả năng bị tác động bởi Dự án. Tuy nhiên có nhiều yếu tố xã hội phức tạp như di dân giải phóng mặt bằng, sinh kế, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, chia cắt cộng đồng, cần phương pháp luận đánh giá tác động tương ứng khác với phương pháp luận đánh giá tác động môi trường. Việc sử dụng phương pháp ĐTM trong đánh giá tác động xã hội có thể dẫn đến những hạn chế làm giảm rủi ro về xã hội trong quá trình thực hiện Dự án, không bảo đảm tính bền vững khi thực hiện dự án, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn xã hội.

Việc đưa ra các quy định về đánh giá tác động xã hội cần phải có những tiêu chí rõ ràng để có thể áp dụng phương pháp đánh giá tác động phù hợp, góp phần tạo sự đồng thuận của người dân tại khu vực Dự án, tránh cho doanh nghiệp những rủi ro khiếu nại, khiếu kiện và đền bù thiệt hại về môi trường do không tính hết các yếu tố xã hội đối với cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng khi thực hiện ĐTM■

Tăng cường kiểm soát, quản lý hoạt động săn bắt, buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã



▲ Ông Nguyễn Quốc Hiệu -
Phó Cục trưởng Cục Kiểm lâm
(Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT)

*Xin ông cho biết về tình hình vi phạm trong hoạt động buôn bán, tiêu thụ trái phép ĐVHD trên cả nước thời gian qua?

Ông Nguyễn Quốc Hiệu: Thời gian qua, tình hình buôn bán trái phép ĐVHD ở Việt Nam diễn biến phức tạp, đối tượng vi phạm ngày càng tinh vi, sử dụng nhiều thủ đoạn đối phó với các lực lượng chức năng. Theo thống kê, các năm gần đây, lực lượng Kiểm lâm toàn quốc phát hiện và xử lý 466 vụ vi phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm (năm 2018 là 239 vụ, năm 2019 là 227 vụ).

Từ đầu năm 2020 đến nay, tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra đã tác động lớn đến hoạt động khai thác, buôn bán, tiêu thụ ĐVHD trên địa bàn toàn quốc, nên đã giảm số vụ vi phạm, cả về quy mô và mức độ vi phạm. Tình trạng vận chuyển trái phép ĐVHD vào Việt Nam đã được các lực lượng chức năng tăng cường kiểm

Thời gian qua, tình trạng săn bắt, buôn bán, sử dụng, tiêu thụ bất hợp pháp động vật hoang dã (ĐVHD), đặc biệt là ĐVHD nguy cấp, quý hiếm vẫn diễn ra phức tạp ở nhiều nơi. Một số khu chợ ở vùng cao, hoặc đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn hoạt động mua bán ĐVHD công khai với các loài như: Kỳ đà, gà lôi, trĩ, gà rừng và các loại chim, dẫn đến nhiều loài ĐVHD có nguy cơ tuyệt chủng.

Nhằm tìm hiểu thực trạng công tác quản lý ĐVHD thời gian qua và đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả trong kiểm soát, quản lý, bảo vệ ĐVHD, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Quốc Hiệu - Phó Cục trưởng Cục Kiểm lâm (Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT) về vấn đề này.

soát trên cả 3 tuyến đường bộ, đường biển và hàng không; các điểm nóng vi phạm, chợ đầu mối thường xuyên bày bán, giết mổ ĐVHD đã cơ bản được chính quyền địa phương tuyên truyền, ngăn chặn và xử lý. Bên cạnh đó, ý thức của người dân về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đã dần thay đổi thói quen tiêu thụ, sử dụng ĐVHD, từ đó dẫn đến giảm thiểu các hoạt động khai thác, buôn bán, vận chuyển ĐVHD trái pháp luật. Kết quả, trong 4 tháng đầu năm 2020, lực lượng Kiểm lâm toàn quốc đã phát hiện, xử lý 45 vụ vi phạm về quản lý, bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm; so với cùng kỳ năm 2019, giảm 8 vụ vi phạm (tương đương 16,6%); các vụ vi phạm cơ bản ở mức độ nhỏ lẻ, ít nghiêm trọng.

Tuy nhiên, tình trạng vi phạm về buôn bán ĐVHD trái pháp luật còn diễn ra với thủ đoạn tinh vi như trà trộn

ĐVHD có nguồn gốc bất hợp pháp từ tự nhiên với ĐVHD gây nuôi sinh sản hợp pháp, hoặc trong các loại hàng hóa khác để vận chuyển, tiêu thụ... Đặc biệt, các đối tượng sử dụng mạng Internet để thực hiện giao dịch về buôn bán ĐVHD bất hợp pháp, gây khó khăn cho các lực lượng chức năng trong phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm.

Trước tình hình đó, Cục Kiểm lâm đã tham mưu Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) nhiều giải pháp để quản lý và thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES); chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm địa phương thực hiện tốt công tác tham mưu, tăng cường đấu tranh ngăn chặn các hành vi buôn bán, chế biến, tiêu thụ trái phép ĐVHD.



▲ Hội thảo “Thực thi pháp luật về bảo vệ động thực vật nguy cấp quý hiếm ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp” do Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội tổ chức ngày 27 - 28/4/2016 tại TP. Đà Nẵng

*Với chế tài xử phạt hiện nay liệu đã đủ sức răn đe đối với những hành vi vi phạm pháp luật về săn bắt, buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD, thưa ông?

Ông Nguyễn Quốc Hiệu: Từ nhiều năm nay, Chính phủ đã đầu tư nhiều nguồn lực cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), ngăn chặn, xử lý hành vi săn bắt, buôn bán và tiêu thụ ĐVHD trái pháp luật; xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý các loài ĐVHD, kiểm soát các hoạt động khai thác, gây nuôi, chế biến, buôn bán ĐVHD phù hợp với các hiệp ước quốc tế. Cụ thể là Luật ĐDSH năm 2008, Luật Đầu tư năm 2014, Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017, Luật Lâm nghiệp năm 2017, trong đó quy định rõ các hành vi bị cấm “Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật”. Theo đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định rõ 2 tội về ĐVHD, gồm: Tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD (Điều 234); Tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244), quy định hình phạt lên đến 15 năm tù; hình phạt tiền đến 2 tỷ đồng đối với cá nhân và đến 15 tỷ đồng đối với pháp nhân.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 20/2/2014 về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các

biện pháp kiểm soát bảo tồn các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm (Chỉ thị số 03/CT-TTg) và Chỉ thị số 28/CT-TTg 17/9/2016 về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài ĐVHD trái pháp luật (Chỉ thị số 28/CT-TTg 17/9/2016).

Gần đây, việc quản lý ĐVHD tiếp tục được tăng cường thông qua các Nghị định: số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Đặc biệt, ngày 25/4/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, trong đó, quy định các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt (Điều 21); vận chuyển (Điều 22); tàng trữ, mua bán, chế biến trái phép luật (Điều 23) động vật rừng, sản phẩm của động vật rừng, hoặc bộ phận không thể tách rời sự sống của động vật rừng sẽ bị xử phạt đến 400 triệu đồng đối với cá nhân và 800 triệu đồng đối với tổ chức.

Với mức tăng nặng hình phạt có ý nghĩa quan trọng trong nỗ lực bảo vệ các loài ĐVHD vì thực tiễn cho thấy, việc áp dụng các chế tài hình sự nghiêm khắc sẽ tăng tính răn đe, phòng ngừa chung, góp phần giảm thiểu tình trạng săn bắt, buôn bán, tiêu thụ ĐVHD.

*Mặc dù, công tác quản lý ĐVHD ngày càng được tăng cường, nhưng tình trạng săn bắt, mua bán, kinh doanh, vận chuyển và tiêu thụ trái phép các loài ĐVHD và động vật nguy cấp, quý hiếm vẫn còn diễn biến phức tạp, vậy nguyên nhân là do đâu, thưa ông?

Ông Nguyễn Quốc Hiệu: Tình hình khai thác, buôn bán, vận chuyển và tiêu thụ trái phép luật các loài ĐVHD còn diễn ra phức tạp ở một số nơi, xuất phát từ các nguyên nhân: Lợi nhuận cao từ việc buôn bán ĐVHD trái phép (được đánh giá xếp sau, hoặc gần như ngang bằng với buôn lậu vũ khí, ma túy và buôn bán người), dẫn đến tình trạng buôn bán trái pháp luật ĐVHD tiếp tục diễn biến phức tạp; các đối tượng sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi để qua mặt lực lượng chức năng. Ngoài ra, với vị trí địa lý nằm tiếp giáp các nước Lào, Campuchia và Trung Quốc với nhiều cửa khẩu và cảng biển, Việt Nam



▲ Cán bộ kiểm lâm kiểm tra cân nặng của các cá thể tê tê được thu giữ trong một vụ vi phạm pháp luật

dễ trở thành điểm trung chuyển ĐVHD xuyên quốc gia. Trong khi đó, một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ, vẫn còn thói quen sử dụng các sản phẩm từ ĐVHD có nguồn gốc tự nhiên, đặc biệt các loài nguy cấp, quý, hiếm.

Mặc dù, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về săn bắt, buôn bán, vận chuyển trái phép các loài ĐVHD đã hoàn thiện, nhưng vẫn còn nhiều chồng chéo, bất cập, gây khó khăn cho lực lượng thực thi pháp luật trong quá trình xử lý các vụ vi phạm. Bên cạnh đó, còn có những kẽ hở pháp luật để các đối tượng vi phạm về ĐVHD lợi dụng. Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình gây nuôi ĐVHD tại một số địa phương còn nhiều khó khăn, dẫn đến một số đối tượng lợi dụng hồ sơ gây nuôi để hợp pháp hóa các loài được săn bắt từ tự nhiên. Hiện nay ta vẫn chưa có những nghiên cứu đầy đủ về quá trình sinh trưởng, sinh sản của một số loài ĐVHD trong môi trường nuôi nhốt, nên gây khó khăn cho công tác quản lý, giám sát. Đặc biệt, sự vào cuộc của chính quyền cấp cơ sở tại một số nơi chưa thực sự quyết liệt, dẫn đến tình trạng mua bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD trái pháp luật vẫn diễn ra.

*Trước sự nguy hiểm của các dịch bệnh do sự lây truyền virus từ ĐVHD sang con người như đại dịch COVID-19, theo ông, cần có những giải pháp gì nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát hoạt động mua, bán, vận chuyển, kinh doanh, tàng trữ ĐVHD?

Ông Nguyễn Quốc Hiệu: Có thể nói, hoạt động buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD trái

pháp luật tiềm ẩn rủi ro truyền nhiễm các bệnh sang con người như virus SARS, cúm H5N1 và mới đây là SARS-CoV-2, đe dọa đến sức khoẻ cộng đồng và sự phát triển kinh tế của đất nước. Nhằm tăng cường thực thi pháp luật trong quản lý, kiểm soát buôn bán, tiêu thụ ĐVHD trong tình hình mới, Bộ NN&PTNT đã trình Thủ tướng Dự thảo Chỉ thị về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD, Chỉ thị yêu cầu các Bộ: NN&PTNT, TN&MT, Công an, Y tế, Tài chính, Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Quốc phòng và UBND các tỉnh thực hiện đồng bộ các giải pháp ngăn chặn buôn bán, tiêu thụ ĐVHD trái pháp luật.

Bên cạnh đó, cần thực hiện những nội dung như: Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 20/02/2014; Chỉ thị số 28/CT-TTg và gần đây nhất là Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/01/2020 về việc phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng

mới của vi rút Corona gây ra); Tham mưu cho Chính phủ đề nghị các Bộ, ngành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để quản lý chặt chẽ hoạt động buôn bán và tiêu thụ ĐVHD phù hợp với tình hình mới, đặc biệt là nội dung liên quan đến tiêu thụ ĐVHD hiện chưa được quy định trong các văn bản pháp luật. Các cơ quan, ban ngành, cấp ủy, chính quyền, các thành phần trong xã hội từ Trung ương đến địa phương cần tăng cường phối hợp nhằm đấu tranh, ngăn chặn, cương quyết xử lý nghiêm các hành vi khai thác, nuôi nhốt, tàng trữ, chế biến, kinh doanh, buôn bán, xuất nhập khẩu trái pháp luật ĐVHD, kể cả các đối tượng quảng cáo, mua bán ĐVHD trên mạng Internet; kiểm soát chặt chẽ hoạt động thương mại điện tử liên quan đến ĐVHD.

Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ ĐVHD tới cộng đồng, làm thay đổi thói quen về tiêu thụ, sử dụng ĐVHD và sản phẩm ĐVHD, nghiên cứu, quảng bá các sản phẩm nhằm thay thế các sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm; công khai thông tin đối tượng vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc xét xử các vụ án về ĐVHD tại nơi xảy ra vi phạm để tăng tính răn đe, phòng ngừa vi phạm, tội phạm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở gây nuôi trong nước, cũng như cửa khẩu, không để việc nhập khẩu trái phép ĐVHD về Việt Nam, hoặc lợi dụng hồ sơ gây nuôi để hợp thức hóa ĐVHD trái phép.

*Trân trọng cảm ơn ông!
GIÁNG HƯƠNG (Thực hiện)

VĂN BẢN MỚI

● Quy định mới về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Ngày 5/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí BVMT đối với nước thải. Theo đó, Nghị định quy định quy định đối tượng chịu phí BVMT là nước thải công nghiệp thải vào nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định pháp luật và nước thải sinh hoạt, trừ trường hợp miễn thu phí theo quy định.

Nước thải công nghiệp là nước thải từ các nhà máy, địa điểm, cơ sở sản xuất, chế biến (gọi chung là cơ sở) của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, bao gồm: Cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá; cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại theo quy định pháp luật về chăn nuôi; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; cơ sở nuôi trồng thủy sản thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch BVMT theo quy định; nhà máy cấp nước sạch, nhà máy điện; hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung tại khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cảng cá, khu công nghệ cao và các khu khác...

Nước thải sinh hoạt là nước thải từ hoạt động của hộ gia đình, cá nhân; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức khác; cơ sở rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy; cơ sở khám, chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.

Người nộp phí là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thải nước thải. Trường hợp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thải nước thải vào hệ thống XLNT tập trung và trả tiền dịch vụ XLNT cho đơn vị quản lý, vận hành hệ thống XLNT tập trung theo cơ chế giá dịch vụ thì đơn vị quản lý, vận hành hệ thống XLNT tập trung là người nộp phí BVMT đối với nước thải theo quy định...

Các trường hợp được miễn phí BVMT đối với nước thải, bao gồm:

Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện; nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra; nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các phường, thị trấn chưa có hệ thống cấp nước sạch; hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh ở các phường, thị trấn đã có hệ thống cấp nước sạch tự khai thác nước sử dụng; nước làm mát (theo quy định pháp luật về BVMT) không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng...

● Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng dữ liệu về môi trường

Ngày 10/4/2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 22/2020/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng dữ liệu về môi trường. Đối tượng áp dụng của Thông tư là cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp phí; Tổ chức thu phí; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường và thu, nộp phí.

Thông tư quy định, tổ chức thu phí bao gồm: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường trực thuộc Tổng cục Môi trường (Bộ TN&MT); Các cơ quan được các Bộ, cơ quan ngang Bộ giao cung cấp thông tin dữ liệu về

môi trường; Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin, dữ liệu về môi trường tại các cơ quan, đơn vị phải nộp phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường.

Mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư. Kể từ ngày 26/5/2020 đến hết ngày 31/12/2020 áp dụng mức phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường bằng 70% mức quy định tại Biểu mức thu phí ban hành.

Về quản lý và sử dụng phí: Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được trích lại 70% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; nộp 30% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước; Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Nguồn chi phí trang trải cho việc cung cấp dữ liệu và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước...

CHÂU LOAN

Việt Nam cùng cộng đồng ASEAN kết nối hành động vì sự bền vững môi trường và đa dạng sinh học

GS. TSKH. ĐẶNG HUY HUỲNH
Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

T trong cộng đồng ASEAN có khoảng 623 triệu người cùng chung sống, tồn tại và trải qua hàng nghìn năm lịch sử dưới sự che chở của Mẹ Thiên nhiên. Nơi đây có núi rừng trùng điệp, biển rộng, sông dài - một vùng đất địa linh nhân kiệt, một lãnh thổ rộng lớn kết nối giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên trong sự tồn tại và phát triển. Thiên nhiên không chỉ là mái ấm che chở các dân tộc trong cộng đồng ASEAN, mà còn là nơi hình thành và phát triển các dạng tài nguyên, trong đó có đa dạng sinh học (ĐDSH). Thiên nhiên cũng tạo nên các nền văn hóa đặc đáo của từng dân tộc, trong đó có cả một hệ thống tri thức bản địa đặc sắc biết tựa vào thiên nhiên để sinh tồn và phát triển. Do đó, cộng đồng ASEAN cần nhận thức sâu sắc rằng, sự an lành, phồn thịnh và hạnh phúc của từng thành viên nói riêng và trên hành tinh nói chung đều phụ thuộc vào sự khỏe mạnh của môi trường tự nhiên.

ĐDSH LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ

Khu vực ASEAN được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá là một vùng lãnh thổ có tính ĐDSH cao, bởi các cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái (HST) trên đất liền, đất ngập nước và biển đảo vô cùng đa dạng, phong phú, là nền tảng tạo dựng môi trường sống cho loài động vật, thực vật, nấm và vi sinh vật. Diện tích tự nhiên trên đất liền của khu vực ASEAN chỉ chiếm 3% diện tích tự nhiên trên toàn cầu, nhưng lại là ngôi nhà chung của hơn 18% số loài thực vật, động vật, nấm... Đây cũng là vùng có diện tích rừng ngập mặn rộng lớn, chiếm 35% diện tích rừng ngập mặn trên thế giới và có 30% diện tích các rạn san hô. Đặc biệt, trong khu vực có rất nhiều loài thực vật, động vật thuộc diện quý, đặc hữu như: Bò xám, bò rừng, cheo cheo, tê giác mèo sừng, sao la, hươu cà tông, vượn nhân hìn, voọc mũi hέch, voọc đầu vàng, chà vá chân nâu, chà vá chân đen, chà vá chân xám, voọc mông

trắng, bò biển... Bên cạnh đó là hàng nghìn, hàng vạn loài cây trồng vật nuôi, trong đó có nguồn tài nguyên cây thuốc, cây cảnh...

Đây là nguồn tài nguyên, thiên nhiên vô cùng giá trị, có ý nghĩa không chỉ đối với cuộc sống của các dân tộc trong cộng đồng ASEAN, mà còn cả đối với nhân loại hiện tại và các thế hệ mai sau. Theo Báo cáo Đánh giá các dịch vụ HST toàn cầu của Quỹ Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên (WWF), ước tính trên thế giới có khoảng 4 tỷ người sử dụng thuốc có nguồn gốc tự nhiên để chăm sóc sức khỏe và có đến 70% các loài thuốc có thể chữa được ung thư có nguồn gốc tự nhiên hoặc các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên...

Giá trị to lớn của ĐDSH không chỉ có ý nghĩa cho cộng đồng khu vực ASEAN, mà còn trên toàn cầu. Chính vì vậy, ĐDSH là tài sản vô giá của loài người ở cả khía cạnh sức khỏe lẫn cuộc sống. Sự tồn tại của mỗi con người và cuộc sống bình yên có chất lượng cao của toàn nhân loại phụ thuộc rất nhiều vào ĐDSH trên Trái đất. Nếu tài sản vô giá này bị suy giảm, hoặc mất đi sẽ gây ra những hậu quả khôn lường, không chỉ về môi trường sống, mà còn tác động đến sức khỏe con người, sản lượng cây trồng, vật nuôi và nguồn nước. Theo Liên hợp quốc, khi các HST tự nhiên bị phá hủy thì con người cũng không còn được hưởng những dịch vụ miễn phí như

nước, không khí trong lành và được bảo vệ trước những hiện tượng thời tiết khắc nghiệt.

Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay đang ở mức đáng báo động. Sự suy giảm, nghèo kiệt của các HST trên rừng, dưới biển cùng với vấn nạn săn bắt, vận chuyển buôn bán bất hợp pháp các loài động vật hoang dã dẫn đến nguy cơ nhiều loài động vật hoang dã bị tuyệt chủng. Theo các tổ chức quốc tế, chỉ hơn 40 năm gần đây đã có đến 60% quần thể các loài động vật hoang dã có xương sống bị suy giảm nghiêm trọng (IUCN) và ước tính có khoảng 1 triệu loài thực vật, động vật đang đối mặt với nguy cơ bị tuyệt chủng (UNEP).Thêm vào đó, tình hình biến đổi khí hậu, sử dụng tài nguyên không bền vững đã gây ra các cuộc khủng hoảng sinh thái, kinh tế và ảnh hưởng tới sức khỏe của con người. Điều đó sẽ gây ra những hệ lụy nghiêm trọng đến cuộc sống hiện nay và mai sau.

Chính vì vậy, sự liên kết về trí tuệ nhân tạo và công nghệ hiện đại trong cộng đồng ASEAN cùng với các dân tộc trên thế giới sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp, phát huy sự hiểu biết trong khám phá các điều bí ẩn trong thiên nhiên, trong chu trình của các quy luật cân bằng sinh thái tự nhiên để vận dụng lồng ghép trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và BVMT, bảo tồn ĐDSH.



▲ Khu Bảo tồn đất ngập nước Vân Long được Ban Thư ký Công ước Ramsar trao bằng công nhận là khu Ramsar số 2.360 của thế giới và là khu Ramsar thứ 9 của Việt Nam

CỘNG ĐỒNG ASEAN CÙNG HÀNH ĐỘNG BẢO TỒN ĐĐSH

Nhận thức được vai trò của thiên nhiên, hơn nửa thế kỷ qua, các nước thành viên ASEAN luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công tác bảo tồn ĐĐSH. Các quốc gia trong khu vực đã kết nối, xây dựng thành một cộng đồng ngày càng ổn định, vững mạnh về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng, trong đó có BVMT, bảo tồn ĐĐSH thông qua việc xây dựng hệ thống các vườn quốc gia (VQG), khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) trên đất liền, biển đảo và vùng đất ngập nước. Cho đến nay đã có hàng nghìn các khu bảo tồn (KBT) với mục đích bảo vệ các mẫu chuẩn của thiên nhiên có giá trị khoa học, giá trị kinh tế, các loài đặc hữu quý hiếm, các di sản thiên nhiên có giá trị văn hóa lịch sử. Tiêu biểu trong khu vực có các VQG: Ta Ses Merimbum (Brunei); Kinabalu, Mulu, Taman Nabara (Malaixia); Iglit Baco, MT-APO (Philipin)...

Bên cạnh đó, các nước trong khu vực cũng hoàn thiện hệ thống pháp luật để đạt hiệu quả trong công tác quản lý. Ngay từ những năm 1960, Thái Lan đã có Luật Bảo vệ động vật hoang dã và đến năm 1961 có Luật Vườn quốc gia. Cho đến nay, Thái Lan đã có đến 77 VQG

và KBT với diện tích 3.937.673 ha chiếm 7,61% diện tích tự nhiên của Thái Lan, dự kiến trong tương lai sẽ nâng số VQG, KBT lên 127 với diện tích là 6.488.062 ha và đề xuất xây dựng KBT xuyên biên giới với Myanma là 12 khu; với Lào là 5 khu; với Campuchia là 6 khu và với Malaixia là 5 khu. Thái Lan cũng là quốc gia đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á có quyết định cấm khai thác gỗ rừng tự nhiên từ năm 1989 và chỉ cho phép khai thác gỗ rừng trồng. Tại Indônêxia - một đất nước có nhiều hòn đảo nhất (13.667) ở khu vực Đông Nam Á - Chính phủ đã thiết lập 320 KBTTN với tổng diện tích là 17.300.000 ha. Nếu tính cả diện tích KBT biển thì diện tích dành cho bảo tồn ĐĐSH lên đến 21.250.000 ha, chiếm 11,1% diện tích lãnh thổ.

VIỆT NAM BẢO TỒN ĐĐSH GÓP PHẦN LÀM PHONG PHÚ ĐĐSH KHU VỰC ASEAN

Ngay từ những ngày đầu thập kỷ 50 của thế kỷ XX, Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đề ra chủ trương BVMT, bảo tồn ĐĐSH. Mặc dù trong những năm chiến tranh đầy gian khổ, khốc liệt, nhưng Chính phủ Việt Nam và nhân dân Việt Nam đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn, thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ kính yêu bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ rừng, bảo vệ các loài động vật hoang dã. Đầu xuân năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào “Tết trồng cây” và đích thân Người đã trồng một số cây ven rừng núi Ba Vì. Đến nay đã trải qua 61 mùa xuân, phong trào trồng

cây, trồng rừng, bảo vệ cây xanh trở thành một hành động văn hóa linh thiêng của toàn thể cộng đồng người Việt Nam, từ miền đồng bằng đến vùng núi và đến tận các hải đảo xa như Hạ Long, Côn Đảo, Phú Quốc, Hoàng Sa và Trường Sa, góp phần làm phong phú ĐDSH các vùng miền.

Không chỉ trồng, bảo vệ cây, Chính phủ Việt Nam còn ban hành các quyết định cấm săn bắn voi, hổ, các loài thú, chim quý hiếm ở trong rừng, trong thành phố. Tháng 6/1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Quyết định thành lập khu rừng cấm Cúc Phương, tỉnh Ninh Bình với diện tích 22.000 ha. Đây là một khu rừng nguyên sinh nhiệt đới ẩm có ĐDSH cao với 2.234 loài thực vật, 669 loài động vật có xương sống, 2.000 loài côn trùng và hàng nghìn loài nhuyễn thể, giáp xác, thân mềm. Đặc biệt đã phát hiện loài voọc mông trắng - một loài thú linh trưởng đặc hữu của châu thổ sông Hồng Việt Nam và rất nhiều loài động vật, thực vật quý, hiếm. Từ đó đến nay, Việt Nam đã xây dựng hệ thống các KBTTN với 173 khu, trong đó có 33 VQG, 66 KBTTN, 18 KBT loài/sinh cảnh, 56 khu bảo vệ cảnh quan, 16 KBT biển... với tổng diện tích 2,5 triệu ha chiếm khoảng 7% diện tích tự nhiên cả nước và dự kiến sẽ nâng diện tích hệ thống KBTTN trong cả nước đạt khoảng 2.940.000 ha sau năm 2020. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã xây dựng được 4 hành lang ĐDSH tại hai vùng Đông Bắc và Nam Trung Bộ với tổng diện tích khoảng 120.000 ha...

Với sự nỗ lực, trách nhiệm cao của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học - Tổng cục Môi trường (Bộ TN&MT), Cục Kiểm lâm - Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT), cùng với sự phối hợp hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, đặc biệt các nước trong khối ASEAN - Trung tâm ĐDSH ASEAN, một số KBTTN ở Việt Nam đã được công nhận trên quốc tế và khu vực, đó là 2 khu di sản thiên nhiên thế giới, 8 khu Ramsar, 9 khu dự trữ sinh quyển và 10 vườn Di sản ASEAN. Việt Nam cũng là thành viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các Công ước quốc tế về ĐDSH (CBD), Công ước Ramsar, Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) để làm cơ sở pháp lý cho công tác bảo tồn. Việt Nam cũng đã ban hành nhiều văn bản, quy định pháp luật liên quan đến ĐDSH, trong đó có Luật BVMT (2014), Luật Thủ sản và Luật Lâm nghiệp (2017), Luật Biển (2014), Luật ĐDSH (2008).

Việc Quốc hội Việt Nam thông qua Luật ĐDSH đã góp phần to lớn vào quá trình xây dựng, quản lý, bảo tồn ĐDSH Việt Nam. Có thể khẳng định, cho đến nay Việt Nam là quốc gia duy nhất trong các nước ASEAN và là một trong 10 quốc gia trên thế

giới ban hành Luật ĐDSH. Đó là sự cố gắng nỗ lực đầy trách nhiệm của Bộ TN&MT, cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao làm đầu mối quản lý nhà nước về môi trường và ĐDSH...

Điều này cũng thể hiện các hoạt động bảo tồn ĐDSH trong thời gian qua đã góp phần vào các hành động chung của các quốc gia Đông Nam Á trong sự nghiệp bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn ĐDSH. Đây không chỉ đơn thuần phản ánh khách quan khoa học một bức tranh tổng thể về thành tựu của nhiệm vụ bảo tồn ĐDSH vì sự phát triển bền vững (PTBV) trong khu vực, mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm của các chính phủ, khu vực ASEAN đối với các nước và nhân dân trên thế giới, vì một thiên nhiên khỏe mạnh để bảo tồn ĐDSH, phục vụ cho sự an bình và hạnh phúc của con người.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO TỒN ĐDSH Ở VIỆT NAM VÀ KHU VỰC

Một trong các vấn đề cần ưu tiên hiện nay là tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu, hiện trạng, diễn biến ĐDSH, các kinh nghiệm trong quản trị ĐDSH nhằm ngăn chặn, đề phòng các nguy cơ nghèo kiệt HST tự nhiên, suy giảm hoặc mất các loài, đặc biệt các loài thực vật, động vật hoang dã quý, hiếm, đặc hữu trong khu vực ASEAN.

Phối hợp nghiên cứu xây dựng quy hoạch các KBTTN, các hành lang xanh xuyên quốc gia, tạo sự di chuyển an toàn cho các loài động vật hoang dã.

Tăng cường kiểm soát, quản lý việc khai thác vận chuyển buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp,

quý hiếm trong từng quốc gia thành viên của khu vực ASEAN.

Tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về lý luận và công nghệ nhằm quản lý bảo tồn ĐDSH trong PTVB.

Trung tâm ĐDSH ASEAN nên định kỳ tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm quản lý VQG, KBTTN, cũng như đối với các cơ quan quản lý bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn ĐDSH trong khu vực.

Cần có chính sách phù hợp thu hút sự đầu tư của doanh nghiệp tư nhân tham gia quản lý VQG và phát triển du lịch sinh thái.

Nhìn chung, trong hơn 50 năm qua, các quốc gia khu vực Đông Nam Á không những đã kết nối với nhau, mà còn liên kết rộng rãi với các nước trên thế giới để bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn ĐDSH vì sự bình an và hạnh phúc của con người. Với sự nỗ lực của các chính phủ thành viên, sự tham gia của cộng đồng các dân tộc trong đại gia đình ASEAN cùng sự giúp đỡ, hợp tác của các tổ chức quốc tế, sự nghiệp bảo vệ thiên nhiên và ĐDSH ở khu vực Đông Nam Á không ngừng phát triển, thể hiện hệ thống các KBTTN, VQG, các khu di sản thiên nhiên, các cảnh quan thiên nhiên mang sắc thái của một thiên nhiên nhiệt đới tươi đẹp, là đầu vào của nền kinh tế xanh, nền kinh tế tuần hoàn trong PTVB.

Tuy nhiên, các chính phủ và mọi người dân trong cộng đồng ASEAN cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác quản lý để là chỗ dựa vững chắc về vật chất và tinh thần cho nhân dân các dân tộc trong khu vực, góp phần vào sự phong phú, làm giàu nguồn vốn xanh trên toàn cầu■

Cần quy hoạch lại vùng khai thác thủy sản để “mở đường” cho rùa biển



▲ Ông Nguyễn Văn Vũ
Phó Giám đốc Ban quản lý
KBTB Cù Lao Chàm

Sau 3 năm triển khai Đề tài nghiên cứu khoa học “Bảo tồn và phục hồi quần thể rùa biển tại Khu bảo tồn biển (KBTB) Cù Lao Chàm” thí điểm chuyển vị trứng rùa biển từ Vườn Quốc gia Côn Đảo về cho ấp nở tại Cù Lao Chàm từ năm 2017 - 2019 với số lượng gần 2.000 trứng, đến nay có thể khẳng định: Điều kiện môi trường và chất lượng các bãi biển ở Cù Lao Chàm hoàn toàn phù hợp với rùa biển cũng như khả năng phục hồi quần thể rùa biển... Quá trình chuyển vị trứng rùa biển đã tạo tiền đề quan trọng cho việc bổ sung nguồn giống rùa ban đầu và nâng cao nhận thức của các bên liên quan về bảo vệ, góp phần phục hồi quần thể rùa biển - loài động vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới (KDTSTG) Cù Lao Chàm.

Nhân Ngày Môi trường thế giới 5/6/2020, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Văn Vũ - Phó Giám đốc Ban quản lý KBTB Cù Lao Chàm về kết quả triển khai Đề tài này thời gian qua.

*Xin ông cho biết lý do để Cù Lao Chàm triển khai phục hồi, bảo tồn quần thể rùa biển trong thời gian qua?

Ông Nguyễn Văn Vũ: Rùa biển là sinh vật rất đặc biệt. Chúng là biểu tượng cho sự trù phú, tri thức mà cho đến nay khoa học vẫn chưa giải mã hết những khả năng bí ẩn tuyệt vời trong vòng đời của chúng.

Gần đây, khi con người hiểu được các giá trị nhiều mặt của rùa biển, nhất là vai trò đối với các hệ sinh thái, kinh tế biển và văn hóa đối với con người, đặc biệt là các cộng đồng ngư dân vùng ven biển thì tất cả các loài rùa biển trong đại dương đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng.

Tại KBTB Cù Lao Chàm, qua quá trình tiếp xúc với người dân, chúng tôi phát hiện ra, trước đây khu vực này có 9 bãi cát thường có rùa mẹ về đẻ trứng đã từng có rất nhiều rùa biển sinh sống. Lúc đó họ không biết về giá trị của chúng nên thường lấy trứng về làm thực phẩm, xâm hại đến rùa biển. Những năm gần đây, người dân Cù Lao Chàm rất muốn được phục hồi đàn rùa biển quý hiếm này cho Đảo. Từ những điều trăn trở đó đã thôi thúc chúng tôi quyết tâm tìm tòi, nghiên cứu để phục hồi quần thể rùa biển.

*Xin ông cho biết những kết quả sau 3 năm triển khai đến nay như thế nào?

Ông Nguyễn Văn Vũ: Để thực hiện những mục tiêu của Kế hoạch hành động phục hồi và bảo tồn rùa biển tại Cù Lao Chàm giai đoạn 2016 - 2025 tầm nhìn đến năm 2040, chúng tôi xác

định cần phải tìm hiểu một số vấn đề kỹ thuật như: Các điều kiện cho rùa biển lên đẻ; Nguồn thức ăn của rùa biển tại Cù Lao Chàm; Khả năng trứng rùa biển khi vận chuyển với khoảng cách trên 1.000 km (từ Côn Đảo về Cù Lao Chàm) có nở được hay không?... Những nghiên cứu thời gian qua cho thấy, điều kiện tự nhiên, môi

trường tại Cù Lao Chàm vẫn còn tốt cho công tác phục hồi rùa biển.

Từ năm 2017, với sự hỗ trợ của Ban quản lý Vườn Quốc gia Côn Đảo, chúng tôi đã vận chuyển và ấp nở thành công gần 2.000 cá thể rùa con để thả xuống vùng biển Cù Lao Chàm. Đây không chỉ có ý nghĩa về mặt truyền thông nâng cao



▲ Hố ấp trứng rùa tại Cù Lao Chàm



▲ Cán bộ BQL KBTB Cù Lao Chàm chuyển trứng rùa lên bãi cát để đảm bảo an toàn

nhận thức mà giúp chúng tôi đánh giá các yếu tố khoa học cho công tác phục hồi quần thể rùa biển. Với tỉ lệ cao (trên 90%) đã minh chứng tính khả thi của bảo tồn chuyển vị rùa biển ở cự ly xa.

Đồng thời với sự quan tâm, ủng hộ của người dân cũng như các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương đó là tiền đề để Chương trình bảo tồn rùa biển được triển khai hiệu quả hơn trong thời gian tới.

**Là người trực tiếp Chủ nhiệm Đề tài trong 3 năm qua, vậy khi triển khai nhiệm vụ này ông thấy có những thuận lợi và khó khăn gì?*

Ông Nguyễn Văn Vũ: Mặc dù có được nhiều sự ủng hộ từ lãnh đạo tỉnh Quảng Nam và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đặc biệt là các đồng nghiệp của Vườn Quốc gia Côn Đảo, tuy nhiên do việc chuyển vị trứng rùa biển lần đầu tiên được thực hiện và chúng thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nên phải tuân thủ các quy định pháp luật rất nghiêm ngặt (hoàn thành hồ sơ, thủ tục của việc cho - nhận trứng và các giấy phép vận chuyển).

Điều kiện thời tiết cũng là một thách thức lớn đối với chúng tôi. Có những lần đoàn ra đến Côn Đảo nhưng không thể để lấy được trứng, do đó kế hoạch phải điều chỉnh liên tục. Khi về đến Cù Lao Chàm, Ban Quản lý KBTB cùng tình nguyện viên phải thay nhau túc trực bảo vệ trứng 24/24 giờ, để phòng sự xâm nhập của người lạ cũng như những động vật khác. Có những lần biển động (áp thấp, gió mùa) nước biển tràn vào hố ấp trứng... chúng tôi phải huy động lực lượng chuyển chỗ cao hơn để trứng được an toàn ngay lúc giữa khuya.

Tuy khó khăn, vất vả nhưng khi nhìn thấy những chú rùa con nhô lên khỏi tổ và bò về phía biển thì bao nhiêu cực khổ cũng tan biến. Khi những chú rùa con tung tăng bơi đi cũng mang

theo bao điều hy vọng cho những người làm công tác bảo tồn và người dân trên đảo Cù Lao Chàm.

**Xin ông cho biết Kế hoạch bảo tồn rùa biển trong thời gian tới để Cù Lao Chàm trở lại thành bãi đẻ của rùa như 20 năm trước đây?*

Ông Nguyễn Văn Vũ: Sau 3 năm triển khai, đến nay kết quả ban đầu rất đáng khích lệ! Tuy nhiên, chặn đường còn dài và rất gian nan chúng tôi đang nỗ lực để vượt qua.

Hiện nay, mặc dù người dân Cù Lao Chàm không khai thác, giết hại rùa biển nhưng nghề kéo lưới, nhất là lưới 3 lớp thực sự là rào cản lớn cho sự trở về của rùa biển. Vài năm trở lại đây, đã có khoảng 10 cá thể rùa biển bị mắc lưới của ngư dân địa phương, phần lớn chúng đều bị chết trước khi được giải cứu kịp thời. Do vậy, việc vận động và tìm giải pháp để thay thế nghề lưới 3 lớp cần được các ban, ngành quan tâm sớm thực hiện trong thời gian tới.

Đồng thời, phải “mở đường” cho rùa biển lên đẻ. Hiện nay, vẫn còn có nhiều lưới khai thác hải sản hoạt động trong KBTB Cù Lao Chàm, nhất là tại những vùng nước phía trước bãi cát. Do đó,

chúng tôi đang trình UBND tỉnh Quảng Nam điều chỉnh phân vùng quản lý KBTB Cù Lao Chàm, trong đó có quy hoạch lại vùng khai thác thủy sản để “mở đường” cho rùa biển có thể lên sinh sản.

Đặc tính của rùa biển sợ ánh sáng và tiếng ồn, trong khi những bãi tắm - vốn trước đây là bãi đẻ của rùa biển đang kinh doanh du lịch. Do đó, để hài hòa phát triển du lịch với công tác bảo tồn, các bên liên quan cần tìm giải pháp tháo gỡ nhằm BVMT, bảo vệ đa dạng sinh học cũng như phục hồi các loài rùa biển trước tác động của du lịch.

Hiện nay, chúng tôi đang vận động để hình thành Trạm cứu hộ động vật hoang dã tại Cù Lao Chàm, trước mắt là để cứu chữa kịp thời những cá thể rùa biển, cá heo bị nạn cũng như những loài sinh vật khác.

Tiếp tục phục hồi các hệ sinh thái biển quan trọng, nhất là rạn san hô, thảm cỏ biển... vì đây là môi trường sinh sống ưa thích của rùa biển.

**Nhân dịp Ngày Môi trường thế giới 5/6/2020, ông có đề xuất, kiến nghị gì các cơ quan chức năng?*

Ông Nguyễn Văn Vũ: Nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng, mẹ Trái đất của chúng ta có thể đang ở thời điểm giới hạn của sự chịu đựng, bởi phá hoại ghê gớm của con người. Do đó, chúng ta không thể chần chừ được nữa, phải hành động ngay. Trong đó, cần ưu tiên đặc biệt các nguồn lực để bảo vệ biển, bảo vệ rừng và hơn cả là cần một mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên thì mới mong phát triển kinh tế bền vững và mang lại môi trường sống lành mạnh cho mọi người.

**Trân trọng cảm ơn ông!*

PHẠM TUYÊN (Thực hiện)

BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN LIÊN: Thực trạng và giải pháp

ThS. ĐỖ NGỌC DƯƠNG - Phó Giám đốc Khu BTTN Xuân Liên

Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Xuân Liên (tỉnh Thanh Hóa) có diện tích 23.815,5 ha, trong đó gần 4.000 ha rừng nguyên sinh với nhiều loài thực vật quý hiếm, cổ thụ hàng nghìn năm tuổi cần được bảo tồn, phát triển nguồn gen. Khu BTTN Xuân Liên đại diện cho hệ sinh thái rừng núi thấp chuyển tiếp giữa dãy núi Hoàng Liên Sơn và Bắc Trường Sơn, thuộc khu vực đầu nguồn lưu vực sông Chu. Đây là khu vực có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao, với nguồn tài nguyên động, thực vật phong phú, trong đó nhiều loài động, thực vật đặc hữu, quý hiếm có giá trị đa dạng cao tầm quốc gia và quốc tế.

ĐDSH TẠI KHU BTTN XUÂN LIÊN

Về hệ thực vật, Khu BTTN Xuân Liên ghi nhận được 1.142 loài thực vật bậc cao (thuộc 209 họ và 38 bộ), gồm 38 loài, điển hình là Pơ mu, Sa mu, Sến mít, Giổi xanh, Đinh hương... Đặc biệt, Khu bảo tồn (KBT) đã phối hợp với các nhà khoa học, viện nghiên cứu và các trường xác định các loài mới, quần thể động vật, thực vật quý hiếm, có ý nghĩa cho Việt Nam và thế giới, gồm 2 loài: Loài thuộc họ Nam mộc hương và loài thuộc chi Giác đế - họ Na. Ngoài ra, còn có 3 loài mới chưa từng được ghi nhận ở Việt Nam là Lữ đằng đứng; Thủ thảo trắng và Song quả lá bắc tím.

Khu BTTN Xuân Liên có hệ động vật đa dạng với 1.631 loài, trong đó có 80 loài thú (50 loài trong Sách Đỏ Việt Nam; 16 loài trong Danh lục đỏ IUCN), điển hình như: Gấu chó, Gấu ngựa, Bò tót, Son dương, Vượn đen má trắng, voọc xám... KBT hiện còn tồn tại quần thể vượn đen má trắng, với 41 đàn, 129 cá thể; quần thể voọc xám, số lượng khoảng 8 - 10 đàn, từ 120 - 140 cá thể, được đánh giá là quần thể lớn nhất miền Bắc Việt Nam. Đặc biệt, năm 2013, KBT phát hiện sự tồn tại của loài mang Roosevelt - là loài đã bị tuyệt chủng sau 84 năm, rất có giá trị cho khoa học. Khu hệ chim, ghi nhận 252 loài chim ở Khu BTTN Xuân Liên, trong đó 5 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 2 loài trong Danh lục đỏ IUCN. Khu hệ bò sát, ghi nhận 77 loài, trong đó 17 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 11 loài trong Danh lục đỏ IUCN.

Các số liệu điều tra, thống kê ghi nhận của các nhà khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học của Việt Nam và thế giới, đã chứng minh Khu BTTN Xuân Liên là khu rừng đặc dụng có giá trị đa dạng cao ở tầm quốc gia và quốc tế về hệ động, thực vật. Đây là cơ sở, nền tảng để Khu BTTN Xuân Liên triển khai hiệu quả các hoạt động bảo tồn ĐDSH.



▲ Cây Pơ mu (*Fokienia hodginsie*)

CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN

ĐDSH TẠI KBT

Chương trình quản lý, bảo vệ rừng và phục hồi sinh thái

Để nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng, đồng thời giữ gìn, bảo tồn các giá trị ĐDSH đặc trưng, quý hiếm, KBT tập trung triển khai các giải pháp như: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân; hỗ trợ hoạt động cho các câu lạc bộ xanh, góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh tại các trường học thuộc 5 xã, thị trấn vùng đệm; giao khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng 12 thôn,

bản vùng đệm, gắn với xây dựng cơ chế đồng quản lý rừng và nông thôn mới; xây dựng, trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề án sử dụng bền vững tài nguyên rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên.

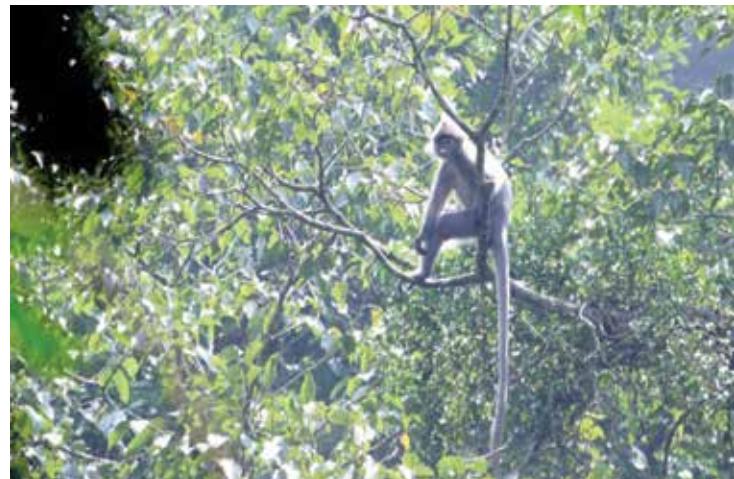
Bên cạnh đó, KBT cũng hỗ trợ hoạt động cho tổ bảo vệ rừng tại các thôn bản, giúp Kiểm lâm KBT trong quá trình tuần tra, kiểm tra rừng, đặc biệt là tình hình khai thác rừng, săn bắn động vật trái phép; tăng cường thu hút nguồn vốn để đầu tư cho công tác trồng

rừng đặc dụng bằng các loài cây bản địa. Đến nay, KBT đã trồng mới được 150 ha rừng đặc dụng, 2.000 ha rừng sản xuất ở xã vùng đệm; sản xuất cây giống các loại chất lượng cao, phục vụ trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh diện tích rừng tự nhiên như cây lim xanh, quế ngọc, giổi ăn hạt...

Chương trình nghiên cứu khoa học

Thời gian qua, Khu BTTN Xuân Liên luôn xác định rõ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn tính Đ DDSH, giảm áp lực tiêu cực ảnh hưởng đến công tác bảo vệ và phát triển rừng... Theo đó, KBT đã tăng cường hoạt động điều tra, bảo tồn loài vượn đen má trắng, voọc xám, các loài chim, culi nguy cấp, quý hiếm; cứu hộ và nuôi dưỡng các loài rùa; điều tra, xác định phân bố của hệ thống trảng cỏ làm cơ sở quy hoạch các khu đồng cỏ cho động vật ăn cỏ; bảo tồn và gây nuôi phát triển một số loài thú ăn thịt nhỏ; điều tra hiện trạng phân bố và bảo tồn các loài gấu; xây dựng chương trình giám sát các loài vượn đen má trắng; voọc xám, mang...

Đối với hệ thực vật, KBT tập trung vào hoạt động điều tra, bảo tồn và phát triển các loài thực vật quý hiếm, đặc hữu, có giá trị kinh tế cao như nhóm cây dược liệu (Cát sâm, Thiên niên kiện, Na rừng...), cây cảnh quan; trồng những loài cây làm thức ăn cho động vật; nghiên cứu gây trồng và phát triển các loài lan quý; tổ chức nghiên cứu tuyển chọn một số loài cây lâm nghiệp bản địa quý hiếm nhằm cung cấp giống bổ sung cho công tác trồng rừng phòng hộ...



▲ Loài Voọc xám (*Trachipithecus crepusculus*)

Chương trình phát triển kinh tế vùng đệm và du lịch sinh thái

Nhằm giải quyết áp lực sinh kế cho người dân vùng đệm, Khu BTTN Xuân Liên đã tổ chức triển khai một số chương trình phát triển kinh tế và chuyển giao, nhân rộng các mô hình thành công, có hiệu quả kinh tế cho các thôn bản vùng đệm như nuôi ong mật quy mô hộ gia đình, trang trại; cải tạo vườn, chăn thả gia súc có kiểm soát; hỗ trợ cộng đồng dân cư các thôn bản vùng đệm quản lý rừng đặc dụng; gây nuôi, phát triển các

loài động vật rừng hoang dã thông thường thành hàng hóa thay thế, hạn chế khai thác từ rừng tự nhiên...

Trước những tiềm năng của KBT về tài nguyên sinh thái rừng, KBT đã và đang từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý để phát triển du lịch sinh thái (DLST) như xây dựng và trình UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Đề án cho thuê môi trường rừng để phát triển DLST; Đề án DLST nghỉ dưỡng trong rừng đặc dụng; Đề án thu phí tham quan Khu BTTN Xuân Liên; Quyết định công nhận Khu du lịch cấp tỉnh Khu BTTN Xuân Liên. Đồng thời, triển khai xây dựng Dự án Làng sinh thái gắn với sản xuất nông nghiệp, phục vụ các dịch vụ du lịch; trồng rừng, cải tạo cảnh quan và trình diễn các mô hình rừng; nghiên cứu những mô hình phù hợp, gắn phát huy lợi thế tự nhiên và văn hóa bản địa của vùng.

Với các giải pháp trên, Khu BTTN Xuân Liên sẽ trở thành điểm DLST hấp dẫn, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, gắn với hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng và bảo tồn giá trị Đ DDSH■



▲ Nhân viên KBT lập các tuyến tuần tra rừng cố định tại Khu BTTN Xuân Liên

Sử dụng công nghệ trong công tác bảo tồn động vật hoang dã như thế nào?

Ngày nay, công nghệ cũng góp phần quan trọng vào cuộc chiến chống săn bắt trộm động vật hoang dã (ĐVHD) của nhân loại. Nhiều tổ chức bảo tồn trên thế giới đã phát minh một số ứng dụng, giải pháp giúp bảo vệ các loài ĐVHD khỏi sự nguy hiểm đang “rình rập” bởi những kẻ săn trộm liều lĩnh.

Dể đối phó với nạn săn trộm, hiện nay, nhiều khu bảo tồn (KBT) trên thế giới đã và đang áp dụng công nghệ cao vào cuộc chiến bảo vệ ĐVHD. Trong đó, có một số công nghệ là công cụ giám sát giúp theo dõi sự sinh trưởng của các loài ĐVHD, đồng thời ngăn chặn sự xâm nhập và săn bắt trái phép ĐVHD của những kẻ săn trộm.

BẪY ẢNH - CÔNG CỤ HIỆU QUẢ GIÁM SÁT ĐVHD

Theo Giám đốc Chính sách và bảo tồn của Hiệp hội Động vật học London (JSL) Andrew Terry, sự hợp tác giữa các nhà bảo tồn và phát triển công nghệ góp phần tạo ra các công cụ giám sát, bảo vệ các loài ĐVHD khỏi sự nguy hiểm của những tay thợ săn, trong đó có bẫy máy ảnh (bẫy ảnh).

Bẫy ảnh là máy ảnh được lắp đặt “bí mật” tại các nơi hoang vắng, rừng rậm, nơi có sự xuất hiện của ĐVHD. Khi phát hiện có một vật thể chuyển động, máy ảnh sẽ tự động kích hoạt và chụp ảnh vật thể, sau đó, truyền hình ảnh qua bộ thu phát tín hiệu vệ tinh về Ban quản lý KBT. Bẫy ảnh giúp các nhà nghiên cứu đánh giá tình trạng của các loài ĐVHD, đặc biệt là những loài sống riêng lẻ và quý hiếm. Tuy nhiên, không phải tất cả các bức ảnh chụp được đều rõ ràng,



▲ Bẫy ảnh được treo trên cây

mà ngược lại, nhiều bức rất mờ, khó nhận dạng con vật. Do máy ảnh được kích hoạt khi có vật thể chuyển động, mà vật thể chuyển động đó đôi khi không phải là ĐVHD (gió thổi làm rung động các cành cây).

Để giải quyết vấn đề trên, hiện JSL đang hợp tác với Google, Iridium và một số doanh nghiệp khai thác thông tin vệ tinh để phát triển loại máy ảnh mới sử dụng trí thông minh nhân tạo, cho phép nhận dạng người, hoặc động vật. Máy ảnh có khả năng thu thập, phân tích dữ liệu hình ảnh rất nhanh, thông qua máy phát vô tuyến để gửi hình ảnh từ máy đến một trạm kiểm lâm trong KBT và sau đó, qua công nghệ vệ tinh chuyển đến trụ sở của Ban quản lý KBT. Máy ảnh này cho phép các nhà bảo tồn thu thập dữ liệu từ các khu vực khó tiếp cận, nơi không có sóng điện thoại di động để theo dõi sự di chuyển, hoặc thay đổi môi trường sống của các loài ĐVHD. Đồng thời, máy ảnh có hệ thống cảnh báo sớm, giúp ngăn chặn hành vi xâm hại ĐVHD. ZSL đã thử nghiệm máy ảnh mới để giám sát loài chim cánh cụt ở Nam Cực, gấu Canada, vẹt đêm Úc, voi và tê giác Kenya. Đặc biệt, hiện nay, JSL đang phát triển máy ảnh Phát hiện nhanh 5 megapixel với dài tiêu cự rộng, được kích hoạt bằng cảm biến hồng ngoại tích hợp nhiệt có thể chụp ảnh rõ nét chuyển động của động vật đi qua, hoặc vũ khí của những kẻ săn trộm.

Không chỉ có JSL, Resolve (một tổ chức gồm các chuyên gia chính sách, chiến lược, các

nha khoa học về bảo tồn có trụ sở tại Mỹ) cũng đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ trong công tác bảo tồn ĐVHD. Cách đây 6 năm, Resolve đã hợp tác với Intel, Microsoft, Inmarsat để nghiên cứu và chế tạo ra bẫy ảnh “thông minh” TrailGuard. Máy ảnh Trailguard có kích thước bằng bút chì, sử dụng các chip xử lý hình ảnh của Intel để chụp ảnh, thực hiện phân tích qua phần mềm trí tuệ nhân tạo và tạo ra hàng dãy dữ liệu trên hàng trăm nghìn bức ảnh, bao gồm các góc khác nhau, tư thế và bối cảnh để xác định những kẻ săn trộm. Máy ảnh có thể truyền dữ liệu qua mạng di động, hoặc kết nối vệ tinh. Năm 2018, bẫy ảnh TrailGuard phiên bản đầu tiên đã được sử dụng tại KBT Grumeti ở Tanzania, giúp lực lượng kiểm lâm phát hiện hơn 50 kẻ xâm nhập KBT và thực hiện 30 vụ bắt giữ những kẻ săn trộm ĐVHD, thu giữ 1.000 kg thịt thú rừng.

SMART - CÔNG CỤ BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT KHÔNG GIAN

Ngoài bẫy ảnh, SMART (công cụ báo cáo và giám sát không gian) cũng là giải pháp để nâng cao hiệu quả tuần tra hiện trường và quản lý các KBT của các kiểm lâm viên, giúp ngăn chặn những kẻ săn trộm ĐVHD từ xa. Thông qua Smart, các kiểm lâm viên có thể thu thập và phân loại dữ liệu về vị trí của ĐVHD và những kẻ xâm nhập bất hợp pháp trên điện thoại di động, hoặc máy tính bảng, giúp nắm được các thông tin về không

gian, hoạt động tuần tra, cũng như săn bắn trái phép, đồng thời giám sát sự di chuyển của ĐVHD. SMART là một công cụ dễ áp dụng và rất hữu ích cho các KBT để cải thiện công tác lưu trữ dữ liệu và trích xuất các báo cáo tuần tra một cách khoa học, sinh động, chứng minh tính xác thực của quá trình tuần tra, nắm rõ đối tượng bảo vệ và các mối đe dọa. Ngoài ra, SMART là phần mềm miễn phí, nguồn mở và tích hợp với các ngôn ngữ địa phương, vì thế Smart đã được nhiều KBT trên thế giới sử dụng. Đến nay, SMART đã được sử dụng tại 2.000 địa điểm trên thế giới để theo dõi, giám sát các quần thể voi, báo tuyết, tê giác, cá heo và nhiều loài động vật khác.

Hiện các nhà khoa học thuộc Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), Vườn thú London, Vườn thú Frankfurt, cùng Hiệp hội Bảo tồn ĐVHD (WCS) đã nghiên cứu và phát triển phần mềm SMART tích hợp với trí tuệ nhân tạo để phục vụ việc dự đoán hành vi của những kẻ săn trộm, nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn ĐDSH.

XÁC ĐỊNH ADN ĐỂ ĐIỀU TRA TỘI PHẠM SĂN BẮT ĐVHD TRÁI PHÉP

Các nhà bảo tồn trên thế giới đã sử dụng phân tích ADN để điều tra tội phạm ĐVHD theo hai cách: Thứ nhất, nếu những kẻ săn trộm để lại dấu vết ADN của chúng trên ngà, sừng, hoặc các vật liệu khác, lực lượng chức năng có thể theo dõi chúng thông qua dấu vết chúng để lại. Thứ hai, xác định AND của động vật trên sừng, ngà được giao dịch bất hợp pháp và sử dụng ADN để truy tìm nguồn gốc địa lý, nơi sinh sống của ĐVHD. Thông qua các mẫu bộ phận động vật được phân tích AND, từ đó, các nhà bảo tồn sẽ thiết lập một ngân hàng dữ liệu gene từ các loài ĐVHD. Nhờ ngân hàng dữ liệu gene mà các nhà bảo tồn có thể tìm thấy các loài, phân loài, hoặc biết được mối quan hệ dòng giống, nguồn gốc, nơi ĐVHD bị khai thác, săn bắt, giết hại. Theo các nhà bảo tồn, sử dụng ADN có thể chứng minh mối liên hệ giữa các nghi phạm và ĐVHD.

Hiện nhiều nước (điển hình về buôn bán ĐVHD trái phép) đang rất thiếu các cơ sở thí nghiệm phân tích ADN và phải gửi mẫu ra nước ngoài để phân tích. Các nhà nghiên cứu tại Đại học Leicester (Anh) đang hợp tác với Công ty Oxford Nanopore, một doanh nghiệp chuyên về các sản phẩm phân tích phân tử ADN của sinh vật sống, đã phát triển một loại công nghệ cho phép xác định mẫu ADN của động vật được thu giữ ngay tại bến cảng, chợ, hoặc đồn hải quan mà không cần phải đem về phòng thí nghiệm.



▲ Máy bay không người lái được sử dụng tại Công viên bảo tồn quốc gia ở Alaska

MÁY BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI

Đây là một trong những “vũ khí” quan trọng để bảo vệ ĐVHD. Với máy quay hồng ngoại độ phân giải cao, máy bay không người lái có thể nhận ra các loài ĐVHD như voi, tê giác, hổ..., hay những kẻ săn trộm. Khi trên màn hình xuất hiện mục tiêu, máy bay sẽ bay gần mặt đất hơn để xác nhận trước khi bắn tín hiệu cho lực lượng kiểm lâm. Dựa trên phân tích dữ liệu về thời gian, địa điểm xảy ra các vụ săn bắt ĐVHD trước đó, người ta sẽ điều khiển máy bay để xác định vị trí kiểm lâm gần với điểm mà những kẻ săn trộm đang rình nấp. Khi xác định được những “kẻ khả nghi”, lực lượng kiểm lâm có thể chủ động chuẩn bị vũ khí và khi đã bắt giữ được các đối tượng vi phạm, họ sẽ có các đoạn video làm bằng chứng kết tội chúng trước Tòa án.

Vườn quốc gia (VQG) Kaz Kaziranga (Ấn Độ) là nơi sinh sống của 2/3 số cá thể tê giác một sừng trên thế giới, loài động vật gần như bị “xóa sổ” vào những năm 1990. Để bảo vệ ĐVHD nơi đây khỏi bị săn bắt trộm, VQG đã sử dụng máy bay không người lái để theo dõi liên tục các loài tê giác,

hổ, voi và ĐVHD quý hiếm khác. VQG Kaz Kaziranga rộng 480 km² và các loài dễ bị tổn thương nhất ở đây thường hoạt động vào ban đêm, vì vậy, sử dụng máy bay không người lái có hiệu quả trong việc bắt giữ những kẻ săn trộm. Máy bay được cài đặt thiết bị chụp ảnh và bản đồ nhiệt, có khả năng chụp cả ngày, lẫn đêm. Ngoài ra, máy bay không người lái cũng được sử dụng để giám sát thường xuyên tại các khu vực hẻo lánh xa xôi, giúp điều tra số lượng và phân tích quần thể thực vật. Chính phủ Ấn Độ đã đưa máy bay không người lái vào kế hoạch bảo vệ ĐVHD trong 14 năm.

Trước nạn săn bắt trái phép, buôn bán ĐVHD ngày càng gia tăng, làm suy giảm nhiều giống loài quý hiếm, ảnh hưởng đến ĐDSH của các KBT trên thế giới, việc sử dụng công nghệ trong công tác bảo tồn ĐVHD là một giải pháp hiệu quả, giúp bảo vệ nhiều loài ĐVHD nguy cấp, quý hiếm. Vì thế, các nhà bảo tồn trên thế giới cần phải thay đổi phương thức bảo vệ và đổi mới công nghệ nhanh chóng để đáp ứng những thách thức mà ĐVHD phải đối mặt.

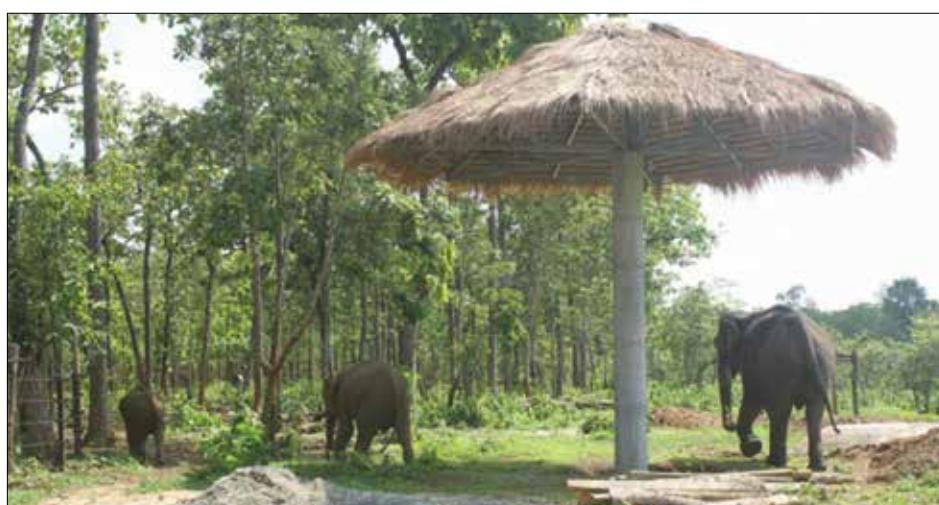
NGUYỄN THANH GIANG

Cần nỗ lực bảo tồn loài voi Tây Nguyên trước đà suy giảm quần thể

NGUYỄN THÚY HẰNG - ĐỖ MINH PHƯỢNG
Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Khu vực Tây Nguyên gồm năm tỉnh: Đăk Lăk, Đăk Nông, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng, là nơi có số lượng voi hoang dã lớn nhất trên cả nước. Từ bao đời nay, voi là loài vật gắn bó với người dân Tây Nguyên, được coi là một trong những biểu tượng văn hóa của vùng đất này. Trước đây, Tây Nguyên là nơi có nhiều voi sinh sống, tuy nhiên do tác động của con người trong những năm gần đây, quần thể voi Tây Nguyên ngày càng bị suy giảm. Nếu không có những biện pháp bảo tồn quyết liệt và hữu hiệu hơn, thì có lẽ trong thời gian không xa nữa, hình ảnh đàn voi vốn thân thuộc với người Tây Nguyên sẽ chỉ còn trong tiềm thức.

Trong khoảng gần hơn 30 năm trở lại đây, số lượng voi Việt Nam nói chung và voi Tây Nguyên suy giảm nhanh theo từng năm. Những năm 1990, ước tính số voi hoang dã của Việt Nam còn khoảng 1.500 - 2.000 cá thể. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam chỉ còn khoảng 124 - 148 cá thể voi hoang dã, phân bố trên 8 tỉnh bao gồm Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Đăk Lăk, Đăk Nông, Đồng Nai và Bình Phước. Trong đó, chỉ có 3 sinh cảnh còn trên 10 cá thể voi là Vườn quốc gia (VQG) Pù Mát và vùng phụ cận (tỉnh Nghệ An) còn 13 - 15 cá thể; VQG Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) và Văn hóa Đồng Nai, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp La Ngà (tỉnh Đồng Nai) còn 14 cá thể và VQG Yok Đôn (tỉnh Đăk Lăk) còn khoảng 80 - 100 cá thể.



▲ Sinh cảnh loài voi ở Tây Nguyên đang bị thu hẹp

Về voi nuôi (voi thuần dưỡng), theo thống kê của Bộ NN&PTNT năm 2018, cả nước có 91 voi nuôi tại 11 tỉnh, thành phố, trong khi con số này của năm 2000 là 165. Nói riêng tỉnh Đăk Lăk, nơi được coi là “thủ phủ” của voi thuần dưỡng, số voi cũng bị giảm mạnh. Cụ thể, trong thời gian 1979 - 1980 tỉnh Đăk Lăk có 502 con voi thuần dưỡng; năm 1990 có 299 con; năm 1997 còn 169 con và năm 2000 chỉ còn 138 con, giảm 364 con trong vòng 20 năm (từ 1980 - 2000). Đến năm 2018, con số voi nuôi của Đăk Lăk, giảm gần 100 cá thể so với năm 2000, chỉ còn 45.

NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN VOI

Voi rừng bị mất sinh cảnh

Theo các chuyên gia, để bảo tồn voi hoang dã, vấn đề sống còn là duy trì sinh cảnh của chúng. Thế nhưng, thời gian qua, những cánh rừng già nguyên sinh, sinh cảnh cổ hữu của voi, đã và đang bị khai thác tàn lan, ngày càng suy giảm về diện tích,

suy thoái về chất lượng, hoặc bị xâm lấn bởi hoạt động của con người. Theo kết quả kiểm kê rừng của Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT), trong 7 năm (từ năm 2008 - 2014) diện tích rừng tự nhiên tại Tây Nguyên mất hơn 358.700 ha, tương đương mỗi năm mất hơn 51.200 ha rừng. Trong đó, rừng già 94.814 ha (chiếm 26,4%) do chuyển đổi trồng cao su, cây công nghiệp và cây ăn quả; giảm 33.706 ha (chiếm 9,39%) do chuyển đổi xây dựng thủy điện, công trình giao thông và công cộng; giảm 88.603 ha (chiếm 24,6%) do phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy...

Việc voi bị mất sinh cảnh, nguồn thức ăn, hành lang di chuyển làm nảy sinh những xung đột nghiêm trọng, thậm chí nguy hiểm giữa voi và con người. Với tập tính di chuyển rộng, voi đi qua các vùng trồng trọt, phá hoa màu, phá lán trại gây thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân. Vì vậy, những năm gần đây, ở Tây Nguyên thường xuất hiện tình trạng voi hoang dã bò rừng kéo về phá nương rẫy để kiếm ăn, gây nguy hại đến tài sản và tính mạng của con người. Điển hình như năm 2013, đàn voi rừng khoảng 17 cá thể đã kéo về cách trung tâm huyện Ea Súp 5 km gây rối. Tại xã Ea H'Lê, huyện Ea H'leo, trước năm 2012, voi rừng thường xuyên về phá hoai hoa màu của người dân. Nguyên nhân là do khu vực này đã có hoạt động khai hoang rừng làm nhiễu loạn sinh cảnh khiến voi bỏ đi nơi khác.

Voi nhà bị khai thác quá mức và không còn khả năng sinh sản

Việc khai thác voi đã thuần dưỡng, còn gọi là voi nhà, để phục vụ du lịch hay cung cấp

sức lao động cũng là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng tới quần thể loài. Khảo sát của tổ chức Asia Animal Foundation tại Khu du lịch Buôn Đôn và Khu du lịch hồ Lak cho thấy, voi ở đây phải làm việc từ 6 - 8 tiếng đồng hồ/ngày, thường phải chờ 2 - 3 khách mỗi tour vượt sông Sêrêpôk hoặc đi dạo VQG Yok Đôn. Vào dịp lễ Tết, voi còn phải chờ nhiều lượt khách hơn mà không được nghỉ ngơi. Giá mỗi tour cưỡi voi khoảng 400.000 - 600.000 đồng, được chia đều cho đơn vị thuê và chủ voi. Do lợi nhuận trước mắt khá cao nên các chủ voi và đơn vị thuê voi vẫn khai thác sức voi để làm du lịch, trong khi xem nhẹ sức khỏe và sự tồn vong của voi.

Trong khi đó, khả năng nhân đàn khó xảy ra do phần lớn voi nhà đã lớn tuổi (trên 35 tuổi) và không có môi trường cho voi giao phối. Theo Dự án bảo tồn voi Đăk Lăk, chủ voi sẽ được trả tiền khi voi đẻ con. Nhưng gần 30 năm qua, khả năng sinh sản của voi nhà Đăk Lăk có tỷ lệ gần như bằng 0 vì môi trường cho việc gặp gỡ, giao phối của voi bị hạn chế bởi chủ voi thường quản lý voi độc lập, ít thả voi sống cùng nhau. Chính việc quản lý voi theo hộ cá thể và theo cách của các công ty du lịch đã gây trở ngại cho việc sinh sản của đàn voi nhà. Thậm chí, sau nhiều nỗ lực của các bên đã có 3 cá thể voi nhà mang thai, tuy nhiên cả 3 voi con đều tử vong sau khi sinh ra do voi mẹ lớn tuổi và sinh sản lần đầu khiến voi con chết ngạt trong đường sinh dục.

Nhu cầu buôn bán, sử dụng sản phẩm từ voi gia tăng

Nhu cầu của con người về ngà voi, lông đuôi voi làm đồ trang sức đang thúc đẩy nạn săn bắt trái phép voi để lấy ngà và các bộ phận. Các tổ chức bảo tồn lớn trên thế giới coi buôn bán ngà và các sản phẩm từ voi là nguy cơ lớn bậc nhất, đe dọa xóa sổ loài này. Một nghiên cứu xuất bản năm 2016 của Tổ chức Save the Elephants nêu rõ, trong 49 cửa hàng khảo sát tại Buôn Ma Thuột có tới 24 cửa hàng bày bán ngà và các sản phẩm từ voi, với tổng số 1.965 mặt hàng. Khảo sát tại Buôn Đôn của tổ chức này cũng cho thấy, 16/23 cửa hàng đồ gỗ truyền thống có bày bán tổng số 703 sản phẩm lưu niệm bằng ngà, hoặc được làm từ các bộ phận khác của voi, giá bán từ khoảng 200 nghìn đến 8 triệu đồng/sản phẩm.

Đến nay, mặc dù các cơ quan chức năng đã ra quân truy quét, nhưng tình hình buôn bán sản phẩm từ voi vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Việc buôn bán ngà voi và các sản phẩm từ voi trên mạng khá công khai và phổ biến. Khảo sát của Tổ chức bảo tồn động vật hoang dã WildAct cho thấy, trong vòng 6 tháng (từ giữa năm 2015 đến đầu năm 2016) đã có gần 21.000 sản phẩm từ voi, bao gồm ngà và lông đuôi voi đã bị rao bán trên mạng xã hội. Phổ biến

Từ năm 2018, VQG Yok Đôn (huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk) được Tổ chức Động vật châu Á hỗ trợ 65.000 USD trong 5 năm để chuyển đổi mô hình du lịch cưỡi voi sang mô hình du lịch thân thiện với voi. Mô hình này là hình thức vào rừng thăm quan, tìm hiểu các hoạt động, sinh hoạt hàng ngày của voi. Du khách được ngắm voi từ xa, theo dõi voi ăn, tắm, ngủ, đi dạo cùng voi trong rừng... Bên cạnh đó, các hoạt động du lịch truyền thống như cưỡi, tiếp xúc trực tiếp với voi sẽ bị cấm, để tránh ảnh hưởng đến voi.

nất là đồ trang sức trạm khắc từ ngà voi, chiếm 69% sản phẩm được quảng cáo trên Facebook, trong đó đuôi voi, hoặc lông đuôi voi được quảng cáo trên tất cả những tài khoản Facebook có rao bán ngà voi.

CẦN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG KHẨN CẤP BẢO TỒN VOI

Bảo tồn voi là vấn đề được Việt Nam quan tâm, thể hiện qua các chương trình, đề án, kế hoạch hành động bảo tồn voi từ rất sớm. Tuy nhiên, những nỗ lực này được đánh giá là vẫn chưa đủ để ngăn đà suy giảm của quần thể voi. Từ những năm 90, theo Quyết định số 1204/NN-LN-QĐ ngày 16/7/1996 của Bộ NN&PTNT, Chương trình hành động bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 1996 - 1998 đã được thực hiện. Theo đó, mục tiêu của Chương trình là bảo tồn voi tại các vùng trọng điểm tỉnh Đăk Lăk thông qua các hoạt động như rà soát lại hệ thống rừng đặc dụng, xây dựng mới khu bảo tồn thiên nhiên, tăng cường đầu tư, trợ giúp kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho nơi sống của voi; xây dựng, bổ sung những quy định pháp luật nhằm ngăn chặn việc săn bắt, mua bán động vật hoang dã và sản phẩm liên quan;

chỉ đạo các địa phương giải quyết cụ thể những vụ xung đột voi với người; tuyên truyền bảo tồn voi trên phương tiện thông tin đại chúng...

Nối tiếp là Kế hoạch hành động khẩn trương bảo tồn voi đến năm 2010 theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 16/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Sau 5 năm triển khai thực hiện, Kế hoạch này cũng thu được một số kết quả, trong đó có việc hoàn thiện Dự án bảo tồn voi tại các tỉnh có số lượng quần thể voi lớn nhất là Đăk Lăk, Đồng Nai và Nghệ An; đồng thời thành lập Trung tâm bảo tồn voi Đăk Lăk nhằm hỗ trợ công tác chăm sóc, hỗ trợ sinh sản cho đàn voi.

Năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 29/7/2012 về Phê duyệt Kế hoạch hành động khẩn cấp đến năm 2020 để bảo tồn voi ở Việt Nam. Tháng 5/2013, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020” tại Quyết định số 763/QĐ-TTg, với tổng kinh phí là 278 tỷ đồng, từ ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ. Theo Bộ NN&PTNT, tính đến năm 2018, sau 3 năm thực hiện, Đề án đã đạt được một số kết quả như tình trạng săn bắn, giết hại voi giảm; số lượng cá thể voi có tín hiệu tăng; xung đột voi và người cũng được hạn chế.

Ở cấp địa phương, năm 2010, UBND tỉnh Đăk Lăk phê duyệt Dự án Bảo tồn voi tại địa phương giai đoạn 2010 - 2015 với tổng kinh phí 61 tỷ đồng. Dự án được triển khai nhằm quản lý bền vững quần thể voi hoang

dã, phát triển đàn voi nhà, bảo tồn bản sắc văn hóa bản địa, tuyên truyền giáo dục về môi trường sinh thái. Đến năm 2013, UBND tỉnh phê duyệt "Dự án khẩn cấp bảo tồn voi tỉnh Đắk Lăk đến năm 2020" với tổng kinh phí gần 85 tỷ đồng (thay cho Dự án trước đó).

Để bảo vệ và phát triển quần thể voi Tây Nguyên, xin đề xuất một số giải pháp cần được ưu tiên thực hiện:

Xét nghiệm mẫu phân để thống kê chi tiết các khu vực có voi ở Tây Nguyên nhằm xác định chính xác số lượng cá thể, cấu trúc giới tính, cấu trúc tuổi. Đồng thời, cần đánh giá tình trạng sinh cảnh và khả năng bảo tồn tại chỗ của các đàn voi. Áp dụng công nghệ hiện đại như đeo vòng cổ gắn chíp điện tử để giám sát di chuyển của voi.

Nghiên cứu khả năng thiết lập hành lang sinh cảnh liên kết vùng hoạt động của các đàn voi nhỏ, tính tới khả năng di dời các đàn/cá thể ở những địa phương khác trong nước có quá ít cá thể voi để bổ sung cho các đàn voi ở khu vực trọng điểm là VQG Yok Đôn - Ea Súp.

Nghiên cứu tính di chuyển theo mùa, vùng hoạt động, chất lượng sinh cảnh (nơi trú ẩn, trữ lượng thức ăn, nguồn nước, nguồn khoáng, mức độ tác động). Voi là loài di cư nên cần soạn thảo và ký kết cơ chế bảo tồn xuyên biên giới giữa Việt Nam và Campuchia để đảm bảo quản lý hiệu quả hành lang di chuyển của chúng.

Đánh giá mức độ và nguyên nhân gây ra xung đột giữa voi và người, để có các biện pháp hạn chế xung đột giữa voi và người. Có thể tính toán biện pháp xây hào, xây dựng hàng rào điện ngăn voi, chuyển đổi sang các giống cây trồng không thu hút voi... để hạn chế xung đột. Đồng thời, thúc đẩy công tác tuyên truyền pháp luật để nâng cao ý thức bảo tồn của người dân.

Bảo tồn sinh cảnh của voi nhằm bảo tồn và phát triển số lượng cá thể voi hoang dã hiện có tại tỉnh Đắk Lăk, đặc biệt cần giữ được nguyên vẹn 173.000 ha diện tích cư trú, di chuyển, kiếm ăn của quần thể voi này.

Ngăn chặn các hành vi săn bắt, giết hại voi trái pháp luật thông qua việc đẩy mạnh thực thi pháp luật, xử lý thích đáng các hành vi săn bắt, buôn bán các sản phẩm và dẫn xuất của voi. Với đàn voi nhà, cần quy hoạch khu chăn thả, chăm sóc sức khỏe, sinh sản tại huyện Lăk (150 ha) và huyện Buôn Đôn (200 ha) - 2 huyện duy nhất còn phân bố voi nhà trong tỉnh.

Tăng cường năng lực cứu hộ, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ sinh sản phát triển quần thể voi ■

HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐA DẠNG SINH HỌC QUỐC GIA - CÔNG CỤ HỮU ÍCH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA VIỆT NAM

Hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) đa dạng sinh học (ĐDSH) quốc gia (NBDS) bắt đầu được triển khai xây dựng từ năm 2011 trong khuôn khổ Dự án về ĐDSH được tài trợ bởi Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). NBDS là hệ thống CSDL được thiết kế với mục đích lưu trữ, tra cứu, dữ liệu ĐDSH của Việt Nam, bao gồm danh lục các loài theo các hệ thống phân loại, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về ĐDSH, cũng như các nhà nghiên cứu khoa học, các tổ chức, cá nhân quan tâm đến lĩnh vực này.

Cấu trúc dữ liệu của hệ thống CSDL ĐDSH quốc gia gồm: Metadata (thông tin mô tả đặc tính của dữ liệu về ĐDSH); loài (phân loại học); sự xuất hiện; đa dạng hệ sinh thái; đa dạng nguồn gen; dữ liệu kinh tế - xã hội; dữ liệu của các tỉnh; dữ liệu phục vụ quá trình xây dựng chính sách và quản lý ĐDSH; dữ liệu quản lý hệ thống và các dữ liệu khác. Thiết kế ban đầu của hệ thống NBDS dự kiến xây dựng gồm ba chức năng chính: Nhập dữ liệu, xuất dữ liệu, phân tích và xử lý dữ liệu. Tuy nhiên, khi Dự án kết thúc ở thế hệ đầu tiên, hệ thống mới dừng lại ở chức năng nhập và lưu trữ dữ liệu của một số Vườn quốc gia, tiêu biểu là dữ liệu về phân loại học và sự xuất hiện của Vườn quốc gia Xuân Thủy. Hệ thống cũng đã xây dựng các công cụ tìm kiếm theo loài, theo bộ dữ liệu, theo khu vực,

khu bảo tồn, quản lý thông tin người sử dụng và nhập thông tin bộ dữ liệu.

Năm 2017, với chủ trương của Lãnh đạo Tổng cục Môi trường về việc tập trung xây dựng, vận hành, quản lý hạ tầng thông tin, các CSDL về một đầu mối, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường đã tiến hành nâng cấp hệ thống phần mềm CSDL ĐDSH quốc gia tại Công thông tin Tổng cục Môi trường (<http://vea.gov.vn>) và trang web <http://nbds.ceid.gov.vn/>. Sau khi nâng cấp, hệ thống đã được bổ sung các tính năng mới như: xuất dữ liệu, báo cáo thống kê, tải dữ liệu phân loại học, bản đồ trực tuyến vườn quốc gia, khu bảo tồn... Các tính năng khác của hệ thống như: giao diện, tra cứu thông tin theo loài, theo khu bảo tồn được nâng cấp thân thiện hơn với người dùng.

Trong thời gian tới, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu môi trường tiếp tục cập nhật, rèn soát, bổ sung dữ liệu về phân loại học của các vườn quốc gia trên phạm vi toàn quốc. Việc mở rộng, hoàn thiện hệ thống sẽ góp phần hỗ trợ tích cực cho các hoạt động quản lý nhà nước về bảo tồn ĐDSH của Việt Nam, kết nối với hệ thống ĐDSH toàn thế giới.

MINH PHƯƠNG - V.NHUNG

Bảo tồn và phát huy các giá trị đa dạng sinh học tại Khu Dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang

LÝ MINH TÀI

Ban Quản lý Khu Dự trữ sinh quyển Kiên Giang

PHẠM THỊ NHÂM

Hội Sinh thái học Việt Nam

Khu Dự trữ sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang (Khu DTSQ Kiên Giang) được UNESCO công nhận là khu DTSQ thế giới tại kỳ họp thứ 19 của Hội đồng Điều phối quốc tế Chương trình Con người và Sinh quyển diễn ra vào ngày 27/10/2006 ở Pari, với tổng diện tích hơn 1.118.105 ha (vùng lõi: 36.935 ha; vùng đệm: 172.578 ha; vùng chuyển tiếp: 978.591 ha). Với những giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) độc đáo và tiêu biểu, Khu DTSQ Kiên Giang có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn ĐDSH không chỉ mang tầm quốc gia, mà còn ở tầm khu vực và quốc tế.

HỆ SINH THÁI TIÊU BIỂU

Khu DTSQ Kiên Giang bao gồm 10 huyện, thị, thành phố (U Minh Thượng, An Minh, An Biên, Rạch Giá, Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành, Hà Tiên, Phú Quốc và Kiên Hải) với không gian rộng, kết nối các vùng là Vườn Quốc gia (VQG) U Minh Thượng; VQG Phú Quốc, Khu Bảo tồn biển Phú Quốc; Khu rừng bảo vệ cảnh quan Hòn Chông - Kiên Lương và dải rừng ngập mặn ven biển Tây. Trong đó có ba vùng lõi là VQG U Minh Thượng, VQG Phú Quốc và Khu rừng bảo vệ cảnh quan Hòn Chông - Kiên

Lương. Nơi đây chứa đựng sự phong phú, đa dạng và đặc sắc về cảnh quan và hệ sinh thái (HST) từ rừng tràm trên đất ngập nước, rừng trên núi đá - núi đá vôi đến HST biển, mà trong đó tiêu biểu là thảm cỏ biển gắn liền với loài động vật quý hiếm là bò biển...

Khu DTSQ Kiên Giang là nơi bảo vệ đa dạng cảnh quan thiên nhiên, trong có có một số mẫu tiêu biểu bao gồm: Mẫu cảnh quan tiêu biểu và độc đáo rừng tràm trên đất than bùn của HST úng phèn khu vực U Minh Thượng, vùng đất ngập nước quan trọng của vùng hạ



▲ Quần thể chim được bảo vệ tại Khu DTSQ Kiên Giang

lưu sông Mê Công; mẫu cảnh quan đảo Phú Quốc, nơi có nhiều sông suối, đặc biệt là các bãi biển như bãi Kem, bãi Sao, bãi Vòng, bãi Vũng Bầu, bãi Cửa Cạn, bãi Dài...; mẫu cảnh quan đồi núi, rừng ngập mặn ven biển Kiên Lương - Kiên Hải, rừng tràm ngập nước theo mùa vùng Tứ giác Long Xuyên và cảnh quan biển đảo tại Khu Bảo tồn biển Phú Quốc.

Khu DTSQ Kiên Giang có 6 HST đặc thù với 22 dạng sinh cảnh khác nhau: HST rừng nguyên sinh và rừng thứ sinh với ưu thế cây họ dầu; HST rừng trên núi đá với ưu thế của ổi rừng và hoàng đàn; HST rừng ngập chua phèn (tràm); HST rừng ngập mặn (đuốc, sú, vẹt, mắm...), đặc biệt là loài còi đỏ còn xuất hiện duy nhất ở đồng bằng sông Cửu Long); HST rú bụi ven biển; HST rạn san hô, cỏ biển. Trong đó, rừng tràm ngập chua phèn là HST điển hình, trong vùng lõi ở khu vực U Minh Thượng có gần 4.000 ha "Rừng úng phèn" được xếp hạng độc đáo, quý hiếm trên thế giới, mang những đặc điểm của rừng cực đinh nguyên sinh với các ưu hợp rừng tràm hỗn giao và rừng tràm trên đất than bùn.

Hệ động thực vật có khoảng 2.340 loài, trong đó 1.480 loài thực vật với 116 loài quý hiếm được ghi trong sách Đỏ và 57 loài đặc hữu như cù đền Phú Quốc, trên Phú Quốc, huỳnh đan Phú Quốc... Ngoài ra, còn có loài có nguy cơ tuyệt chủng như trai, thông lông gà, hoàng đàn, trầm hương...

Hệ động vật có 860 loài với 78 loài quý hiếm, trong đó có 36 loài đặc hữu. Trong loài thú lớn, có 7 loài thú bị đe dọa trên toàn cầu, điển hình như khỉ đuôi dài, rái cá vuốt bé hay rái cùi, rái cá lông mũi. Trong các loài chim, có 8 loài chim bị đe dọa trên toàn cầu, điển hình như đại bàng đen, quắm trắng đầu đen, già sói. Đặc biệt có sân chim quan trọng trên thế giới với sự hiện diện của các loài quắm đen, giang sen, dô nách nâu, còng cọc, diệc lùa, chiếm tỷ lệ từ 0,98 - 5,47% tổng quần thể mỗi loài trên thế giới.

Ngoài ra, nơi đây còn có 108 loài san hô (89 loài san hô cứng và 19 loài san hô mềm), 9 loài cỏ biển, trong HST này có 166 loài rong biển; 258 loài động vật gồm 154 loài cá, 47 loài thân mềm, 25 loài da gai, trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế cao, đặc biệt có 2 loài cá cơm là Spratelloides gracilis và Stolephorus indicus là nguyên liệu chính để sản xuất nước mắm đặc trưng của Phú Quốc. Các thảm cỏ biển ở Phú Quốc còn gắn liền với sự tồn tại của các loài động vật quý hiếm đang cần được bảo vệ ở Việt Nam và thế giới như bò biển (hay còn được gọi

là dugong, cá cúi, mỹ nhân ngư), vích cổ, đồi mồi rùa da, ốc nhảy đỏ lợi, trai ngọc môi đen...

Như vậy có thể thấy ý nghĩa quan trọng đặc biệt của bảo tồn ĐDSH ở Khu DTSQ Kiên Giang không chỉ mang tầm quốc gia mà còn ở tầm khu vực và quốc tế.

MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TÓI KHU DTSQ KIÊN GIANG

ĐDSH là nguồn tài nguyên quý giá nhất, đóng vai trò rất lớn đối với tự nhiên và đời sống con người. ĐDSH là một dạng tài nguyên đã và đang được khai thác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ngành du lịch đang là một trong những ngành khai thác và có tác động tối giá trị ĐDSH. Nhìn một cách tổng thể, phát triển du lịch luôn có những tác động tích cực và tiêu cực đến ĐDSH. Theo đó, nếu phát triển du lịch đúng với các nguyên tắc phát triển bền vững sẽ góp phần tích cực, tạo nguồn thu cho hoạt động bảo tồn, nâng cao nhận thức của du khách đối với sự cần thiết phải bảo vệ sinh thái..; song bên cạnh đó sự tập trung khách quá giới hạn "sức chứa" về sinh thái ở điểm đến du lịch, hoạt động săn bắt, khai thác các loài động vật quý hiếm phục vụ nhu cầu du lịch... sẽ có tác động tiêu cực đến bảo tồn ĐDSH.

Trong những năm gần đây, sự phát triển của các hoạt động du lịch ở Kiên Giang đã tạo các sức ép lên tài nguyên, môi trường tự nhiên và ĐDSH. Nếu như vào những năm 2000, lượng khách du lịch đến địa bàn Phú Quốc - Hà Tiên - U Minh Thượng mới chỉ là trên 30 nghìn lượt khách

thì đến năm 2014, tổng lượng khách du lịch đến địa bàn này đã tăng lên gần 1,5 triệu lượt khách. Cùng với lượng khách tăng là sự thay đổi về cảnh quan thiên nhiên, sự suy giảm về tài nguyên rừng do nhu cầu xây dựng hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; sự gia tăng về nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải từ du lịch...

Sự gia tăng về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch luôn đi liền với tình trạng đâm cát đất và khai quỹ đất dành cho xây dựng không đủ đáp ứng nhu cầu thì việc xâm hại đất rừng là tất yếu. Điều này đã và đang xảy ra trên đảo Phú Quốc. Những yếu tố trên sẽ có ảnh hưởng lớn đến môi trường cư trú của nhiều loài sinh vật. Bên cạnh đó, nhu cầu lớn về nước sinh hoạt (đối với khách du lịch nội địa, nhu cầu này thường lớn hơn nhu cầu của người dân bình thường từ 2,0-2,5 lần; đối với khách du lịch quốc tế là từ 4,5 - 5,0 lần) và nhu cầu năng lượng cũng tăng nhanh chóng đã và đang tác động đến tài nguyên nước, gia tăng tình trạng ô nhiễm mặn, đặc biệt trong bối cảnh tác động ngày một tăng của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và Việt Nam nói chung.

Bên cạnh tác động của hoạt động du lịch, sự gia tăng dân số và tình trạng đói nghèo, đặc biệt của cộng đồng sống ở vùng đệm VQG Phú Quốc, VQG U Minh Thượng và Khu rừng bảo vệ cảnh quan Hòn Chông - Kiên Lương - nơi sinh kế của họ chủ yếu dựa vào hoạt động khai thác sản vật rừng và biển cũng tạo nên những "sức ép" rất lớn đến hoạt động bảo tồn ĐDSH ở Khu DTSQ này. Thực tế cho thấy, ở Phú Quốc



▲ VQG U Minh Thượng là một trong những vùng lõi của Khu DTSQ Kiên Giang

đã từng xảy ra nhiều trường hợp người dân đánh bắt dugong, xẻ thịt bán như những loài hải sản thông thường. Ở VQG U Minh Thượng, tình trạng người dân vào rừng săn bắt thú, các loài bò sát, lấy mật ong... vì mưu sinh cuộc sống cũng diễn ra ngày một phức tạp, ảnh hưởng đến nỗ lực bảo vệ các loài sinh vật quý hiếm ở khu vực này. Vụ cháy rừng U Minh vào tháng 2/2002 làm mất đi trên 3.000 ha rừng nguyên sinh mà thiệt hại về sinh thái và ĐDSH là không thể kể hết, cũng có nguyên nhân từ việc xâm hại rừng trái phép vì mưu sinh của người dân sống trong vùng đệm và đặc biệt là những áp lực tác động môi trường rất lớn của hoạt động khai thác đá vôi để sản xuất xi măng đối với bảo vệ cảnh quan và ĐDSH vùng núi đá vôi ở Kiên Lương - Hòn Chông.

Như vậy có thể thấy, việc bảo tồn các giá trị ĐDSH ở Khu DTSQ Kiên Giang đã và đang chịu những tác động không nhỏ từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch, tác động từ chính cộng đồng dân cư bởi cuộc sống mưu sinh khi sinh kế của người dân sống trong vùng đệm chủ yếu hiện vẫn dựa vào khai thác các giá trị sinh thái ở khu vực này.

Ngoài ra, Kiên Giang nói riêng và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung đã được xác định là khu vực sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ của BĐKH và nước biển dâng, theo đó môi trường sống của nhiều loài sinh vật quý hiếm, đặc hữu trong Khu DTSQ Kiên Giang cũng sẽ có những thay đổi. Trong bối cảnh đó, để đảm bảo sự phát triển bền vững cần bảo tồn các giá trị ĐDSH ở Khu DTSQ Kiên Giang.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giải quyết mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển: Đây là một bài toán khó, đòi hỏi cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư trong Khu DTSQ phải cùng tham gia. Theo đó, trước hết cần có quy hoạch, kế hoạch và những biện pháp cụ thể phù hợp để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng bảo tồn để phát huy các giá trị của Khu DTSQ, phát triển kinh tế cải thiện đời sống dân cư, nhằm phục vụ cho phát triển và phát triển sẽ tạo điều kiện để bảo tồn được tốt hơn. Bên cạnh đó, các quy hoạch, kế hoạch và biện pháp của các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp cũng phải xây dựng chiến lược phát triển bền vững. Việc xây dựng các kết cấu hạ tầng đường xá, các cơ sở lưu trú khách sạn cũng phải được cân nhắc và thực hiện tốt các báo cáo đánh giá tác động môi trường, sinh thái và tác động về mặt xã hội.

Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và quảng bá hình ảnh về Khu DTSQ: Rà soát, giám sát ĐDSH, các di tích di

sản, làng nghề và các văn hóa truyền thống, để cập nhật xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất chung của Khu DTSQ và cụ thể cho từng khu vực, trên cơ sở đó biên tập tóm tắt ngắn gọn, làm tài liệu cho tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và quảng bá. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các pano, tờ bướm, các hội nghị, hội thảo giới thiệu về Khu DTSQ Kiên Giang và nhất là các hoạt động về bảo tồn và phát huy các giá trị ĐDSH của Khu DTSQ.

Đào tạo nguồn nhân lực nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị Khu DTSQ: Trước hết là đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có sự hiểu biết về công tác quản lý ĐDSH, phát triển bền vững, bên cạnh đó các cơ sở sản xuất kinh doanh, các người lao động địa phương sẽ tham gia vào quá trình đào tạo. Tùy theo từng đối tượng mà có hình thức và nội dung đào tạo, tập huấn phù hợp. Các nội dung đào tạo, tập huấn là hiểu biết về ĐDSH, HST, BĐKH, về sản xuất - kinh doanh xanh, và nhất là đào tạo đội ngũ lao động tại địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch sinh thái, văn hóa giao tiếp ứng xử của cộng đồng dân cư trong Khu DTSQ.

Xây dựng các chương trình dự án để tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, các chương trình sự nghiệp và lập các dự án kêu gọi tài trợ: Rà soát chọn lọc các kết quả nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học về ĐDSH, công tác bảo tồn để có kế hoạch áp dụng và nhân rộng. Trên cơ sở đó lập các dự án để kêu gọi đầu tư từ các nguồn, nhất là từ các nguồn tài trợ trong và ngoài nước về bảo vệ ĐDSH, HST, môi trường và BĐKH, nhằm phục vụ tốt việc bảo tồn, BVMT và phát triển kinh tế - xã hội bền vững■

Cần giải pháp quyết liệt xử lý ô nhiễm không khí tại một số đô thị ở Việt Nam

TS. ĐỖ NAM THẮNG

Đại học Quốc gia Ôxtrâylia

Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm không khí (ÔNKK) đô thị đáng báo động. Hai thành phố (TP) lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh hiện đang nằm trong danh sách 15 TP ô nhiễm nhất Đông Nam Á, trong đó chất gây ÔNKK đáng lo ngại nhất là bụi mịn PM_{2.5}. Bụi mịn đặc biệt có hại cho sức khỏe con người, vì chúng có khả năng xâm nhập sâu vào phổi và hệ tim mạch, gây nhiều bệnh như đột quỵ, tim mạch, ung thư phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và nhiễm trùng đường hô hấp. Theo chỉ số AQI về chất lượng tuổi thọ bị ảnh hưởng bởi ÔNKK năm 2016, việc chất lượng không khí dưới tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới ($10 \mu\text{g}/\text{m}^3$) làm giảm 1 năm tuổi thọ của người dân. Ngân hàng Thế giới cũng tính toán rằng, ÔNKK khiến quốc gia thiệt hại 5% GDP mỗi năm.

CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ TẠI MỘT SỐ ĐÔ THỊ SUY GIẢM

Một trong những nguyên nhân chính gây ÔNKK là do hoạt động giao thông vận tải (GTTV). Việt Nam hiện có 3,6 triệu ô tô và 58 triệu xe máy, chủ yếu tập trung ở các TP lớn. Trong đó có nhiều phương tiện cũ, công nghệ kiểm soát khí thải kém. Các phương tiện trên đường trong giờ cao điểm gây tắc nghẽn giao thông hàng ngày, đồng thời thải ra lượng lớn chất gây ÔNKK. Vấn đề GTVT của Việt Nam ngày càng trở nên trầm trọng do quy hoạch đô thị không phù hợp. Nhà cao tầng mọc lên như nấm giữa trung tâm TP, mỗi tòa có đến hàng nghìn người sinh sống, tạo áp lực lớn đối với cơ sở hạ tầng đường bộ vốn đã quá tải. Trong khi đó, nhiều TP lớn của Việt Nam rất ít không gian xanh và khoảng không gian mở.

Ngoài ra, còn có một nguyên nhân khác gây ÔNKK do bụi từ công trình xây dựng thương mại và dân cư. Trong nội đô TP vẫn tồn tại các khu công nghiệp cũ. Nhiều cơ sở gây ÔNKK như điện than, xi măng, thép... tồn tại trong TP cũng làm chất lượng không khí trở nên tồi tệ hơn. Bên cạnh đó, người dân vẫn sử dụng hàng



▲ Lượng phương tiện giao thông giảm trong những ngày giãn cách xã hội do Covid - 19 đã cải thiện đáng kể chất lượng không khí tại Hà Nội

nghìn bếp nấu nguyên liệu sinh khối rắn (như củi, than tổ ong). Cùng với việc đốt rơm rạ sau thu hoạch ở khu vực ngoại thành, tất cả đã góp phần lớn gây ÔNKK ở Hà Nội, đặc biệt vào mùa khô từ tháng 10 đến tháng 2 hàng năm.

Các cơ quan chức năng đã có những giải pháp ngắn hạn, bao gồm quy định chặt chẽ tiêu chuẩn về khí thải xe mới, nỗ lực kiểm soát giao thông, thực thi các biện pháp quản lý bụi do công trường xây dựng và xe vận chuyển, tăng cường giám sát khí thải công nghiệp và cấm sử dụng bếp than tổ ong trong TP... Những biện pháp này có thể giúp giải quyết một phần tình trạng ÔNKK. Trong những ngày giãn cách xã hội do Covid-19, lưu lượng giao thông và các hoạt động công nghiệp giảm đã cải thiện đáng kể chất lượng không khí tại các TP lớn ở Việt Nam. Tuy nhiên, ÔNKK đã nhanh chóng quay trở lại khi hết giãn cách xã hội. Vì vậy, các giải pháp có tính dài hạn, hệ thống để giảm thiểu ÔNKK là hết sức cần thiết.

NĂM NHÓM GIẢI PHÁP NHẰM CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Thứ nhất, cải thiện và thực hiện nghiêm quy hoạch đô thị. Do Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có nhiều tòa nhà cao tầng với mật độ dày đặc nên các TP này cần dành nhiều không gian xanh và thoáng đãng hơn. Có thể chuyển những khu đông người như cơ quan Chính phủ, trường đại học và bệnh viện ra khu vực ngoại thành. Việc di dời các khu công nghiệp, nhà máy cũ như Nhà máy bóng đèn phích nước Rạng Đông cũng sẽ giảm nguy cơ xảy ra sự cố ÔNKK. Ngoài ra, TP cần hoàn thiện hệ thống giao thông công cộng (xe bus, tàu điện trên không), sau đó thiết lập thêm các hệ thống mới. Việc đưa ra những quy định về xây dựng công trình xanh và giá bán điện có thể thúc đẩy phát triển những tòa nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm, điện mặt trời.

Thứ hai, áp dụng các chính sách khuyến khích phương tiện xanh như khuyến khích

giảm dần phương tiện cũ gây ô nhiễm bằng cách trợ cấp một phần cho việc đổi xe cũ lấy xe mới. Kinh phí hỗ trợ có thể thu từ việc áp thuế cao hơn khi mua phương tiện giao thông mới. Cách làm trên giải quyết được mối quan ngại về tác động đến nhóm người dân có thu nhập thấp, vì họ thường là chủ sở hữu phương tiện cũ. Chính phủ cũng có thể ban hành chính sách thúc đẩy phát triển xe điện, ví dụ chỉ cho phép xe điện được chạy ở khu vực trung tâm, hoặc giảm thuế thu nhập cho các nhà sản xuất xe điện nội địa khiến chúng có giá cả hợp lý hơn.

Thứ ba, định giá ô nhiễm phù hợp với nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Cơ quan quản lý có thể sửa đổi quy định về thuế BVMT đối với nhiên liệu gây ô nhiễm như dầu diesel và than. Việc định giá các bon, thông qua thuế các bon và thị trường phát thải, sẽ làm giảm sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm có nguồn gốc các bon, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế các bon thấp. Điều này sẽ hạn chế ÔNKK và giảm thiểu biến đổi khí hậu - một mối đe dọa khác với an ninh kinh tế và xã hội của Việt Nam.

Thứ tư, chuyển đổi với lộ trình thích hợp sang hệ thống điện tái tạo. Việc ban hành các chính sách khuyến khích phát triển điện gió và điện mặt trời, bao gồm quy định giá bán điện sẽ giúp Việt Nam duy trì vị thế dẫn đầu về năng lượng tái tạo ở Đông Nam Á. Việt Nam có thể đặt ra các mục tiêu tham vọng hơn cho năng lượng tái tạo nhờ tiềm năng cao về điện mặt trời, điện gió và thủy điện tích năng.

Thứ năm, việc cải cách trợ cấp nhiên liệu hóa thạch có thể giúp tiết kiệm khoảng 612 triệu USD/năm, tương đương 0,3% GDP (theo tính toán của Cơ quan Năng lượng quốc tế IEA). Khoản tiền này có thể dùng cho các hoạt động phúc lợi như y tế, giáo dục và BVMT.

Đây là thời điểm thích hợp để ưu tiên các biện pháp trên thông qua việc sửa đổi Luật BVMT dự kiến sẽ được Quốc hội phê chuẩn vào cuối năm 2020. Nếu thiết lập quy định một cách cẩn trọng và kỹ càng, Việt Nam có khả năng xoay chuyển vấn đề ÔNKK như hiện nay.

(Theo Diễn đàn Đông Á: <https://www.eastasiaforum.org/2020/03/25/bold-action-needed-to-address-vietnams-air-pollution/>)

Nhu cầu đổi mới công nghệ xử lý nước thải trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy

ThS. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG¹

NGUYỄN MINH PHƯƠNG²

NGUYỄN THỊ MINH THU³

¹Vụ Thẩm định đánh giá tác động môi trường

²Cục BVMT miền Bắc

³Cục BVMT miền Nam

Trong những năm qua, hệ quả của quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) nhanh tại các tỉnh, thành phố (TP) trên lưu vực sông (LVS), đặc biệt là LVS Nhuệ - Đáy dẫn đến chất lượng môi trường nước tại LVS bị suy thoái ở nhiều nơi, tập trung ở những đoạn sông chảy qua khu vực đô thị, khu công nghiệp (KCN), làng nghề, ảnh hưởng đến cuộc sống và sức khỏe của nhân dân trên LVS.

Có nhiều nguyên nhân để lý giải cho chất lượng môi trường của LVS Nhuệ - Đáy chưa được cải thiện như hệ thống quản lý vẫn còn bất cập, đầu tư cho công tác BVMT chưa đạt yêu cầu; hệ thống hạ tầng cũ; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa đầu tư đúng mức cho công tác BVMT. Các loại hình công nghiệp trên LVS Nhuệ - Đáy khá đa dạng về trình độ công nghệ sản xuất, việc lựa chọn công nghệ và kỹ thuật phù hợp để xử lý môi trường nói chung, xử lý nước thải (XLNT) nói riêng chưa đạt hiệu quả.

THÁCH THỨC MÔI TRƯỜNG TẠI LVS NHUỆ - ĐÁY

LVS Nhuệ - Đáy nằm ở hứu ngạn sông Hồng với tổng diện tích là 7.388 km² (riêng LVS Đáy

là 6.965 km²), bao gồm các tỉnh, TP: Hà Nam (5/5 huyện và 1 TP. Phủ Lý), Nam Định (9/9 huyện và 1 TP. Nam Định), Ninh Bình (6/6 huyện, 1 thị xã Tam Điệp, TP. Ninh Bình) và một phần của thủ đô Hà Nội (11/12 quận, 13/17 huyện và 1/1 thị xã Sơn Tây (trừ các huyện Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm và quận Long Biên), cùng 5 huyện của tỉnh Hòa Bình (gồm: Kỳ Sơn, Lương Sơn, Kim Bôi, Yên Thủ và Lạc Thủy). Trong khi hầu hết các KCN đều có hệ thống XLNT tập trung thì chỉ có khoảng 30% cụm công nghiệp (CCN) đã và đang xây dựng trạm XLNT tập trung, ngoại trừ TP. Hà Nội (trên 60% CCN); nước thải làng nghề không được thu gom và xử lý. Nguồn gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) lớn nhất là nước thải sinh hoạt (NTSH), chiếm tỷ lệ 50 - 60% tổng lượng nước thải vào LVS, phần lớn không được thu gom, xử lý mà thải trực tiếp vào LVS. Ước tính, tổng lượng NTSH trên toàn lưu vực khoảng 610.000 m³/ngày, đêm.

Ngoài ra, nước thải do phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và nước thải y tế cũng là nguyên nhân gây ÔNMT nước LVS... Kết quả quan trắc cho thấy, tại khu vực đầu nguồn sông Nhuệ, nước

sông còn tương đối tốt, nhưng khi hợp lưu với sông Tô Lịch (nguồn tiếp nhận nước thải chính của các quận nội thành của Hà Nội), nước sông Nhuệ bị ô nhiễm nghiêm trọng, đây chính là nguyên nhân gây ô nhiễm cục bộ LVS Nhuệ - Đáy, nguồn cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho TP. Phủ Lý (Hà Nam) và một số địa phương phía hạ nguồn. Chất lượng nước của nhiều đoạn thuộc LVS Nhuệ - Đáy đã bị ô nhiễm tới mức báo động, đặc biệt vào mùa khô, giá trị các thông số BOD₅, COD, Coliform... tại các điểm quan trắc đều vượt QCVN 08:2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt) nhiều lần. Tại các đoạn sông chảy qua đô thị, khu vực có các hoạt động sản xuất, môi trường nước sông bị ô nhiễm chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh. Sông Đáy có chất lượng nước tốt hơn sông Nhuệ và có xu hướng tăng dần theo dòng chảy từ Hà Nội đến Ninh Bình, một số điểm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, nước có thể sử dụng cho sinh hoạt, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Đối với các sông nội thành Hà Nội, do tiếp nhận lượng lớn NTSH đô thị và nước thải của các cơ sở sản xuất, làng nghề nội đô nên chất lượng nước ở mức thấp, ô nhiễm nặng.

Có thể nói, song song với công tác quản lý môi trường, việc XLNT trên LVS Nhuệ - Đáy đang đổi mới với nhiều thách thức. Nhu cầu tìm kiếm những công nghệ XLNT phù hợp trên LVS Nhuệ - Đáy ngày càng trở nên cấp thiết hơn. Nếu không, tương lai không xa, nguồn nước của các con sông này không thể sử dụng được cho sản xuất và sinh hoạt.

MỘT SỐ CÔNG NGHỆ XLNT HIỆN NAY TRÊN LVS NHUỆ - ĐÁY

Trên LSV Nhuệ - Đáy, nổi bật có 4 ngành nghề gây tác động nhiều nhất đến chất lượng nước, bao gồm: hóa chất, cơ khí - luyện kim, chế biến nông sản - thực phẩm, chăn nuôi.

Công nghiệp hóa chất

Công nghiệp hóa chất (CNHC) là một trong những loại hình quan trọng và chiếm ưu thế trên LVS Nhuệ - Đáy, bao gồm: sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản, hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất tiêu dùng, phân bón, nguyên liệu hóa chất... LVS Nhuệ - Đáy có khoảng 52 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực CNHC (gồm cả sản xuất phân bón), tuy nhiên, chỉ có 7 cơ sở đã có hệ thống XLNT. Tổng lưu lượng thải của các cơ sở này khá lớn, khoảng 20.227 m³/ngày (lượng BOD xấp xỉ 102.560,38 kg/ngày, COD khoảng 255.952,25 kg/ngày và lượng chất rắn lơ lửng là 198.471,17 kg/ngày).

Hiện nay, hầu hết công nghệ sinh học được áp dụng để XLNT cho ngành CNHC trên LVS Nhuệ - Đáy. Theo đó, nước thải từ các nhà máy sẽ chảy theo các đường dẫn riêng ra cống thải chung của hệ thống XLNT. Nước thải được tách bỏ các loại rác thô bởi song chắn rác trước khi qua bể điều hòa. Sau chu trình xử lý, nước thải được bơm từ bể điều hòa sang bể sinh học hiếu khí Aroten. Trong bể sinh học hiếu khí, các chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan chuyển hóa thành bông bùn sinh học - quần thể vi sinh vật hiếu khí - có khả năng lắng dưới tác dụng của trọng lực. Nước thải chảy liên tục vào bể sinh học, tại đây, xáo trộn với bùn hoạt tính, cung cấp ôxy cho vi sinh phân hủy chất hữu cơ. Nước thải sau khi xử lý bằng phương pháp sinh học chứa nhiều vi khuẩn. Vì vậy, trước khi xả ra môi trường, nước thải được đưa đến bể khử trùng và thêm vào một lượng hóa chất natri hypochlorite (NaOCl) để tiêu hủy vi khuẩn trong dòng nước ra. Nước thải sau khi khử trùng, đạt tiêu chuẩn.

Công nghiệp cơ khí, luyện kim

Tại LVS Nhuệ - Đáy, các nhà máy sản xuất thép, sản phẩm cơ khí, gia công cơ khí tập trung chủ yếu ở TP. Hà Nội và các vùng lân cận. Hiện nay, phần lớn thép và sản phẩm từ thép được sản xuất bằng công nghệ lò điện hồ quang - đúc liên tục. Bên cạnh công nghệ sản xuất cơ khí, luyện kim truyền thống phải kể đến công nghệ hoàn tất các sản phẩm kim loại. Các đơn vị mạ điện, hoặc sơn thường có quy mô nhỏ và nầm rải rác trong các ngành kim loại, sản xuất,

sửa chữa phương tiện giao thông vận tải, chế tạo máy móc và thiết bị.

Hiện trên LVS Nhuệ - Đáy có 196 cơ sở cơ khí, luyện kim, tuy nhiên, không có cơ sở nào có hệ thống XLNT. Tổng lưu lượng thải của các cơ sở khoảng 2.053 m³/ngày, tổng lượng BOD thải ra là 306 kg/ngày, COD là 798,1 kg/ngày và chất rắn lơ lửng là 2.077,7 kg/ngày. Kết quả khảo sát tại một số nhà máy cơ khí, gia công tôn mạ kẽm và tôn mạ màu trên LVS Nhuệ - Đáy cho thấy, nồng độ chất độc có hàm lượng ion kim loại nặng như crôm, niken, đồng... cao hơn nhiều so với tiêu chuẩn cho phép; một số cơ sở mạ điện tuy có hệ thống XLNT, nhưng chưa chú trọng đến các thông số công nghệ của quá trình xử lý để điều chỉnh cho phù hợp khi đặc tính của nước thải thay đổi.

Công nghệ hóa lý kết hợp sinh học là phương pháp tối ưu nhất được lựa chọn để XLNT cho ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim trên LVS Nhuệ - Đáy. Theo đó, nước thải sản xuất sẽ theo các hố thu dẫn đến bể điều hòa. Tại đây, nước sẽ được lưu lại trong một khoảng thời gian để điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải, sau đó bơm qua bình tạo áp để cho không khí vào trong nước thải dưới áp suất cao khi đưa không khí và nước thải vào bể tuyển nổi. Sau khi qua bể tuyển nổi, nước thải được bơm vào bể sinh học hiếu khí Aroten. Các vi khuẩn hiếu khí sẽ sử dụng các chất hữu cơ trong nước thải để tổng hợp tế bào mới, nên hàm lượng các chất hữu cơ trong nước thải sẽ giảm. Nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp để loại bỏ các bông bùn, xác vi sinh vật được hình thành trong quá trình



▲ Nhà máy XLNT Yên Sở (Hoàng Mai, Hà Nội)

sinh học. Nước thải chảy qua bể khử trùng trước khi thải ra môi trường; phần bùn dư từ bể lắng được thu gom vào bể chứa bùn, một phần sẽ tuần hoàn tại bể Aeroten, phần bùn dư còn lại được đem đi phơi và xử lý thành phân vi sinh, hoặc chôn lấp.

Chế biến nông sản, thực phẩm

Đây là loại hình công nghiệp lớn, đa dạng với nhiều ngành hàng, trong đó chủ yếu là chế biến, sản xuất tinh bột sắn và đồ uống, bia rượu.

Đối với ngành chế biến tinh bột sắn: Lượng nước thải ra môi trường thường chiếm 80 - 90% nước sử dụng. Nước thải từ dây chuyền sản xuất tinh bột sắn có các thông số đặc trưng như pH thấp, hàm lượng chất hữu cơ cao, thể hiện qua chất rắn lơ lửng (SS), nhu cầu ôxy sinh học (BOD), nhu cầu ôxy hóa học (COD), các chất dinh dưỡng chứa N, P, K, độ màu... với nồng độ cao, vượt nhiều lần so với tiêu chuẩn môi trường. Nước thải của các nhà máy sản xuất tinh bột sắn quy mô lớn thường có BOD từ 6.200 - 23.000 mg/l. Đặc trưng chất lượng nước thải trong công nghiệp chế biến tinh bột sắn là: Hàm lượng các chất ô nhiễm hữu cơ cao (COD, BOD, SS) và không có hóa chất độc hại trong nước thải.

Phần lớn các nhà máy chế biến tinh bột sắn ở LVS Nhuệ - Đáy có hệ thống XLNT sử dụng công nghệ xử lý sinh học tự nhiên theo

kiểu lên men yếm khí hở, tiếp nhận công nghệ của Thái Lan, với chi phí đầu tư và vận hành thấp, phù hợp với các khu vực có diện tích rộng. Hầu hết các hệ thống XLNT theo công nghệ này đều hoạt động kém hiệu quả.

Đối với ngành sản xuất đồ uống, rượu bia: Hiện có tất cả 99 cơ sở, nhưng chỉ 42 cơ sở là có hệ thống XLNT. Do có tính đặc thù, nên lưu lượng thải của các cơ sở này khá cao 140.972,6 m³/ngày; lượng BOD phát sinh là 14.682,74 kg/ngày, COD là 27.453,76 kg/ngày.

Phương pháp được áp dụng để XLNT từ ngành công nghiệp sản xuất đồ uống, rượu bia chính là phương pháp xử lý bằng sinh học, dựa trên cơ sở sử dụng hoạt động của vi sinh vật để phân hủy các chất hữu cơ gây nhiễm bẩn trong nước thải. Các vi sinh vật sử dụng các chất hữu cơ và một số chất khoáng làm nguồn dinh dưỡng và tạo năng lượng. Trong quá

trình phát triển, chúng nhận các chất dinh dưỡng để xây dựng tế bào, sinh trưởng và sinh sản nên sinh khối chúng được tăng lên. Quá trình phân hủy các chất hữu cơ nhờ vi sinh vật gọi là quá trình ôxy hóa sinh hóa.

Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi được phân bố ở hầu hết các tỉnh, TP trên LVS Nhuệ - Đáy. Hoạt động này đòi hỏi nhu cầu sử dụng nước tương đối lớn, đồng thời, thải ra lượng nước thải giàu chất hữu cơ gây ÔNMT. Theo thống kê sơ bộ thì có hàng nghìn cơ sở chăn nuôi trên 5 tỉnh, TP, tương ứng sẽ có khoảng 500 cơ sở xả thải vào LVS Nhuệ - Đáy. Tuy nhiên, hiện nay, mới có khoảng 70% hộ chăn nuôi có chuồng trại, tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh chỉ chiếm 10%; hộ có công trình khí sinh học (hầm biogas) đạt 8,7%; khoảng 23% số hộ chăn nuôi không xử lý chất thải vật

nuôi; tỷ lệ hộ có cam kết BVMT chiếm 0,6%. Về phía các trang trại chăn nuôi tập trung, mặc dù, phần lớn đã có hệ thống xử lý chất thải, nhưng hiệu quả xử lý chưa triệt để, số trang trại chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải bằng biogas khoảng 67%; số trang trại có đánh giá tác động môi trường xấp xỉ 14%; 37,2% hộ chăn nuôi thâm canh và 36,2% hộ chăn nuôi thời vụ không có biện pháp xử lý chất thải. Tình trạng trên đã gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường đất, nước, không khí ở nông thôn.

Hàm lượng nước thải do loại hình công nghiệp chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường khá lớn. Các chỉ tiêu TSS, COD, BOD₅ rất lớn, giá trị COD dao động từ 2.000 - 5.000 mg/l. Nước thải từ các lò mổ chứa lượng lớn các thành phần hữu cơ, Nitơ và phần còn lại của các chất tẩy rửa. Nồng độ cao các chất gây ô nhiễm trong nước thải có nguồn gốc từ công đoạn làm lòng và xử lý chất thải máu, trong máu chứa nhiều chất hữu cơ, có hàm lượng Nitơ rất cao. Ước tính thể tích nước thải 3 - 8 m³/tấn thịt gia súc giết mổ, tải lượng BOD₅ khoảng 10 - 20 kg/tấn thịt gia súc giết mổ (tương ứng 2.000 mg/l), tổng lượng Nitơ từ 100 - 200 mg/l, tổng lượng phospho: 10 - 20 mg/l, chất rắn lơ lửng: 100 - 500 mg/l, chất béo: 50 - 150 mg/l, độ pH là 6,5 - 10.

Công nghệ XLNT được áp dụng đối với ngành chăn nuôi là công nghệ sinh học kị khí (UASB). Nước thải giết mổ gia súc chảy qua song chấn rác và lưới chấn rác, loại bỏ thịt thừa, mỡ, các tạp chất có kích thước thô và mịn. Nước thải từ bể tiếp nhận được bơm lên bể lắng cát để loại bỏ cặn và cát có trong nước thải. Sau đó, nước thải tiếp tục được đưa qua bể điều hòa, rồi đưa sang bể lắng I để ổn định trước khi xử lý sinh học, có tác dụng điều hòa và ổn định pH trước khi vào bể lọc sinh học kị khí UASB. Nước thải tiếp tục được dẫn vào bể UASB nhằm phân hủy các chất hữu cơ phức tạp thành các chất hữu cơ đơn giản hơn và chuyển hóa chúng thành CH₄, CO₂, H₂S... Sau đó, nước thải được đưa sang xử lý tại bể lọc sinh học hiếu khí và tiếp tục chảy qua bể khử trùng.

Thống kê cho thấy, các vấn đề ÔNMT thường nghiêm trọng đối với các cơ sở giết mổ, chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ. Tại các cơ sở này, việc áp dụng xử lý ô nhiễm chưa được chú trọng, công nghệ XLNT chưa được áp dụng một cách phù hợp, dẫn đến ÔNMT cục bộ. Nhiều cơ sở nhỏ lẻ như vậy gây ra ÔNMT chung trên toàn bộ lưu vực.

ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ XLNT TRÊN LVS NHUỆ - ĐÁY

Câu hỏi đặt ra đối với các nhà quản lý và chính quyền địa phương trên LVS Nhuệ - Đáy là tình trạng ô nhiễm sẽ ra sao nếu tiếp tục áp dụng các công nghệ XLNT như hiện tại? Thực tế, sau nhiều năm áp dụng các biện pháp quản lý và chế tài xử phạt, chất lượng nước thải LVS vẫn không được cải thiện, thậm chí ngày càng gia tăng các chất ô nhiễm. Vì vậy, để khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm nước thải trên LVS Nhuệ - Đáy, nhu cầu đặt ra là phải xử lý tận gốc, cốt lõi của vấn đề, đó là cải tiến, đổi mới công nghệ XLNT phù hợp trước khi thải vào LVS.

XLNT, đặc biệt là nước thải sản xuất luôn là nhiệm vụ phức tạp và tốn kém. Để giải quyết vấn đề này, cần có phương pháp tiếp cận phù hợp. Trên cơ sở kết quả điều tra, mặt bằng công nghệ, cũng như khả năng đảm bảo tài chính, có thể lựa chọn giải pháp xử lý và cấp độ xử lý thích hợp.

Việc lựa chọn giải pháp xử lý, tùy thuộc vào loại hình nước thải, người ta sẽ dựa trên các tiêu chí sau để đánh giá công nghệ phù hợp: Hiệu suất xử lý, tính thân thiện với môi trường, thời gian xử lý, tiêu chí tác động xã hội, tiêu chí

thương mại hóa và khả năng áp dụng ở Việt Nam. Theo đó, một trong những tiêu chí quan trọng khi đánh giá hiệu suất xử lý của các giải pháp công nghệ là giải pháp đó có xử lý triệt để đối tượng gây ô nhiễm, đáp ứng yêu cầu về nồng độ ngưỡng quy định (cả đầu vào và đầu ra), tuổi thọ của công nghệ như thế nào? Tiêu chí thứ hai là tính thân thiện với môi trường, tức là giải pháp có gây ô nhiễm thứ cấp không? Mức độ rủi ro của nó đến môi trường, biến đổi khí hậu, sức khỏe cộng đồng như thế nào? Khả năng tái chế, tái sử dụng ra sao?...; Tiêu chí thứ ba là thời gian xử lý, đây được coi là một trong những tiêu chí quan trọng quyết định đánh giá loại hình công nghệ xử lý đó như thế nào, XLNT từ cơ sở sản xuất trong bao lâu để đạt được kết quả tối ưu? Tiêu chí thứ tư là tác động xã hội, tức là sẽ giúp hoạch định đường lối, chính sách, chủ trương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội... khi lựa chọn loại hình công nghệ này. Tiêu chí thương mại hóa của công nghệ cũng rất quan trọng, tức là chi phí xử lý nhiều, hay ít so với các phương pháp khác; Ngoài ra, một tiêu chí nữa là khả năng áp dụng, tức là công nghệ có thể áp dụng cho nhiều đối tượng, phù hợp với các địa phương, vùng miền và vận hành sử dụng đơn giản, tính ổn định cao. Cùng với các tiêu chí trên có thể còn nhiều tiêu chí khác nữa phù hợp đối với từng đối tượng cụ thể.

Như vậy, để lựa chọn công nghệ nào phù hợp trong XLNT, góp phần cải thiện chất lượng nước trên LVS Nhuệ - Đáy vẫn đang là bài toán nan giải cho các nhà quản lý và chính quyền địa phương.■

Long An thực hiện những mô hình độc đáo chống rác thải nhựa



▲ Chị em phụ nữ sử dụng giỏ nhựa đi chợ, hạn chế RTN

Trong những năm gần đây, tình trạng giao tăng rác thải nhựa (RTN) đang trở thành áp lực đối với môi trường tỉnh Long An. Việc sử dụng túi ni lông, đồ dùng nhựa một lần đã trở nên phổ biến trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân nơi đây. Đáng lo ngại là người dân vẫn chưa có thói quen phân loại rác sinh hoạt hàng ngày, việc xả rác thải ra môi trường, không phân loại RTN, gây khó khăn trong công tác xử lý RTN. Để khắc phục tình trạng trên, Long An đã phát động nhiều phong trào, mô hình “giảm thiểu RTN” mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần làm sạch môi trường, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của nhân dân về BVMT.

NHỮNG MÔ HÌNH SÁNG TẠO GIẢM THIỂU RTN

Mô hình “Cá tre ăn RTN” được các đoàn viên, thanh niên Trường THPT Cần Giuộc (ấp Hòa Thuận 1, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An) thực hiện trong năm qua đã góp phần phân loại rác tại nguồn, BVMT. Với ý tưởng sáng tạo làm một chú Cá tre khổng lồ có chiều dài 5 m, cao 2 m, có khả năng “ăn” hơn 500 vỏ chai nhựa. Chú cá khổng lồ này do hơn 20 học sinh của trường làm trong vòng 2 tuần. Ngoài nguyên liệu chủ yếu là tre, lưới nhựa, các bạn trẻ còn tận dụng những vật liệu không còn sử dụng như nắp chai,

băng rôn cũ thiết kế thành con cá trông rất ngộ nghĩnh. Cá được đặt trong khuôn viên nhà trường, rất thuận tiện để học sinh “cho ăn”. Hơn 3 tuần triển khai, mô hình Cá tre ăn RTN làm thay đổi nhận thức của học sinh về tác hại RTN, các em đã hạn chế sử dụng đồ nhựa một lần, thu gom được lượng lớn các chai nhựa, lon nhựa dư thừa, rơm vãi. Mô hình “Cá tre ăn RTN” đã tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, nâng cao nhận thức, hành vi sử dụng RTN của giới trẻ.

Còn tại TP. Tân An, tỉnh Long An, nhận thức được tác hại của RTN, các em học sinh Trường THCS Thống Nhất đã thực hiện mô hình xây “Ngôi nhà kế hoạch nhỏ” bằng việc thu gom chai nhựa. Vào năm học mới, các em học sinh được cô Tổng phụ trách Đội Trường THCS Thống Nhất - Trần Thị Ngọc Diệp tuyên truyền về tác hại của RTN, giữ gìn môi

trường xung quanh bằng cách phân loại rác trước khi đem bỏ những vật dụng tái chế vào “Ngôi nhà kế hoạch nhỏ”. Từ đó, mỗi giờ lên lớp hoặc ra chơi, các bạn sau khi ăn quà vặt đều bỏ những chai nhựa vào đây, vừa tiết kiệm được phần tiền nhỏ, vừa BVMT”. Trước đây, học sinh thường xả rác mặc dù được các thầy cô nhắc nhở nhiều lần. Để giáo dục học sinh hiểu được tác hại của RTN, liên đội đã xây dựng mô hình này từ năm học 2018-2019, đồng thời phối hợp Ban Giám hiệu trường tuyên truyền để học sinh hiểu được ý nghĩa mô hình thông qua những buổi sinh hoạt lớp. Liên đội dành một phần đất nhỏ nằm ở góc sân trường để đặt “Ngôi nhà kế hoạch nhỏ”, đựng rác tái sử dụng như giấy, chai, lọ nhựa, vỏ ly lông... Từ khi phát động đến nay, các em hiểu hơn về tác hại của rác thải nói chung, RTN nói riêng đối với môi trường sống.

Với vai trò xung kích, chủ động, sáng tạo, mỗi đoàn viên, thanh niên xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An là hạt nhân, nòng cốt, gương mẫu đi đầu trong phong trào không sử dụng RTN. Đoàn Thanh niên xã thường xuyên đẩy mạnh tuyên truyền đến các đoàn viên, đội viên và người dân về tác hại của RTN, túi ni lông đối với môi trường sống và sức khỏe con người; vận động mọi người bỏ rác đúng nơi, hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa. Cùng với đó, Đoàn Thanh niên xã thực hiện Chương trình “Đổi vỏ chai nhựa - nhận chai thủy tinh”, cứ 30 chai nhựa đã qua sử



▲ Câu lạc bộ Thanh niên tình nguyện huyện Cần Giuộc sử dụng ống hút, vỏ chai nhựa thành những vật dụng hữu ích

dụng sẽ đổi lấy 1 chai đựng nước bằng thủy tinh có in logo của Đoàn và thông điệp “Nói không với RTN”. Số vỏ chai nhựa thu gom được sẽ tái chế thành các vật dụng trang trí tại cơ quan hoặc làm dụng cụ học tập (hộp đựng bút) để tặng học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Đến nay, mô hình đã được nhân rộng ra các xã khác trên địa bàn. Các em đã tự giác phân loại rác thải tại nhà, giữ gìn vệ sinh chung. Hành động tưởng chừng rất nhỏ nhưng đã và đang góp phần tích cực trong việc xây dựng và hình thành ý thức tự giác BVMT của các đoàn viên, thanh niên trên địa bàn tỉnh.

TIẾP TỤC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH “NÓI KHÔNG VỚI RTN”

Theo số liệu thống kê, năm 2019, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh Long An được thu gom khoảng 570 - 590 tấn/ngày, trong đó sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông chiếm tỷ trọng khá lớn. Dự báo đến năm 2025, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình trên địa bàn khoảng 1.132,89 tấn/ngày. Để giảm thiểu RTN, UBND tỉnh Long An đã ban hành Văn bản số 4187/UBND-KTTC gửi các Sở, ban, ngành và đoàn thể chính trị - xã hội, UBND các huyện, thị xã và thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Đến nay, các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh không sử dụng chai nhựa dùng một lần; việc tuyên truyền, tổ chức hội thi liên quan về BVMT cho học sinh các cấp trên địa bàn tỉnh của Sở Giáo dục và Đào tạo, tổ chức tập huấn cho cán bộ Hội Liên hiệp

Phụ nữ của 14 xã, phường trên địa bàn thành phố Tân An... Trong thời gian tới, để phong trào “Chống RTN” lan tỏa trong cộng đồng, tỉnh sẽ triển khai thực hiện một số giải pháp như:

Thứ nhất, tăng cường công tác thu gom, vận chuyển, xử lý RTN nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu chất thải nhựa đối với môi trường tự nhiên; tăng cường kiểm soát việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, rác thải; tập trung các nguồn lực để giải quyết triệt để các vấn đề ô nhiễm môi trường từ chất thải, rác thải đang ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sinh kế của người dân; xử lý nghiêm đối với các đơn vị có hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải và phế liệu, quản lý chất thải nguy hại.

Thứ hai, huy động sự tham gia của toàn thể cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan, đoàn thể thu gom, phân loại các sản phẩm đã sử dụng làm từ nhựa, bao bì, túi ni lông;

treo băng zôn với nội dung phòng, chống rác thải nhựa tại các khu vực cơ quan; tổ chức các hoạt động có sự tham gia trực tiếp của cộng đồng như: Chiến dịch “Nói không với sản phẩm nhựa dùng một lần”, chiến dịch ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom xử lý chất thải, rác thải, khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh, mương, ao, hồ, hệ thống thoát nước. Tổ chức các lớp học giáo dục môi trường, thực hiện các hoạt động thu gom và tái chế RTN, túi ni lông tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các khu dân cư tập trung... nhằm khuyến khích người tiêu dùng giảm việc sử dụng các sản phẩm nhựa và túi ni lông, thay đổi thói quen vứt rác bừa bãi, nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng.

Thứ ba, từng bước xây dựng quy trình phân loại và thu gom phế thải nhựa có thể tái chế và triển khai hình thức dán nhãn mác rõ ràng lên tất cả các vật liệu để xác định khả năng tái chế của sản phẩm; khuyến khích người dân hướng đến sử dụng các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường; tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, trung tâm thương mại và siêu thị cắt giảm sử dụng nhựa, giảm thiểu đóng gói bao bì sản phẩm bằng nhựa và ni lông; sử dụng các sản phẩm từ vật liệu thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông; vận động các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia xã hội hóa công tác BVMT, thực hiện trách nhiệm xã hội, trong đó có trách nhiệm BVMT■

**NGUYỄN VĂN QUÝ -
CHÂU LOAN**

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH: Gắn liền tăng trưởng kinh tế với công tác bảo vệ, cải tạo môi trường

Ngày 28/5/2020, Đảng bộ Công ty Nhiệt điện Thái Bình đã tổ chức Đại hội lần thứ II, nhiệm kỳ 2020-2025. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ Công ty Nhiệt điện Thái Bình đã trải qua quá trình chuyển đổi mô hình từ Chi bộ Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình thành Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh Thái Bình (tháng 5/2016). Đến tháng 5/2019, Đảng bộ Công ty Nhiệt điện Thái Bình trực thuộc Đảng ủy Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5 năm qua, Đảng ủy Công ty Nhiệt điện Thái Bình đã phát huy tốt vai trò là hạt nhân trong tổ chức quản lý, điều hành, đẩy mạnh công tác Đảng, tăng cường kiểm tra, giám sát, hoàn thành nhiệm vụ quản lý Dự án xây dựng, lắp đặt Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình, song song với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ I đề ra.

Theo đó, các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng đều đạt và vượt kế



▲ Đồng chí Tạ Trung Kiên - Bí thư Đảng bộ, Giám đốc Công ty Nhiệt điện Thái Bình điều hành Đại hội

hoạch như: Tổng tiến độ của Dự án xây dựng, lắp đặt Nhà máy nhanh hơn 23 ngày; Giá trị giải ngân vốn đầu tư xây dựng vượt kế hoạch giao; Sản lượng 4 tháng đầu năm 2020 đạt 115,85% so với kế hoạch đặt ra (đạt 34,99% kế hoạch năm 2020); Bên cạnh

đó, công tác quản lý kỹ thuật, sửa chữa, an toàn vệ sinh lao động... được triển khai đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy định, do đó, từ khi Nhà máy đi vào vận hành đến nay, không có tai nạn lao động xảy ra; đời sống vật chất và tinh thần cán bộ, công nhân viên và



▲ Đại diện Đảng ủy Tập đoàn EVN tặng hoa chúc mừng Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Nhiệt điện Thái Bình khóa II nhiệm kỳ 2020-2025. Đồng chí Tạ Trung Kiên (đứng thứ 4 từ phải sang) được Đại hội tín nhiệm tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư.



▲ Toàn cảnh Đại hội



▲ Không gian xanh của Nhà máy

người lao động luôn được quan tâm và nâng cao; Ngoài ra, Công ty còn phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảng bộ Công ty chủ động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm các nội quy, quy chế quản lý nội bộ; quản trị chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý dự án, sản xuất kinh doanh đúng hướng, đúng pháp luật; tăng cường ứng dụng tự động hóa vào công tác quản lý; sắp xếp hợp lý bộ máy tổ chức sản xuất; tăng cường công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân viên chức, lao động...

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt bảo vệ môi trường trong các nhà máy nhiệt điện có nhiều vấn đề nhạy cảm, Đảng bộ Công ty đã chỉ đạo áp

dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng thời chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp sửa chữa, bảo dưỡng, trùng tu các hệ thống xử lý khí thải, nước thải, lọc bụi để đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường khi vận hành Nhà máy. Ban hành các văn bản quy định đảm bảo môi trường, thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công ty cũng đã đầu tư hệ thống giám sát phát thải kết nối trực tuyến với Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Thái Bình và Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Triển khai trồng

1.473 m² cỏ và 1.280 cây các loại trong Nhà máy nhằm tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp; Trồng gần 3.500 cây phi lao xung quanh nhà máy và xung quanh bãi xỉ tạo thành một vành đai xanh để tránh phát tán bụi...

Trong nhiệm kỳ tới, Đảng bộ Công ty vẫn xác định một trong những mục tiêu tổng quát, hàng đầu là gắn công tác sản xuất kinh doanh với công tác bảo vệ, cải tạo môi trường. Theo đó, chỉ đạo thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ các hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP), hệ thống khử lưu huỳnh khói lò (FGD), hệ thống xử lý nước thải...; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phát hiện những tồn tại, khắc phục kịp thời các thiết bị bảo vệ môi trường, đảm bảo không để sự cố xảy ra.

Từ kết quả của nhiệm kỳ trước, Ban chấp hành Đảng bộ Công ty khóa II, nhiệm kỳ 2020-2025 sẽ tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm; phát huy dân chủ, tiếp tục đổi mới, sáng tạo, quyết tâm thực hiện hoàn thành mục tiêu và các nhiệm vụ đã đặt ra.

HOÀNG ĐÀN

Kinh nghiệm áp dụng quy định về đánh giá tác động sức khỏe và tác động môi trường của một số quốc gia trên thế giới

ThS. VŨ THẾ HƯNG, PGS. TSKH. NGUYỄN XUÂN HẢI

ThS. ĐỖ MAI PHƯƠNG

Vụ Thẩm định đánh giá tác động môi trường, Tổng cục Môi trường

TS. NGUYỄN THỊ THU HIỀN

Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Tren thế giới, khái niệm đánh giá tác động sức khỏe (HIA) để dự báo, đánh giá tác động do các dự án phát triển ảnh hưởng đến sức khỏe ở góc độ y tế cộng đồng và dịch tễ học. Việc áp dụng HIA có nhiều hình thức khác nhau, phụ thuộc vào trình độ phát triển và hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Đặc biệt là phụ thuộc vào chính sách về y tế cộng đồng, môi trường - xã hội. Trong khi đó, khái niệm về đánh giá tác động môi trường (EIA) đã được hình thành, định nghĩa và triển khai áp dụng từ những năm 1970. EIA để dự báo, đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của các dự án phát triển đến môi trường, cũng như hiệu quả các biện pháp BVMT được đề xuất, định hướng về chương trình quản lý, giám sát môi trường.

Đối với các nước phát triển, HIA được áp dụng từ nhiều năm dưới hình thức báo cáo riêng và được lập cho các dự án phát triển, đồng thời được tích hợp vào quy hoạch ở tầm vĩ mô. Tại các quốc gia như khối liên hiệp Anh, Canada đều có các quy định pháp luật riêng liên quan đến việc thực hiện HIA. Tại Anh, Luật Chăm sóc xã hội và sức khỏe năm 2012 quy định việc thực hiện HIA đối với các dự án phát triển quy mô lớn, trách nhiệm thẩm định của chính quyền địa phương. Ở tầm vĩ mô, khung chính sách quy hoạch quốc gia năm 2012 (cập nhật lần đầu năm 2018) cũng đặt ra các mục tiêu về HIA trong quy hoạch để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững và hình thành một xã hội khỏe mạnh về y tế để đảm bảo tương lai phát triển lâu dài. Hà Lan và xứ Wales cũng có quy định về HIA từ nhiều năm. Đặc biệt, xứ Wales đã thành lập Ủy ban HIA quốc gia từ năm 2001 và hoạt động hiệu quả. Một số quốc gia khu vực Đông Âu như Litva đã áp dụng Luật Chăm sóc y tế công năm 2002 (chỉnh sửa năm 2007) quy định,

cơ quan y tế dự phòng thẩm định báo cáo HIA cho các dự án phát triển mới.

Theo một số hướng dẫn kỹ thuật của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), HIA có thể được tiến hành qua 9 bước: Phân tích chính sách; Rà soát hồ sơ sức khỏe của cộng đồng dân cư; Phỏng vấn dân cư; Lập báo cáo hiện trạng (có bằng chứng, số liệu); Nhận dạng những chỉ số sức khỏe mang tính chỉ thị có khả năng bị ảnh hưởng; Đánh giá hiện trạng sức khỏe và môi trường; Đưa ra những tác động chính đến sức khỏe; Đề xuất biện pháp giảm thiểu và khuyến cáo; Lập báo cáo HIA. Hiện nay, HIA được sử dụng phổ biến ở các nước châu Âu, Bắc Mỹ, Ôxtrâylia, New Zealand. Lập báo cáo HIA đang trở thành xu hướng và yêu cầu bắt buộc trong nhiều dự án phát triển lớn cả ở khu vực công và khu vực tư của các nước phát triển. Đối với các quốc gia đang phát triển ở khu vực châu Á, việc xem xét thực hiện HIA dưới hình thức báo cáo riêng, độc lập hoặc báo cáo chung cùng với báo cáo EIA cũng đang được nghiên cứu áp dụng.

Tại Thái Lan, hệ thống pháp luật về HIA đã được hình thành và phát triển từ

nhiều năm, bao gồm Hiến pháp (1997), Luật Y tế quốc gia (2007) và Luật Cải thiện và Bảo vệ chất lượng môi trường quốc gia (1992). HIA được quy định trong Luật Y tế quốc gia, cụ thể: Điều 11 của Luật cho phép người dân có quyền yêu cầu và tham gia vào HIA trong các chính sách công, chương trình hoặc dự án. Hiến pháp Thái Lan cũng cho phép người dân có quyền được nhận thông tin, được giải thích và giải trình đối với các dự án đầu tư công, cũng như bất kỳ hoạt động, hay dự án nào ảnh hưởng đến sức khỏe. Đồng thời, Thái Lan đã ban hành các quy định và quy trình HIA, tăng cường nội dung HIA trong đánh giá tác động môi trường và xã hội, triển khai công tác HIA trên toàn quốc, cũng như từng bước mở rộng trong khu vực Đông Nam Á. Quy định pháp luật của Thái Lan cũng bắt buộc phải thực hiện HIA với hình thức lập báo cáo riêng, cho 12 loại hình dự án có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như nhiệt điện, thủy điện, các công trình hầm chúa nước, khai thác than, khoáng sản... Đối với các dự án không thuộc nhóm 12 dự án trên, việc thực hiện HIA



▲ Thủy điện Trung Sơn, Thanh Hóa - một trong những dự án đã thực hiện báo cáo HIA độc lập

được tiến hành lồng ghép trong quá trình thực hiện EIA. Kết quả thực hiện HIA được tổng hợp vào 1 chương trong báo cáo EIA và việc thẩm định nội dung HIA thực hiện cùng quá trình thẩm định EIA. Báo cáo HIA sẽ được Ủy ban Sức khỏe quốc gia Thái Lan, một cơ quan quản lý độc lập và thường trực tại Văn phòng Chính phủ thẩm định.

Campuchia, khung pháp lý chi tiết được xây dựng cho quy trình EIA, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng đối với HIA thông qua việc kết hợp hai điều khoản về HIA trong Phần 5 Chương 4 dự thảo Luật mới về EIA. Campuchia ban hành Luật BVMT và quản lý tài nguyên thiên nhiên năm 1996 và Nghị định về EIA do Chính phủ Hoàng gia Campuchia ban hành năm 1999.

Lào, chính sách quốc gia về HIA được quy định từ năm 2006, trong đó, tích hợp HIA vào quy trình EIA. Quy định này gồm 4 yêu cầu: Tất cả các dự án phát triển phải thực hiện HIA; đảm bảo các tác động tiêu cực đến sức khỏe được nhận dạng; giảm rủi ro cho công nhân và người dân xung quanh dự án; tăng cường giám sát các tác động và rủi ro sức khỏe cho công nhân, người dân trong khu vực dự án. Từ năm 2011 -

2017, Bộ Y tế Lào đã xem xét, thẩm định 8 báo cáo của HIA và Kế hoạch hành động quản lý y tế công cộng cho các dự án cơ sở hạ tầng khác nhau, đặc biệt là phát triển thủy điện. Tại Lào, sự tích hợp của HIA trong EIA còn mang tính sơ bộ, mặc dù các báo cáo HIA toàn diện là cần thiết nhưng khó triển khai do nguồn lực tài chính còn hạn chế.

Malaixia, áp dụng HIA thông qua việc tích hợp vào quy trình EIA. Năm 1975, các vấn đề sức khỏe đã được đưa vào Phần 34A của Luật Chất lượng Môi trường nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm, cũng như cải thiện môi trường. Các cơ chế tiếp theo để thực hiện HIA trong EIA gồm Chỉ thị về EIA năm 1987 và hướng dẫn kỹ thuật về EIA, trong đó, Bộ Y tế

tham gia vào quá trình thẩm định nội dung về sức khỏe trong báo cáo EIA. Malaixia đã thành lập một diễn đàn về HIA, được sử dụng để tham vấn khi áp dụng HIA cho dự án, cũng như HIA cho kế hoạch, quy hoạch thông qua Bộ Y tế - đơn vị thẩm định kỹ thuật và tạo kết nối với công chúng đối với dự án mới. Hiện tại, Malaixia có một tài liệu hướng dẫn về HIA trong EIA, phát hành năm 2009.

Philippines, HIA được tích hợp trong quy trình EIA thông qua hệ thống Tuyên bố tác động môi trường năm 1978, khung pháp lý và hướng dẫn quốc gia về đánh giá tác động môi trường và sức khỏe (EHIA) năm 1997 và Luật Vệ sinh môi trường năm 1978. Tuy nhiên, khung pháp lý chưa được sửa đổi và Luật

quốc gia về HIA chưa được đề xuất. Từ năm 2019, việc nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên từ Bộ Y tế và Bộ TN&MT Philippin được hỗ trợ thông qua khóa đào tạo do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tài trợ.

Hàn Quốc, Luật Sức khỏe Môi trường năm 2008 yêu cầu triển khai EIA, HIA trong các dự án, chương trình được lựa chọn và một hướng dẫn quốc gia về HIA được áp dụng theo Luật này. Hiện nay, việc xác định và mở rộng các yếu tố quyết định sức khỏe là một thách thức lớn. Một số dự án nâng cao năng lực HIA được hỗ trợ thông qua Viện Y tế và Xã hội Hàn Quốc, tuy nhiên năng lực quản lý và kỹ thuật của chính quyền địa phương tại quốc gia này vẫn cần tiếp tục cải thiện.

Ở Việt Nam, khung pháp lý để thực hiện HIA một cách độc lập dưới hình thức báo cáo riêng, hoặc tích hợp một phần nội dung HIA trong EIA đang được nghiên cứu, áp dụng thử nghiệm và đề xuất. HIA đã được quy định trong Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007, cụ thể tại khoản 2 Điều 17 quy định: Các dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh truyền nhiễm chỉ được xây dựng khi có thẩm định của cơ quan y tế có thẩm quyền về báo cáo HIA. Tuy nhiên, do thiếu các quy định chi tiết trong Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế, thiếu các hướng dẫn kỹ thuật nên kết quả triển khai HIA trong thực tế còn hạn chế và vuông mắc nhất định. Trong đó, Điều 22 Luật BVMT năm 2014 quy định nội dung chính của báo cáo EIA bao gồm việc đánh giá, dự báo các nguồn thải và tác động của dự án đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, không quy định việc lồng ghép một phần nội dung HIA trong EIA.

Trong thời gian qua, một số dự án lớn triển khai ở nước ta có sử dụng vốn vay của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), ADB, Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) đã thực hiện HIA dưới hình thức báo cáo riêng. Đến năm 2016, đã có 3 báo cáo HIA độc lập được

thực hiện theo yêu cầu của các nhà tài trợ cho các dự án: Thủy điện Trung Sơn, Thanh Hóa; Thủy điện Sông Bung, Quảng Nam và di dân tái định cư của Thủy điện Sơn La.

Từ kinh nghiệm và thực tiễn áp dụng khung pháp lý về HIA tại một số quốc gia châu Á đã chỉ ra những thách thức chính và giải pháp như:

Khung pháp lý cho HIA: Hàn Quốc và Thái Lan đã có khung pháp lý rõ ràng đối với HIA thông qua việc ban hành Luật, đặc biệt Thái Lan đã có yêu cầu về việc thực hiện HIA trong Hiến pháp. Campuchia, Malaixia và Việt Nam đang đặt mục tiêu tăng cường, sửa đổi khung pháp lý của HIA, trong khi Lào và Philippin có mục tiêu soạn thảo Luật riêng về HIA.

Hướng dẫn kỹ thuật HIA: Hầu hết các quốc gia đã có hướng dẫn chung và/hoặc hướng dẫn HIA cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực; trong khi một số quốc gia đang có kế hoạch sửa đổi các hướng dẫn hiện có (Malaixia và Philippin), hiện đang xây dựng hướng dẫn kỹ thuật (Việt Nam) hoặc chưa xây dựng hướng dẫn kỹ thuật (Campuchia); Lào đang tập trung vào việc soạn thảo các hướng dẫn cụ thể hơn.

Nâng cao năng lực: Ghi nhận nhu cầu đào tạo HIA ở một số quốc gia như ở Lào, Malaixia, Hàn Quốc, Thái Lan và Việt Nam cho các cán bộ thực thi ở cơ quan Trung ương, ngoài ra, cần thiết thực hiện các hoạt động đào tạo ở cấp địa phương, cũng như mở rộng đối tượng cho các học viên HIA. Việc kết hợp HIA vào chương trình giảng dạy đại học là mục tiêu của Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Đồng thời, việc phát triển hệ thống tài liệu tham khảo về HIA là một nội dung quan trọng đối với tất cả các quốc gia này.

Bên cạnh EIA, từ kinh nghiệm của những quốc gia đã phát triển trên thế giới, các nước đang phát triển khu vực châu Á và tổ chức quốc tế cho thấy, HIA là một phương pháp tiếp cận khoa học về đánh giá tác động (IA), hứa hẹn sẽ nâng cao vai trò y tế cộng đồng trong quá trình hình thành chính sách, quy hoạch và đánh giá vòng đời dự án. Ngoài ra, việc áp dụng HIA sẽ là công cụ quản lý tiềm năng, nâng cao trách nhiệm xã hội ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu, góp phần thực hiện các mục tiêu chung về phát triển bền vững■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. ADB. 2018. *Health impact assessment: a good practice sourcebook*. Manila:Asian Development Bank và kết quả một số hội thảo do Asian Development Bank tổ chức từ 2016 - 2017 trong khuôn khổ Hợp phần mã số 8763: loại trừ bệnh sốt rét và kiểm soát nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm khu vực Châu Á và Thái Bình Dương (RECAP).
2. Birley M. 2011. *Health Impact Assessment: Principles and Practice*. Abingdon: Earthscan.
3. Chanchitpricha C, Bond A. 2018. *Investigating the effectiveness of mandatory integration of health impact assessment within environmental impact assessment (EIA): a case study of Thailand*.

Một số vấn đề về môi trường và sử dụng đất đai trong định hướng phát triển giao thông đô thị Hà Nội

NGUYỄN VŨ TRUNG

Tổng cục Môi trường

Những năm gần đây, TP. Hà Nội đã có nhiều nỗ lực trong việc đầu tư, cải thiện hạ tầng giao thông, tuy nhiên, tình trạng ùn tắc, quá tải, kẹt xe, ô nhiễm môi trường do khói bụi của các phương tiện vẫn đang là thách thức đối với TP. Vì vậy, việc đánh giá các bất cập, đưa ra các tiêu chí về môi trường và sử dụng đất đai trong quy hoạch giao thông của TP là cần thiết để phát triển giao thông đô thị Hà Nội đồng bộ, bền vững.

MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ

Thời gian qua, nhiều công trình hạ tầng giao thông của TP đã được hoàn thành, giúp giảm tải áp lực, tăng cường kết nối giao thông, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, theo thống kê, mỗi năm, dân số Hà Nội tăng thêm khoảng 200.000 người, trong khi đó, tốc độ phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ chỉ tăng khoảng 3%/năm, quỹ đất dành cho giao thông tăng chưa đến 1%/năm. Trong khi đó, số lượng phương tiện cá nhân tăng nhanh và đa số đều di chuyển xuyên qua khu vực

lõi đô thị, nơi mà diện tích đất dành cho giao thông hạn chế, nên tình trạng tắc đường, kẹt xe xảy ra thường xuyên nhất là vào giờ cao điểm.

Quá trình đô thị hóa khiến một lượng lớn người dân từ các tỉnh lân cận tập trung về Hà Nội ngày càng tăng, kéo theo sự gia tăng về số lượng phương tiện cá nhân, đặc biệt là xe máy. Theo thống kê của Hiệp hội Vận tải Hà Nội, hiện trên địa bàn Hà Nội có khoảng 5,7 triệu chiếc xe máy. Một số công trình đang khai thác đã có lưu lượng xe vượt nhiều lần so với thiết kế, như cầu Thanh Trì, đường vành đai 3 trên cao có lưu lượng 122.606 xe/ngày đêm (gấp 8,1 lần lưu lượng thiết kế); cầu Vĩnh Tuy 75.596 xe/ngày đêm (gấp 6,3 lần thiết kế); đường Tố Hữu vào các giờ cao điểm lưu lượng vượt khả năng thông hành từ 1,1 -

1,4 lần...Thêm vào đó, nhiều phương tiện cá nhân không thực hiện nghiêm túc chế độ bảo dưỡng định kỳ là nguyên nhân làm tăng lượng khí phát thải ra môi trường với mức độ độc hại ngày càng lớn. Đặc biệt, nhiều phương tiện cũ nát, quá hạn sử dụng vẫn tham gia giao thông, không chỉ đe dọa đến sự an toàn tính mạng cho người tham gia giao thông mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng không khí, đe dọa đến sức khỏe và cuộc sống của người dân thủ đô.

Ngoài ra, tình trạng ngập sâu, thời gian kéo dài ở nhiều tuyến phố vào mùa mưa, gây ô nhiễm môi trường kéo theo các nguy cơ lan truyền các dịch bệnh. Mặt khác, quá trình phát triển giao thông nói riêng cũng như quá trình phát triển đô thị Hà Nội nói chung trong những năm vừa qua với việc bê tông hóa đô thị đã làm suy thoái nghiêm trọng các tầng chứa nước dưới. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu và đánh giá đúng mức để có được định hướng trong phát triển giao thông đô thị Hà Nội trong những năm tới.

CÁC TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG ĐẤT TRONG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Để phát triển hệ thống giao thông đô thị Hà Nội trong tương lai đáp ứng các yêu cầu của phát triển bền vững, cần chú ý đến các tiêu chí liên quan đến BVMT như:



▲ Quy hoạch giao thông đô thị Hà Nội cần gắn kết với các tiêu chí BVMT -
Ảnh: Zingnews



▲ Phát triển giao thông đô thị phải gắn liền với quy hoạch phát triển chung

Đánh giá đầy đủ các tác động của phát triển giao thông đô thị đối với các giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan, sinh thái

Thủ đô Hà Nội hiện nay có thể chia thành hai không gian phát triển chính: Không gian phát triển gắn kết với bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan; Không gian phát triển mở rộng (sau năm 1954). Đối với quá trình phát triển giao thông đô thị tại các khu vực không gian phát triển gắn kết với bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan cần bảo đảm không làm thay đổi hoặc làm mất đi các giá trị cần được bảo vệ, gắn phát triển với bảo tồn các giá trị của Hà Nội 1000 năm văn hiến. Mặt khác, đối với các vùng sinh thái nhạy cảm của Thủ đô như Vườn Quốc gia Ba Vì cũng cần đánh giá các tác động của phát triển giao thông có thể xảy ra gây tổn thương đến các hệ sinh thái. Đối với không gian phát triển mở rộng cần gắn kết với quy hoạch phát triển không gian chung, đảm bảo hài hòa giữa phát triển giao thông với cảnh quan kiến trúc đô thị, tạo nên một giá trị hiện đại đối với bộ mặt phát triển chung của Thủ đô, xứng với tầm vóc là trái tim của đất nước và khẳng định vị thế đối với khu vực và thế giới.

Định hướng và phương án phát triển giao thông đô thị phải gắn liền với quy hoạch phát triển chung đô thị và gắn kết với cải tạo, chỉnh trang bộ mặt kiến trúc đô thị:

Trong những vùng không gian mở rộng của Hà Nội, có thể nhận thấy, việc định hướng phát triển đô thị không có sự gắn kết với định hướng phát triển giao thông. Đặc biệt, có sự khác biệt

chỉ số về tỷ lệ phân bố các tuyến đường giữa vùng không gian cũ và không gian mở rộng: tỷ lệ tại quận Hoàn Kiếm là 12,53 km/km², trong khi đó ở các quận mới được thành lập, chỉ số mật độ đường rất nhỏ, đặc biệt quận Long Biên và Hà Đông chỉ đạt 0,95 km/km². Rõ ràng, việc quy hoạch chung đô thị không gắn kết đồng bộ với hệ thống đường giao thông là nguyên nhân tất yếu gây tắc nghẽn giao thông nghiêm trọng, đặc biệt là ở các cửa ngõ của Thủ đô...

Việc quy hoạch phát triển giao thông đô thị rất cần được nghiên cứu hợp lý giữa quỹ đất dành cho phát triển giao thông đặc biệt là các vùng nội đô mở rộng và đảm bảo bộ mặt kiến trúc đô thị. Việc giải quyết vấn đề trên đối với các khu vực mở rộng không phải là quá khó khăn nếu chúng ta gắn kết một cách khoa học giữa phương án phát triển chung đô thị và phương án phát triển giao thông. Mặt khác, các con đường được mở mới hoặc nâng cấp trong thời gian vừa qua quá tốn kém không phải do

kinh phí đầu tư cho các hạng mục công trình mà lại chính là kinh phí dành cho giải phóng mặt bằng và tái định cư. Khi phát triển giao thông đô thị cần nghiên cứu để tạo ra vùng không gian đệm để chỉnh trang đô thị. Vấn đề về kinh phí sẽ được giải quyết hợp lý khi chuyển đổi các giá trị đền bù tái định cư bằng giá trị kinh tế của các vùng đệm này mang lại. Mặt khác, việc đầu tư cho các không gian mang giá trị kinh tế và kiến trúc hiện đại tại các vùng đệm này đương nhiên sẽ tạo ra diện mạo hiện đại cho Thủ đô. Các vùng đệm này cũng sẽ tạo ra giá trị vàng để chúng ta tạo ra một quỹ đất và nhà tái định cư cho các hộ dân cư bị giải tỏa.

Hệ thống giao thông đô thị phải được phát triển đồng bộ

Việc phát triển hệ thống giao thông đồng bộ phát triển các phương tiện giao thông công cộng với mục đích giảm lượng phương tiện giao thông cá nhân là biện pháp hữu hiệu để giải quyết tình trạng tắc đường hiện nay. Cần nghiên cứu để phát triển hệ thống

giao thông đồng bộ, hợp lý và khoa học giữa hệ thống giao thông ngầm, hệ thống giao thông mặt đất và hệ thống giao thông trên cao đảm bảo liên thông giữa các tuyến giao thông.

Việc phát triển hệ thống giao thông cũng cần nghiên cứu để kết nối hài hòa giữa giao thông đường bộ và đường sắt, điều này có thể vừa tiết kiệm được quỹ đất dành cho phát triển giao thông vừa tạo thuận tiện cho việc chuyển đổi các phương tiện đi lại trong đô thị một cách dễ dàng và hiệu quả. Mặt khác, cũng cần tạo ra sự kết nối liên tục giữa hệ thống giao thông nội đô với hệ thống giao thông liên tỉnh đi xuyên qua trung tâm Hà Nội. Cần tạo ra những nút trung chuyển vận tải có sự kết hợp cả ba hệ thống giao thông trong tương lai của Thủ đô là hệ thống giao thông ngầm, mặt đất và trên cao.

Với sự mở rộng và phát triển mọi mặt kinh tế - xã hội như hiện nay, hệ thống giao thông đô thị theo ô bàn cờ tại Hà Nội không còn phù hợp, các tuyến giao thông đô thị cần phát triển theo các trục xuyên tâm và các tuyến đường vành đai một cách khoa học để hạn chế lượng hành khách đi vào trung tâm gây ra ùn tắc. Một số tuyến đường có tính chất huyết mạch giao thông, khi phát triển giao thông trên cao cần kết hợp cả đường bộ, đường sắt. Điều này sẽ giảm đáng kể quỹ đất và kinh phí dành cho phát triển giao thông khi cải tạo và khai thác hợp lý các tuyến đường bộ và đường sắt hiện tại.

Phát triển giao thông đô thị gắn với BVMT

Việc phát triển đồng bộ hệ thống giao thông kết hợp với tăng cường và hiện đại hóa các phương tiện giao thông công cộng là biện pháp hữu hiệu để giảm đáng kể lượng khí thải do các phương tiện giao thông gây ra. Tuy nhiên, để bảo đảm có một môi trường giao thông thân thiện cần đồng bộ giữa phát triển giao thông với hệ thống thoát nước, cây xanh và giảm thiểu bê tông hóa trong quá trình phát triển.

Thiết kế hệ thống tiêu thoát nước trong phát triển giao thông đô thị phù hợp với quy mô phát triển giao thông đô thị và phát triển chung của Thủ đô. Thông thường hệ thống thoát nước đô thị thường được xây dựng gắn với phát triển giao thông đô thị, vì vậy nếu không đồng bộ hóa hai hệ thống này không những bất cập về tiêu thoát nước đô thị mà còn gây cản trở và làm gián đoạn quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông đô thị.

Cần dành quỹ đất hợp lý để phát triển hệ thống cây xanh, thảm phủ thực vật để cải thiện môi trường không khí trong phát triển giao

thông đô thị và bổ cập cho các tầng chứa nước dưới đất. Giao thông đô thị rất cần các vành đai xanh, một mặt tạo ra cảnh quan đô thị thân thiện, mặt khác đây là bộ lọc không khí hữu hiệu cho môi trường đô thị. Trong các trường hợp có thể cần tạo ra những thảm phủ, vỉa hè, hành lang bảo vệ dọc tuyến đường giao thông có thể thấm nước để hạn chế các tác động tiêu cực đến các tầng chứa nước do quá trình bê tông hóa đô thị.

Để giao thông đô thị thực sự được gắn kết với BVMT, trong quá trình quy hoạch và phát triển cần phải đặt ra các giải pháp ngăn ngừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường nhằm đảm bảo phát triển giao thông đô thị bền vững về môi trường. Trong đó, cần chú trọng đến phát triển các phương tiện giao thông sử dụng nguyên liệu sạch, tăng cường giám sát chất lượng môi trường trong các hoạt động giao thông để có thể đánh giá đúng mức độ ô nhiễm và đưa ra giải pháp phù hợp để BVMT theo các giai đoạn phát triển.

Đánh giá các rủi ro trong quá trình phát triển giao thông

Việc phát triển giao thông đô thị Thủ đô Hà Nội trong tương lai chắc chắn sẽ phải theo hướng hiện đại hóa. Vì vậy, cần đánh giá đầy đủ các rủi ro có thể xảy ra đối với hệ thống giao thông đô thị để phòng ngừa, giảm thiểu và hạn chế các rủi ro đối với quá trình phát triển.

Thủ đô Hà Nội nằm trên vùng được dự báo phải chịu đựng chấn động cấp 8, vấn đề quản lý rủi ro động đất cần được đặt ra một cách chính thức và cần được triển khai rộng rãi càng sớm càng tốt. Cần triển khai các đề tài, dự án

nghiên cứu khoa học và công nghệ theo định hướng đánh giá rủi ro động đất cho các khu vực đô thị thuộc địa bàn thành phố, nhằm đưa ra các giải pháp tốt và thiết thực cho vấn đề quản lý rủi ro trong quá trình phát triển giao thông đô thị.

Đến nay, Bộ TN&MT đã hoàn thiện Dự thảo Luật BVMT (sửa đổi) và Chính phủ đã trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội Khóa XIII. Nội dung Quy hoạch BVMT quốc gia trong Dự thảo Luật được đồng bộ với pháp luật về quy hoạch và bổ sung một số nội dung quan trọng liên quan đến nguyên tắc BVMT. Dựa trên đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, sức chịu tải của môi trường, mức độ nhạy cảm của môi trường, mức độ đa dạng sinh học, rủi ro môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu..., Quy hoạch BVMT quốc gia sẽ đưa ra các tiêu chí, nguyên tắc khoanh định các khu vực cần bảo tồn, bảo vệ, phục hồi môi trường, sinh thái (các khu vực còn lại trên địa bàn quy hoạch sẽ được ưu tiên cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường của từng khu vực). Trên cơ sở Quy hoạch BVMT quốc gia, Quy hoạch TP. Hà Nội sẽ xây dựng các phương án phát triển cụ thể, gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch; bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, đáp ứng yêu cầu về cảnh quan khu đô thị, vệ sinh môi trường, góp phần triển khai đồng bộ và hiệu quả phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng, trong đó có phương án phát triển giao thông đô thị■

Tăng cường sản xuất điện năng từ chất thải, góp phần phát triển năng lượng và bảo vệ môi trường

DƯƠNG VĂN MÃO

Bộ Công Thương

Việt Nam đang đặt ra những mục tiêu trong việc tăng cường sản xuất điện năng nhằm đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển kinh tế theo hướng “xanh”, bền vững. Theo đó, sản xuất năng lượng từ chất thải hiện đang trở thành giải pháp hữu hiệu để giải quyết các thách thức về môi trường và nhu cầu sử dụng đất tại các đô thị. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên này đang bị lãng phí mà nước ta chưa tận dụng hết cho sản xuất năng lượng.

TIỀM NĂNG SẢN XUẤT ĐIỆN TỪ RÁC

Báo cáo tại Hội thảo tham vấn “Sổ tay hướng dẫn phát triển dự án phát điện nô lối từ chất thải rắn tại Việt Nam” do Tổng Cục năng lượng, Bộ Công Thương phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) tổ chức mới đây cho thấy, với dân số hơn 93 triệu người, hàng năm lượng

rác thải sinh hoạt được thải ra tại Việt Nam rất lớn, trung bình có gần 35.000 tấn chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 34.000 tấn chất thải sinh hoạt nông thôn thải ra mỗi ngày. Ở các thành phố lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, mỗi ngày thải ra từ 7 - 8.000 tấn rác. Lượng rác hiện nay chưa được sử dụng triệt để biến thành nguồn năng lượng phục vụ cuộc sống.

Trong khi đó, công tác thu gom, xử lý rác thải còn hạn chế, phần lớn lượng rác thải tại Việt Nam đang được xử lý chủ yếu bằng công nghệ chôn lấp, đòi hỏi nhiều quỹ đất. Diện tích đất dùng làm bãy rác thì không thể dùng cho các hoạt động khác như bất động sản

hay phát triển kinh tế, đây là nguồn lãng phí lớn. Ngoài ra, có tới 80% các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường. Công tác vận chuyển hiện còn gặp nhiều khó khăn, các bãi chôn lấp chất thải thường ở xa khu dân cư làm tăng chi phí vận chuyển. Mức phí vệ sinh môi trường thu từ các hộ gia đình hiện nay mới chỉ chi trả được một phần cho hoạt động thu gom chất thải, không đủ để chi trả cũng như duy trì cho hoạt động vận chuyển.

Lượng rác thải khổng lồ thải ra mỗi ngày là gánh nặng cho xử lý môi trường, nhưng lại là tiềm năng lớn cho việc sử dụng để sản xuất thành điện ở



▲ Vận hành xử lý rác tại Nhà máy phát điện từ chất thải công nghiệp thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn (huyện Sóc Sơn, Hà Nội)

Việt Nam. Việc biến chất thải rắn thành năng lượng có thể giúp cung cấp thêm nguồn năng lượng sạch và có giá trị hợp lý, góp phần giảm tình trạng ô nhiễm rác thải rắn, góp phần BVMT. Vì vậy, theo các chuyên gia, Việt Nam cần ưu tiên các dự án phát triển điện rác quy mô lớn sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến chuyển hóa chất thải thành năng lượng.

THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ

Hiện nay trên thế giới, công nghệ đốt chất thải đã ngày càng được áp dụng rộng rãi do có một số ưu điểm nổi bật so với các công nghệ khác, như có thể giảm được 90 - 95% thể tích và khối lượng chất thải, có thể tận dụng nhiệt, tiết kiệm được diện tích so với biện pháp chôn lấp, giảm thiểu ô nhiễm nước, mùi hôi, giảm phát thải khí nhà kính so với biện pháp chôn lấp... Nắm được xu thế phát triển, một số nhà máy đốt rác phát điện ở nước ta đã đi vào hoạt động, như: Nhà máy đốt rác phát điện của Công ty TNHH Năng lượng Môi trường EB có công suất thiết kế là 400 tấn/ngày đêm, công suất hiện tại đạt 350 tấn/ngày đêm tại Cần Thơ. Tổng kinh phí đầu tư là 1.057 tỷ đồng, thời gian bắt đầu xây dựng là tháng 6/2017, hoạt động từ tháng 11/2018. Đến năm 2019, Nhà máy đã xử lý khoảng 175.000 tấn rác thải sinh hoạt của thành phố, tạo ra 53,2 triệu kWh điện. Hiện nay, mỗi ngày, nhà máy xử lý từ 400 - 430 tấn rác, chiếm khoảng 70% lượng rác thải hàng ngày của Cần Thơ.; Còn tại Quảng Bình, Nhà máy phân loại xử lý rác thải, sản xuất biogas và phân bón hóa hữu cơ trực thuộc Công ty TNHH Phát triển dự án Việt Nam (VNP) là một tổ hợp xử lý rác thải sinh hoạt và sản xuất năng lượng tái tạo có tổng công suất 10MW điện, sử dụng 100% thiết bị, công nghệ đồng bộ, khép kín, hiện đại và tiên tiến của Cộng hòa Liên bang Đức. Ngoài ra, còn có một số nhà máy đốt rác đã được khởi công xây dựng và đang chuẩn bị đưa vào hoạt động, như: Dự án nhà máy điện rác Vĩnh Tân, tỉnh Đồng Nai (công suất 600 tấn/ngày, công suất phát điện 30MW); Nhà máy điện rác Sóc Sơn, Hà Nội (công suất 4.000 tấn/ngày, công suất phát điện 75MW); Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt phát điện Trạm Thủ Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

(công suất 500 tấn/ngày); hai Nhà máy đốt rác phát điện tại Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh (của Vietstar và Tâm Sinh Nghĩa, công suất mỗi nhà máy 1.000 tấn/ngày)...

Tuy nhiên, theo các chuyên gia, hiện doanh nghiệp còn gặp không ít rào cản về chính sách dù vốn và công nghệ đã sẵn sàng. Để xây dựng nhà máy xử lý rác phát điện với công nghệ hiện đại đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn từ doanh nghiệp. Song hiệu suất của các nhà máy điện rác khoảng 20 - 25%, kém hơn nhiều so với các nhà máy nhiệt điện khoảng 40 - 42%. Do công suất điện phát lên lưới quốc gia nhỏ nên thời gian thu hồi vốn của các dự án này thường kéo dài, từ 10 - 20 năm. Trong khi đó, giá điện bán lên lưới cho loại hình dự án này được nhà nước ưu đãi là 10,05 US cents/kWh cho các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn sử dụng công nghệ đốt trực tiếp theo Thông tư số 32/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu. Với mức giá này, nhà đầu tư có lãi. Nhưng giá mua điện mới chỉ áp dụng đối với các dự án phát điện đốt chất thải rắn trực tiếp và đối với các dự án phát điện đốt khí thu hồi từ bã chôn lấp chất thải. Các công nghệ mới trong lĩnh vực điện rác như: Khí hóa phát điện, đốt phát điện, lên men tạo khí biogas phát điện... lại có giá mua điện chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ.

Bên cạnh đó, mặc dù Chính phủ đã ban hành Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam. Theo đó, các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn được hưởng

các ưu đãi về vốn đầu tư và thuế, được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành nhưng các dự án xử lý chất thải phải theo quy hoạch ngành điện. Hiện nay, do chưa có các hướng dẫn cụ thể thực hiện Luật Quy hoạch nên việc bổ sung các dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực bị kéo dài. Ngoài ra, các thủ tục cho đầu tư xử lý rác thường phức tạp, kéo dài, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong công tác triển khai.

Trong những năm tới, để thực hiện mục tiêu đề ra trong Nghị quyết 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tăng cường phát triển các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối, các chuyên gia đề xuất: cần rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật, quy trình, thủ tục còn vướng mắc giữa các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng trong lĩnh vực quản lý chất thải sinh hoạt đô thị (pháp luật về PPP, các quy định phát triển dự án điện rác, công tác quy hoạch...); Quy hoạch phát triển nguồn điện sử dụng chất thải rắn phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan. Đồng thời, đơn giản hóa thủ tục hành chính để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào xử lý chất thải rắn, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên BVMT■

Hà Tĩnh - Điểm sáng về thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới



▲ Người dân xã Xuân Yên (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) được cung cấp giỏ đựng rác và hướng dẫn về cách phân loại rác tại hộ gia đình

T hời gian qua, với sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự hưởng ứng và tham gia tích cực của người dân, Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) tại Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả khả quan, trở thành điểm sáng của cả nước. Trong đó, BVMT được xem là tiêu chí quan trọng trong xây dựng NTM ở Hà Tĩnh và đã được tính đặc biệt chú trọng.

Nhận thức sâu sắc xây dựng NTM là Chương trình có nội dung toàn diện, bao gồm kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, quốc phòng - an ninh. Vì vậy, ngay từ khi bắt đầu triển khai Chương trình xây dựng NTM, các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân Hà Tĩnh đã xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt và nhanh chóng trở thành phong trào rộng khắp trong toàn tỉnh thông qua nhiều giải pháp sáng tạo, thiết thực. Trong quá trình triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM, nhận thấy tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm là tiêu chí khó thực hiện nhất, Hà Tĩnh đã tập trung phát huy nội lực, làm tốt công tác vận động, huy động sức mạnh đoàn kết của các cấp chính quyền và nhân dân để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.

Là cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn về nội dung môi trường, Sở TN&MT đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh Hà Tĩnh ban

hành các văn bản quy định về thực hiện tiêu chí môi trường (TCMT) trong xây dựng NTM như: Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 15/3/2017 về tăng cường công tác vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 17/2/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện tại Hà Tĩnh, trong đó TCMT tăng lên so với Bộ tiêu chí cũ (từ 5 lên 8 chỉ tiêu), với nhiều nội dung mới về xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh; BVMT trong chăn nuôi; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh... Để hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện TCMT, Sở TN&MT cũng ban hành một số văn bản như số 726/STNMT-CCMT ngày 21/3/2017 về việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến tiêu chí số 4.4 Môi trường trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM kiểu

mẫu; số 2505/STNMT-CCMT ngày 22/8/2017 về việc hướng dẫn thực hiện, đánh giá thẩm định các nội dung tiêu chí số 17, cùng nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc các địa phương thực hiện công tác BVMT trong xây dựng NTM. Ngoài ra, hàng năm, Sở TN&MT cũng lập đoàn kiểm tra, hướng dẫn đối với các xã trên địa bàn tỉnh về thực hiện tiêu chí số 17, đặc biệt chú trọng đến vấn đề môi trường. Năm 2017 và 2018, Sở TN&MT đã đánh giá lại việc thực hiện TCMT tại các xã theo quy định mới về Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM. Qua kiểm tra cho thấy, tình hình thực hiện TCMT tại các xã có chuyển biến tích cực. Phần lớn các xã đã cải thiện công tác BVMT, xây dựng cơ sở hạ tầng để giải quyết triệt để vấn đề vệ sinh môi trường nông thôn như tăng cường kiểm soát việc sử dụng hóa chất nông nghiệp, đẩy mạnh công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc trừ sâu, phân bón, thức ăn chăn nuôi; xây dựng hố rác theo quy trình đảm bảo vệ sinh môi trường. Tiêu biểu như các huyện: Vũ Quang, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Hương Sơn đã có những cách làm sáng tạo trong thực hiện tiêu chí số 17.

Đặc biệt, trong năm 2019, Văn phòng điều phối xây dựng NTM Hà Tĩnh đã phối hợp với Sở TN&MT, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ Hà Tĩnh đã triển khai Đề tài “Đồng bộ hóa quản lý và kỹ thuật trong xử lý rác và nước thải sinh hoạt trong khu dân cư”. Việc triển khai Đề tài trên đã góp phần



tuyên truyền, giáo dục, hình thành ý thức BVMT từ gia đình đến cộng đồng dân cư; xây dựng Quy chế quản lý và sự tham gia của các bên liên quan trong quản lý, phân loại xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt. Đồng thời, xây dựng, bổ sung chỉ số cứng về phân loại, xử lý nước thải, rác thải tại nguồn vào tiêu chí số 17 trong xây dựng NTM.

Nhờ những cách làm trên, đến năm 2019, Hà Tĩnh đã có 173 xã đạt tiêu chí số 17/9 (báo cáo của Sở TN&MT); trong đó, tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 98,3% (tăng 29,4% so năm 2010); 48,7% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn quốc gia (tăng 22,77% so năm 2010); tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải đạt 72%; hệ thống mương thoát nước thải khu dân cư được xây dựng đồng bộ.

Để đạt được kết quả trên là nhờ sự kết hợp trong công tác chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của UBND tỉnh, hoạt động kiểm tra, hướng dẫn thực hiện thường xuyên của Sở TN&MT, với những giải pháp tích cực tại nhiều địa phương như: Xây dựng các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề, giao cho các đoàn thể phụ trách; hỗ trợ một phần kinh phí cho người dân; tăng cường tuyên truyền, vận động người dân phân loại rác tại hộ gia đình, thực hiện tốt phong trào “5 không, 3 sạch”, xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; phát động phong trào chỉnh trang khu dân cư, cải tạo vuờn sạch, đẹp ...

Ngoài ra, điểm mấu chốt tạo nên thành công trong việc thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm tại Hà Tĩnh, đó là tỉnh đã xây dựng được những mô hình thí điểm về xã NTM kiểu mẫu, từ đó nhận rộng ra các địa phương khác trên toàn tỉnh. Đồng thời, củng cố và phát triển các tổ tự quản về vệ sinh môi trường; nâng cao tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch; chú trọng xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn... Đặc biệt là tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân thông qua nhiều hình thức, phát huy tối đa vai trò của người dân trong công tác giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường nông thôn; vận động nhân dân đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình hợp vệ sinh, bố trí chuồng trại chăn nuôi hợp lý, thực hiện tốt nếp sống văn hóa, tạo cảnh quan Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp.

Với cách làm sáng tạo, hiệu quả, tháng 9/2019, Hà Tĩnh đã được Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ chọn là địa phương xây dựng thí điểm tỉnh đạt chuẩn NTM theo Thông báo số 319/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ. Hi vọng với sự quyết tâm, đoàn kết, sáng tạo, Hà Tĩnh sẽ phát huy nội lực, tăng tốc, bứt phá thành công để trở thành tỉnh đầu tiên trên cả nước đạt chuẩn NTM trước năm 2025.

THU HƯỜNG - PHƯƠNG TÂM

HẢI HẬU TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU



▲ Đường “nở hoa” ở Hải Hậu

Hải Hậu (Nam Định) được chọn là huyện điểm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2011 - 2015. Bằng cách làm độc đáo, sáng tạo theo phương châm "Lấy sức dân mà lo cho dân", "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", "Nền móng để xây dựng NTM phải từ mỗi thôn, xóm", đến năm 2015, 32/32 xã của huyện đều đạt 19/19 tiêu chí, đưa Hải Hậu trở thành huyện NTM. Năm 2017, Hải Hậu tiếp tục là 1 trong 3 huyện được Trung ương lựa chọn để xây dựng huyện NTM kiểu mẫu cùng với huyện Nam Đàn (Nghệ An), Xuân Lộc (Đồng Nai). Với mục tiêu, xây dựng Hải Hậu “là huyện khá giả, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, cảnh quan môi trường Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, văn hóa mang đậm bản sắc truyền thống, xã hội nông thôn bình yên”, đến nay, sau 3 năm triển khai Đề án, huyện Hải Hậu đã đạt được những thành công nhất định.

Về xây dựng mô hình xóm, xã NTM kiểu mẫu: Hải Hậu có 9 mô hình cấp xóm đã được huyện thẩm định đạt các tiêu chí kiểu mẫu về kết cấu hạ tầng, cảnh quan môi trường và văn hóa (đã công nhận xóm 2; 3 thôn Phú Lễ, xã Hải Châu đạt xóm NTM kiểu mẫu); 3 xã (Hải Thanh, Hải Quang, Hải Châu) cơ bản hoàn thành các tiêu chí kiểu mẫu về kết cấu hạ tầng, cảnh quan, môi trường, văn hóa; các xã còn lại đang tích cực xây dựng, hoàn thiện tiêu chí kiểu mẫu theo quy định của tỉnh.

Cùng với đó, huyện Hải Hậu cũng đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí: “Sáng” (Có hạ tầng nông thôn kiên cố, đồng bộ, kết nối), “Xanh, Sạch” (Cảnh quan, môi trường nông thôn xanh mát, sạch đẹp), “Đẹp” (Nếp sống văn minh, tiến bộ, giàu bản sắc truyền thống) đảm bảo theo đúng kế hoạch đã được duyệt.

Với truyền thống văn hóa, lịch sử hàng nghìn năm, Hải Hậu luôn giữ được bản sắc người Việt Nam chân chất, hồn hậu. Với những cách làm trên, đã và đang trở thành điểm sáng của phong trào. Thời gian tới, huyện sẽ dồn lực, dồn sức, tiếp tục xây dựng NTM kiểu mẫu theo phương châm “đường có điện có hoa, nhà có tên, sông không rác, cán bộ chuyên cần, nhân dân đồng thuận”.

VŨ HỒNG



QUẾ XUÂN 1:

Giữ vững tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới



▲ Đường làng, ngõ xóm tại xã Quế Xuân 1 được bê tông hóa

Khi bắt đầu thực hiện nông thôn mới (NTM), Quế Xuân 1 (huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam) chỉ đạt 5/19 tiêu chí. Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, năm 2015, xã đạt chuẩn NTM. Sau khi được công nhận xã NTM, Quế Xuân 1 tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM và được người dân hưởng ứng; đặc biệt là tập trung thay đổi rõ nét về cảnh quan môi trường.

Để giữ vững tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, các tổ chức đoàn, hội xã Quế Xuân 1 tích cực vận động hội viên và người dân trên địa bàn thường xuyên tham gia làm vệ sinh đường làng, ngõ xóm thông thoáng; làm hàng rào, trồng hoa dọc các tuyến đường, tổ chức thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng lưu giữ trong lu có nắp đậy. Với khu vực chưa có hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt, xã triển khai xây dựng các mô hình đem lại hiệu quả cao: "Phụ nữ phân loại, xử lý rác tại gia đình", "Khu dân cư tự quản BVMT", "Khu dân cư Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp"...

Đến nay, xã Quế Xuân 1 đã hoàn thành 19/19 tiêu chí NTM, cứng hóa được 2,896 km đường trực xã; 6,899 km đường trực thôn, liên thôn; 49,844 km đường giao thông nông thôn, ngõ, xóm; đường giao thông nội đồng 14,223

km. Xã cũng nâng cấp mở rộng được 2,2 km đường bê tông giao thông nông thôn loại A, 300 m hệ thống mương thoát nước thải khu dân cư. Cùng với đó, thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Quế Xuân 1 đã xây dựng được nhiều mô hình đem lại hiệu quả kinh tế như sản xuất lạc thảm canh trên đất lúa với diện tích 140 ha, với hơn 600 hộ tham gia sản xuất. Địa phương cũng đã liên kết với Công ty Giống Trung ương Quảng Nam sản xuất được 75 ha lúa giống, tham gia mô hình thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu của dự án WB7 trên diện tích 60 ha sản xuất lúa.

Với nhiều nỗ lực, Quế Xuân 1 đã vươn lên NTM, tuy nhiên, để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM là cả chặng đường dài. Bởi thực tế có những tiêu chí như môi trường,

văn hóa... rất dễ biến động nếu không có kế hoạch đầu tư, phát triển cụ thể. Trong 5 năm tới, để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025, Quế Xuân 1 sẽ tập trung khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng thế mạnh, nội lực về nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng nâng cao chất lượng xã NTM, gắn với việc chăm lo giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ khởi nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Đặc biệt, nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm tăng cường công tác BVMT, tạo điểm nhấn cho diện mạo nông thôn.

PHẠM VĂN NGỌC

Di sản văn hóa phi vật thể đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững

NGUYỄN THỊ HIỀN

Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam



▲ Những chiếc chiếu được làm bằng nguyên liệu có nguồn gốc thiên nhiên ở Samoa

C hương trình nghị sự vì phát triển bền vững (PTBV) đến năm 2030 đã tạo ra một kế hoạch hành động giải quyết ba phương diện của PTVB: Kinh tế, xã hội và môi trường - thông qua 17 mục tiêu PTVB là những lĩnh vực hành động đan xen lẫn nhau ở nhiều cấp độ và tôn trọng ba nguyên tắc cơ bản là nhân quyền, bình đẳng và tính bền vững. Di sản văn hóa phi vật thể có thể đóng góp hiệu quả vào sự PTVB trên từng phương diện, cũng như với đòi hỏi về hòa bình và an ninh như những điều kiện tiên quyết cho PTVB.

Ba phương diện kinh tế, xã hội và môi trường của PTVB, cùng với vấn đề hòa bình và an ninh có mối quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau và không thể tách rời. Việc đạt được những mục tiêu này đòi hỏi phải có sự tiếp cận toàn diện về chính sách, trong đó có sự chủ động phối kết hợp ở tất cả các lĩnh vực. Di sản văn hóa phi vật thể có thể đóng góp một cách hiệu quả vào PTVB theo từng vấn đề, và các biện pháp bảo vệ là cần thiết nếu các cộng đồng hình dung ra tương lai cho tất cả mọi

người. Trong khuôn khổ bài viết này xin được đề cập đến phương diện mối liên hệ giữa văn hóa phi vật thể với sự bền vững về môi trường.

Sự bền vững về môi trường đòi hỏi phải đảm bảo khí hậu ổn định, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học (ĐDSH). Những vấn đề này phụ thuộc vào việc tăng cường chia sẻ hiểu biết và kiến thức khoa học về biến đổi khí hậu (BĐKH), hiểm họa thiên nhiên, không gian môi trường và những giới hạn của nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường khả năng thích ứng của các nhóm cư dân dễ bị tổn thương do BĐKH và thiên tai là biện pháp cấp thiết nhằm hạn chế

những tổn thất về con người, xã hội và kinh tế.

Từ hàng nghìn năm nay, các tri thức, giá trị và thực hành truyền thống được tích lũy và tái tạo qua nhiều thế hệ như một phần của di sản văn hóa phi vật thể đã dẫn dắt cách thức xã hội loài người tương tác với môi trường tự nhiên xung quanh. Ngày nay, đóng góp của di sản văn hóa phi vật thể vào môi trường bền vững được ghi nhận ở các lĩnh vực như bảo tồn ĐDSH, quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững và phòng chống, ứng phó với thảm họa thiên nhiên.

Như những di sản sống, kho tri thức, các giá trị và thực hành di sản văn hóa phi vật thể liên quan đến

môi trường hình thành nên năng lực phát triển và thích ứng với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững hơn khi cần thiết, cho phép cộng đồng ứng phó tốt hơn với thiên tai và những thách thức từ BĐKH.

Di sản văn hóa phi vật thể có thể giúp bảo vệ ĐDSH. Các cộng đồng bản địa và địa phương nắm vai trò trung tâm trong bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Tại Kenya, phụ nữ Kikuyu là trung tâm của việc nhân giống và bảo quản hạt giống cây lương thực. Theo truyền thống, những người phụ nữ sẽ gieo trồng nhiều giống đỗ khác nhau trên cùng một cánh đồng và bảo tồn nhiều kho hạt giống như một sự đảm bảo phòng khi bệnh dịch và khí hậu khó lường. Ngày nay, những kho giống cây trồng này hình thành nên một kho chứa quý giá về tri thức bách thảo bản địa - tất cả trở nên vô cùng giá trị sau nhiều thập kỷ suy thoái nguồn gen nông nghiệp ở cấp quốc gia do sản xuất đơn vụ vụ. Có thể nói, trong số những người nắm giữ tri thức địa phương, nông dân, người chăn nuôi, người dân và thầy thuốc y học cổ truyền chính là những người bảo vệ sự ĐDSH.

Di sản văn hóa phi vật thể góp phần BVMT bền vững. Trong khi các hoạt động tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên của con người ngày càng gia tăng và không bền vững ở cấp độ toàn cầu, nhiều cộng đồng địa phương có những lối sống và thực hành di sản văn hóa phi vật thể gắn bó chặt chẽ với tự nhiên và tôn trọng môi trường. Cụ thể như những chiếc chiếu dệt tinh xảo ở Samoa được sử dụng như một loại tiền tệ để thực hiện các nghĩa vụ văn hóa hoặc được rước trong các nghi lễ. Theo thời gian, kho tri thức sinh thái truyền thống gắn với nghề dệt được hình thành, trong đó có việc trồng các giống dứa dại, loại cây cung cấp nguyên liệu chính cho nghề dệt. Tri thức này giúp cho người Samoa BVMT của họ, bởi việc nhận biết nguồn gốc thiên nhiên của loại cây này có ảnh hưởng lớn đến sức

khỏe của họ. Có nguồn gốc thực vật, các sản phẩm dệt có thể phân hủy một cách tự nhiên, làm cho quá trình từ gieo trồng cho đến thu hoạch, sử dụng và tiêu hủy diễn ra ngắn hơn, không như các sản phẩm nhựa và các sản phẩm gây hại đến môi trường khác đang được sử dụng ô ạt trên phạm vi toàn cầu.

Tri thức và thực hành địa phương về thiên nhiên có thể đóng góp vào nghiên cứu về môi trường bền vững. Những người dân đánh bắt theo phong cách truyền thống nắm giữ thông tin quan trọng giúp giải quyết các thách thức về ĐDSH biển. Ví dụ, những tri thức liên quan đến hệ sinh thái, hành vi, sự di cư, môi trường sống của các loài cá và các phương pháp đánh bắt phù hợp theo mùa. Những tri thức chi tiết, đa dạng và hữu ích này có thể bổ sung cho các nghiên cứu khoa học về bảo tồn và phục hồi ĐDSH biển. Hợp tác quốc tế giữa các cộng đồng địa phương và các nhà nghiên cứu, cũng như việc chia sẻ kinh nghiệm thực hành tốt, có thể góp phần đạt được sự bền vững về môi trường trong các lĩnh vực như bảo tồn rừng, bảo tồn ĐDSH nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

Các tri thức và chiến lược ứng phó tạo nền tảng quan trọng cho khả năng ứng phó đối với thiên tai và BĐKH dựa

vào cộng đồng. Cộng đồng địa phương, thường xuyên sống trong môi trường dễ bị tổn thương và khắc nghiệt, là một trong những đối tượng đầu tiên chịu tác động của BĐKH và thiên tai. Tri thức và những thực hành của họ liên quan đến thiên nhiên và khí hậu - bao gồm hiểu biết về hệ sinh thái, các kỹ năng và nguyên tắc BVMT và ĐDSH, hệ thống quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, dự báo thời tiết và thiên tai - tạo nên kho tàng phong phú về chiến lược ứng phó với các mối nguy hiểm từ môi trường tự nhiên. Được bồi đắp và liên tục điều chỉnh để thích ứng hoàn cảnh, các tri thức và kỹ năng này là những công cụ trải qua thử thách của thời gian, có thể hỗ trợ cộng đồng địa phương giảm thiểu rủi ro thảm họa thiên nhiên, tái tạo khi cần thiết và thích ứng với BĐKH.

Tóm lại, xã hội loài người không ngừng phát triển và biến đổi di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm các tri thức và thực hành liên quan đến tự nhiên cũng như xã hội, để thích nghi và giải quyết các nhu cầu cơ bản và vấn đề xã hội theo thời gian và không gian. Di sản văn hóa phi vật thể có vị trí, tầm quan trọng và là động lực chính của đa dạng văn hóa, đảm bảo cho sự PTBV■

Những tri thức và thực hành được tích lũy qua thời gian giúp hình thành nên tập quán sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động của BĐKH. Do vậy, di sản văn hóa phi vật thể có thể giúp bảo vệ ĐDSH và góp phần PTBV. Nhiều nhóm cộng đồng địa phương hình thành lối sống và thực hành di sản văn hóa phi vật thể gắn bó chặt chẽ với tự nhiên và tôn trọng môi trường.

Sự hủy hoại thế giới hoang dã bởi các “mô hình kinh doanh sáng tạo”

NGỌC MAI

Trung tâm Giáo dục và Truyền thông Môi trường

Trong những năm gần đây, có một cách tiếp cận mới về bảo tồn thiên nhiên, đó là tạo ra các “mô hình kinh doanh sáng tạo” để bảo tồn và phát triển “vốn tự nhiên” và “dịch vụ hệ sinh thái”. Các khu vực được bảo tồn xem là “vốn” để tạo ra tiền thù lao cho chủ sở hữu. Từ việc nhìn nhận thiên nhiên hoàn toàn có thể tính toán, đo lường, thì việc đầu tư cho phát triển du lịch dựa trên giá trị của các dịch vụ hệ sinh thái là điều dễ hiểu và các khu bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) thường là đòn bẩy đầu tiên để đầu tư sinh lãi. Trong khi đó các nghiên cứu cho thấy, tác động tiêu cực của du lịch (đặc biệt là tiếng ồn) đối với ĐVHD tăng lên theo cấp số nhân. Như vậy, việc tổ chức du lịch sinh thái ở các khu vực bảo vệ ĐVHD xem như không hợp lý.

THIÊN NHIÊN - NƠI ĐỂ TẠO “VỐN TỰ NHIÊN”

Trong thời gian từ 3 đến 4 năm trở lại đây, các công ty lớn, các tổ chức phi Chính phủ về môi trường đã đề xuất cụm từ về “vốn tự nhiên” (năm 2016). Đó là việc đề xuất các cơ chế mới và mô hình kinh doanh sáng tạo để kết hợp sự thịnh vượng về kinh tế và bảo vệ, hoặc tái tạo tự nhiên. Tuy nhiên hãy hình dung thiên nhiên là một cơ sở hạ tầng - “một cơ sở hạ tầng màu xanh” so với “một cơ sở hạ tầng màu xám” do con người tạo ra. Cơ sở hạ tầng màu xanh cung cấp các dịch vụ có giá trị như nước sạch, không khí thoáng mát, đất đai màu mỡ, đa dạng sinh học phong phú, bảo vệ và hạn chế thiên tai... Như vậy, nếu đầu tư vào các dịch vụ này có thể mang lại lợi nhuận rất hấp dẫn cho cộng đồng, doanh nghiệp và cho cả Chính phủ.

KHI THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH THAM GIA VÀO CÔNG TÁC BẢO TỒN

Vào đầu mùa hè năm 2019, một trái phiếu trị giá 50 triệu USD, được gọi là trái phiếu “Nghĩa vụ tê giác” đã được phát hành vào thị trường tài chính để cứu loài tê giác đen, một loài cực kỳ nguy cấp có tên trong sách Đỏ IUCN. Tại Kenya, thủ phủ bảo tồn tê giác, một công ty hy



▲ Sơ đồ đại diện của một hệ sinh thái cho những người ủng hộ bảo tồn như một doanh nghiệp

vọng sẽ nhận được ngân phiếu trên vào năm 2020 để trang trải các nỗ lực bảo tồn của 700 con tê giác đen tại 5 địa điểm ở Nam Phi và Kenya. Thù lao được lập chi trả cho mục “Sự tăng trưởng của quần thể động vật có mục tiêu được đặt ở mức 10%”.

Tầm nhìn bảo tồn này đã hoàn toàn bỏ qua các nghiên cứu khoa học mới nhất theo hướng bảo vệ toàn bộ hệ sinh thái, thay vì bảo vệ từng trường hợp cụ thể cho từng loài. Trong nhiều thập kỷ qua, các nhà bảo tồn đã tập trung vào loài khỉ đột. Chiến lược này dựa trên ý tưởng bảo vệ “một loại” sẽ có tác động tích cực đến tất cả các loài khác có chung môi trường sống. Thực không may, ý tưởng này hoàn toàn sai vì bỏ bê các loài khác và có tác động đến các loài khác thông qua các tương tác vẫn chưa được kiểm chứng, xác thực. Các nhà khoa học vẫn chưa nhận thức được tất cả các tương tác trong một hệ sinh thái và khi thao túng môi trường sống thì mang lại

lợi ích cho một loài, nó có thể là thảm họa đối với các loài khác.

Những trái phiếu tê giác như trên chỉ có thể mang lại lợi ích chủ yếu cho các nhà đầu tư và chủ sở hữu đất đai, sở hữu động vật. Tất cả những điều này giống như một hoạt động truyền thông và lợi dụng phạm vi truyền thông của một loài biểu tượng đang bị đe dọa tuyệt chủng. Trong khi đó thiên nhiên và hệ sinh thái đang mất dần.

ĐỐI VỚI DU LỊCH THÌ SAO?

Trong thế kỷ XX, ngành công nghiệp du lịch dựa trên săn bắn đã tạo ra doanh thu 2,8 tỷ USD (năm 2017) và khoảng 429.500 việc làm trực tiếp. Như vậy, việc kinh doanh trước “sức khỏe của các hệ sinh thái” đã được nghiên cứu cẩn thận và kết quả đó được thể hiện trong báo cáo gần đây nhất của Cơ quan Liên Chính phủ về các dịch vụ sinh thái và đa dạng sinh học (IPBES) là dấu chân khách du lịch tăng



40% từ năm 2009 đến năm 2013 và có tới 8% tổng lượng khí thải nhà kính từ giao thông, đón khách và tiêu thụ thực phẩm, rác thải, nước thải... của ngành du lịch.

Cuộc đua phát triển và công nghiệp hóa của Kenya đang hủy hoại các công viên quốc gia. Các dự án cơ sở hạ tầng lớn được tài trợ bởi người phương Tây và Trung Quốc đã được thực hiện ở khu vực trung tâm của một số công viên và khu bảo tồn, bất chấp đó là lanh thổ của ĐVHD. Chừng nào logic này còn tiếp diễn, ĐVHD vẫn sẽ phải chịu hậu quả trong bất kể mô hình bảo tồn nào.

Trong Khu bảo tồn OiPejeta, có khoảng 60.000 du khách mỗi năm, điều này tương đương với trung bình 164 du khách mỗi ngày đi du lịch trong 38.000 ha của khu bảo tồn trên các phương tiện và trên mọi địa hình. Khó có thể tưởng tượng làm thế nào mà động vật không thể không bị làm phiền bởi một cuộc du lịch như vậy.

Tại Hoa Kỳ, số lượng nai sừng tấm ở khu vực thuộc Colorado gần như bị xóa sổ do sự tăng các hoạt động ngoài trời. Quá nhiều người đi bộ có mặt trong suốt cả năm đã làm phiền các động vật trong chu kỳ sinh sản của chúng. Tương tự, du lịch đã làm ảnh hưởng tới các chú hổ con ở Ấn Độ và voi những con Báo ở Kenya.

Tại Sri Lanka, không dưới 658.000 khách du lịch đã đến thăm Công viên quốc gia Yala vào năm 2016, nơi đây được biết đến với các loài báo. Với 250 chiếc xe mỗi ngày và lên tới 700 xe trong những ngày cao điểm, công viên tập trung rất nhiều du khách. Ngay sau khi phát hiện ra một động vật, tin nhắn nhanh chóng truyền qua điện thoại di động, một trong số các hướng dẫn viên của công viên chạy qua khu vực, bất chấp tốc độ, gây tai nạn và đôi khi làm tổn thương động vật.

Ngoài những ảnh hưởng lâu dài của sự làm phiền này, còn có nhiều tác động khác như ô nhiễm không khí và các loại chất thải của khách du lịch để lại. Họ cũng có xu hướng cho động vật ăn, uống và có thể dẫn đến bệnh tật, làm chúng thay đổi hành vi.

Một vấn đề khác làm ảnh hưởng tới công tác bảo tồn

là vấn đề kinh doanh. Nền kinh tế địa phương đang phát triển và trở nên phụ thuộc vào doanh thu của du lịch, khách sạn, nhà hàng, hàng thủ công... Các cộng đồng địa phương đang chuyển từ một lối sống sinh hoạt, nơi họ lấy những gì họ cần từ tự nhiên sang nền kinh tế thị trường, nơi họ tiếp cận nhu cầu của mình thông qua trao đổi tiền tệ.

Khi con người không còn phụ thuộc trực tiếp vào tự nhiên để lấy thứ họ cần, thì tự động hệ thống tự nhiên sẽ bị phá hủy. Họ không còn chú ý đến tự nhiên và không quan sát nó bằng con mắt tổ tiên của họ. Thậm chí còn tồi tệ hơn ở Kenya và Botswana, nơi mà ĐVHD bị coi thường và được coi là một sở thích của những kẻ xâm lược trắng. Trên tờ The Guardian, ông Paula Kahumbu - Chủ tịch của Tổ chức ĐVHD NGO Kenya cho biết "Điều đáng lo ngại nhất là việc chúng

tôi không cung cấp phản hồi tập thể. Đường như người Kenya không còn coi trọng hay khao khát một môi trường lành mạnh. Chúng tôi thậm chí không nhận thấy rằng tất cả các con sông đều bị ô nhiễm hoặc chúng ta mất đi sự đa dạng sinh học của các khu rừng. Chúng ta có thể nhận thấy rằng nó ấm hơn một chút và khô ráo hơn một chút và sau đó trồng một số cây để cảm thấy tốt hơn một chút, nhưng chúng ta không ngăn chặn được nạn phá rừng bất hợp pháp".

Các cuộc khảo sát cho thấy, phần lớn thanh niên Kenya không quan tâm đến ĐVHD, vì họ coi đây là thứ mang lại lợi ích cho một nhóm nhỏ khách du lịch giàu có và chủ đất trống. Sự mất kết nối giữa con người và thiên nhiên chuẩn bị nền tảng cho những người có ảnh hưởng đến lập luận bảo tồn là một tầm nhìn phương Tây lỗi thời không còn chỗ đứng ở Kenya và biện minh cho sự không hoạt động của hệ thống bảo tồn với sự biến mất của ĐVHD.

Một hiện tượng tương tự xảy ra trên khắp mọi nơi ở châu Âu với sự phát triển của các cơ sở hạ tầng, đô thị hóa nông nghiệp và công nghiệp. Sự mất kết nối với thiên nhiên này đặc trưng cho tất cả các nước công nghiệp. Sự nỗ lực của họ trong việc cố gắng dung hòa sự phát triển kinh tế với việc bảo vệ ĐVHD. Điều này sẽ dẫn đến sự mất mát của chính họ. Nghiên cứu "Phân tích tác động của cơ sở hạ tầng, của con người đến ĐVHD ở châu Âu" công bố vào năm 2016 cho thấy, các hoạt động đi lại của con người, cộng với mạng lưới giao thông dày đặc, tiếng ồn của các phương tiện giao thông, nhà máy sản xuất đã tạo nên một châu Âu hỗn loạn.

Hiện nay, chúng ta thấy một tình huống hoàn toàn nghịch lý - nơi mà hàng trăm triệu đô la đổ vào để bảo vệ ĐVHD ở châu Phi và hàng tỷ đô la đổ vào để đầu tư trong các dự án phát triển. Điều này sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp phá hủy đa dạng sinh học. Một nghiên cứu tổng hợp gần đây ước tính từ 1,2 - 2,4 tỷ đô la mỗi năm chi phí cho bảo tồn các khu vực vẫn còn sự hiện diện của sư tử.

Tập Bản đồ toàn cầu về Dòng chảy bất hợp pháp đã minh họa mức độ buôn bán ĐVHD trên toàn thế giới. Và ngay cả khi tất cả các hoạt động bất hợp pháp được thúc đẩy bởi cơ quan tạo quyền lực vương giả cho ngành công nghiệp thì đa dạng sinh học đang phải trả giá. Kenya là một ví dụ minh chứng về quá trình chuyển đổi này, không có lợi cho ĐVHD và không có một "Mô hình xã hội thống trị nào ma không hủy hoại đến thế giới hoang dã" ■

Ngân hàng chất thải - mô hình thành công trong quản lý chất thải rắn đô thị tại Indônêxia

ThS. NGUYỄN THỊ THU HOÀI

Viện Khoa học Môi trường

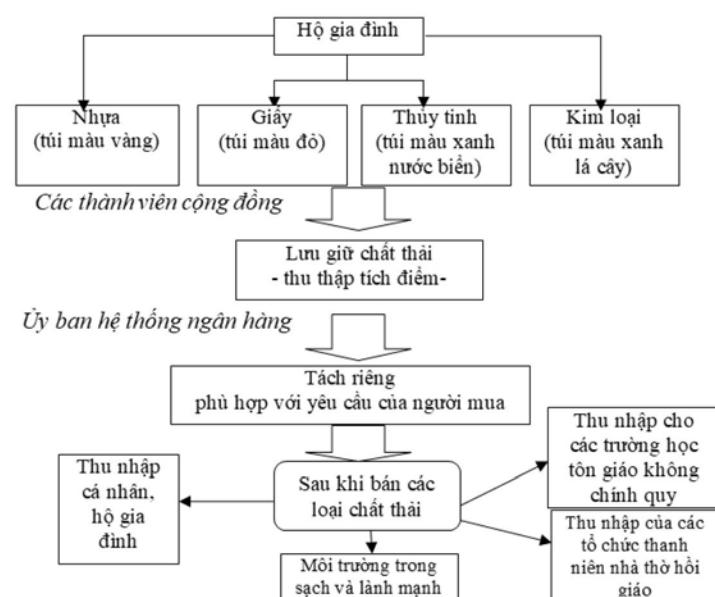
NGUYỄN THỊ TRÀ

Đại học Kinh tế Nghệ An

Tại Indônêxia, mô hình ngân hàng chất thải (NHCT) hình thành trên cơ sở quy định của Luật Quản lý chất thải năm 2008 và được chuyển đổi từ mô hình thu gom, xử lý chất thải. Mô hình 3R (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế) là một giải pháp thay thế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải mà Chính phủ Indônêxia hướng tới. Mô hình NHCT là kết quả của Chương trình mà Chính phủ Indônêxia sử dụng nhằm thúc đẩy sáng kiến 3R để giải quyết

vấn đề chất thải ngày càng gia tăng. NHCT phát triển và thành công là do công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân, Chương trình đã huy động được cộng đồng địa phương tích cực tham gia.

NHCT là một chiến dịch xử lý chất thải bằng cách mua lại chất thải dưới dạng tiền gửi như hệ thống ngân hàng, hoạt động giống với ngân hàng, nơi cộng đồng, các cấp địa phương có thể sử dụng để gửi và thu tiền từ giá trị của rác thải.



▲ Mô hình NHCT tại Indônêxia



▲ Người dân ở Jakarta, Indonesia tham gia Chương trình “đổi rác lấy vàng” tại Ngân hàng Tái chế Wijaya Kusuma

NHCT được thiết lập với quy mô khoảng 1.000 người và được điều hành bởi những người nghèo để giúp tăng thêm thu nhập. Người dân mang tất cả chất thải vô cơ ra các ngân hàng và được xử lý như một khoản tiền gửi. Các NHCT bán vật liệu ký gửi cho các đại lý để tái sử dụng, hoặc tái chế. Vì vậy, việc gửi chất thải đã được chuyển đổi thành tiền và người dân có thể rút số tiền đó khi cần sử dụng.

NHCT đã được phát triển ở nhiều thành phố tại Indonesia như Bantul (2008), Malang (2010), Surabaya (2010), Gresik (2012), Cilacap (2012), Barat (2012), Akarta (2017) và lan rộng đến nhiều địa phương khác. Đây là một trong những nỗ lực của Chính phủ và người dân Indonesia để tăng cường hoạt động quản lý chất thải.

Chương trình NHCT của Chính phủ Indonesia đã góp phần quan trọng vào việc giảm khối lượng chất thải tại các bãi chôn lấp, dần trở thành nguồn thu chính, đóng góp hàng tỷ Rupiah (Rp) cho đất nước. Để hỗ trợ Chương trình, Chính phủ đã phối hợp với các NHCT để đưa vào chương trình giáo dục hàng năm của các học viện NHCT ở Indonesia. Mục tiêu chính của NHCT là BVMT bằng cách giáo dục người dân phân loại rác tại nguồn, giúp đem lại lợi ích kinh tế cho người dân. Chất thải được phân loại sẽ được thu gom và trao đổi bằng tiền thông qua các NHCT. NHCT là phương pháp hiệu quả để giáo dục người dân Indonesia phân loại rác. Diễn hình tại TP. Akarta, sau khi triển khai Chương trình NHCT đã mang lại lợi nhuận hàng tỷ Rp. Ở Tây Jakarta, NHCT Satu Hati ở Tây Jakarta được thành lập vào tháng

4/2017 và đã thu được ít nhất 7,2 tỷ Rp (tương đương 511.736 USD). Số tiền này được chuyển trực tiếp vào tài khoản của khách hàng. Trung bình, NHCT Satu Hati tiếp nhận từ 12 - 15 triệu Rp mỗi tuần. Theo Cơ quan Môi trường Tây Jakarta, NHCT Satu Hati hoạt động đã góp phần giảm khoảng 3.780 tấn chất thải vô cơ tại bãi chôn lấp ở Baltar Gebang. Ngoài ra, báo cáo của Bộ Môi trường và Lâm nghiệp Indonesia (2019) cho biết, trong 4 năm (2016 - 2019), NHCT đã tăng đáng kể từ 1.172 lên 7.488 NHCT, qua đó góp phần giảm 1,7%, tương đương 1.389.522 tấn chất thải trên toàn quốc và tạo ra trung bình 1.484 tỷ Rp (105.465 USD) mỗi năm.

Năm 2010, tại TP. Surabaya, 15 NHCT đã được hình thành, đến năm 2013, số lượng NHCT trên địa bàn đã gia tăng, với doanh thu trung bình từ 350.000 - 5.000.000 Rp/tháng. Ở Surabaya, NHCT được tổ chức bởi các cộng đồng địa phương với quy mô nhỏ cùng sự tham gia của cộng đồng. Trong đó, Bina Mandiri Waste Bank là NHCT lớn nhất, với 120 chi nhánh,

doanh thu gần 72.000.000 Rp mỗi tháng. Một số NHCT đã tạo ra sự đổi mới trong công tác quản lý chất thải dưới hình thức như trả tiền điện, tích hợp chất thải vào hệ thống của ngân hàng thúc đẩy nền kinh tế và lấy con người làm trung tâm.

Như vậy, mô hình NHCT tại Indonesia không chỉ giúp BVMT, mà còn mang lại lợi ích kinh tế thiết thực cho các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức xã hội. Đồng thời, NHCT tại Indonesia khuyến khích người dân chủ động phân loại rác thải, nâng cao nhận thức để xử lý chất thải một cách hiệu quả nhằm giảm thiểu chất thải đưa đi chôn lấp tại các bãi rác. Đặc biệt, sự đổi mới trong quản lý chất thải thông qua mô hình NHCT ở các cấp địa phương không chỉ nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải, mà còn làm tăng thu nhập của người dân. Bên cạnh đó, tác động xã hội tích cực của mô hình NHCT thể hiện rõ qua sự gia tăng hài hòa mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng, người dân và chính quyền trong việc quản lý chất thải, BVMT■